

Nguyệt san



BỘ MỚI

CHÁNH PHÁP

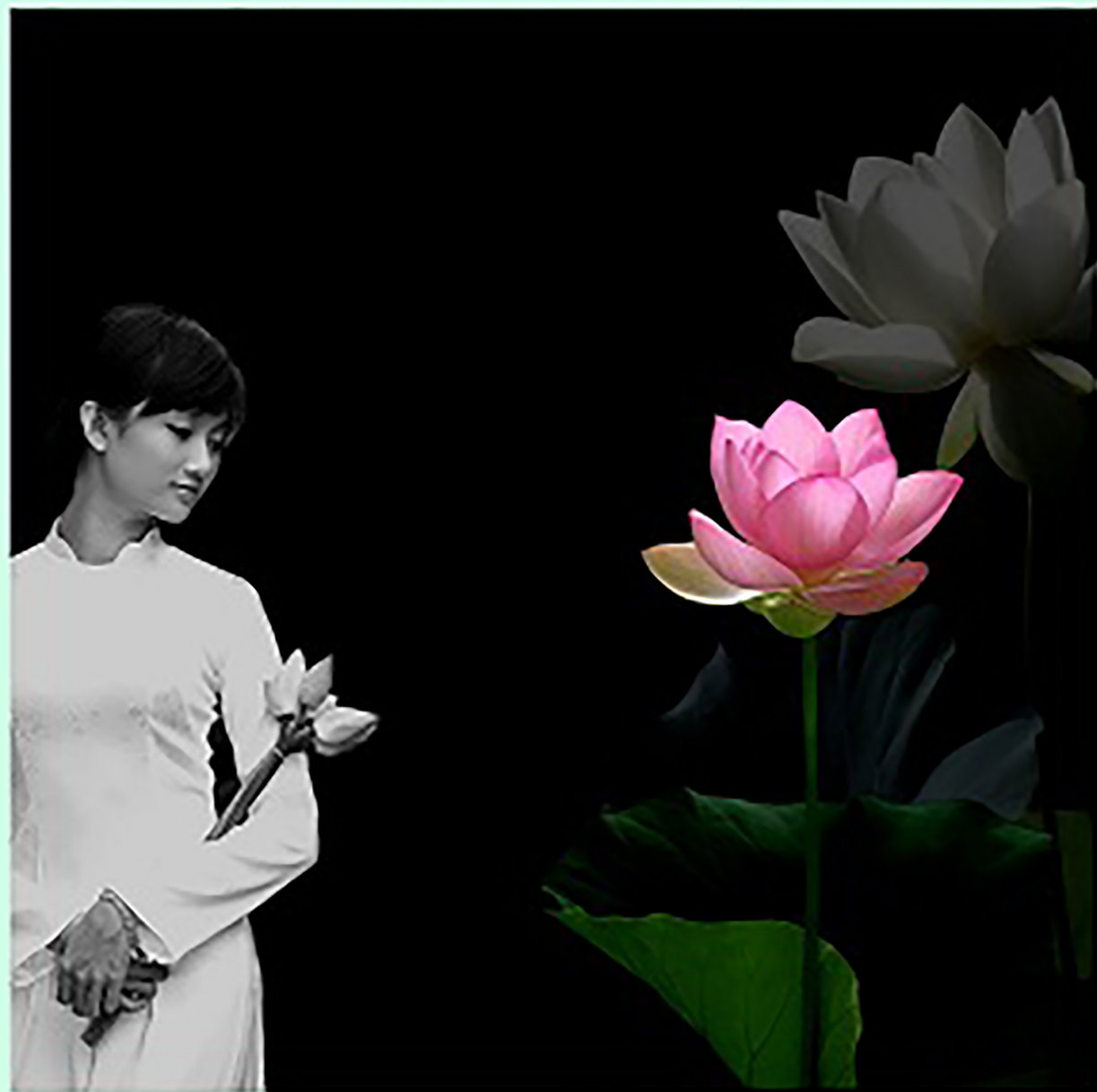
HOÀNG PHÁP



TIN TỨC PHẬT SỰ



VĂN HỌC PHẬT GIÁO



Hương Sen Mùa Phật Đản



THÁNG 5.2012



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Chúc Thiên
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Nguyễn Phước Nguyên**

LIÊN LẠC:

• **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com

• **Quảng cáo/Phát hành:**

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **NHỚ NGÀY PHẬT ĐẢN** (thơ Điều Ngự Từ Tín Nghĩa), **TÔI ĐI TÌM LẠI CHÍNH TÔI** (thơ Diệu Linh), trang 7
- ◆ **NGÔI GIỮA VÔ BIÊN, ÂM VỌNG** (thơ Hàn Long Ân), **BẠC MÁI ĐẦU** (thơ Tâm Thường Định), trang 7
- ◆ **DIỄN VĂN KHAI MẠC LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ** (HT. Thích Thông Hải), trang 8
- ◆ **ĐẠO TỬ LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **ĐẠO PHẬT, NGUỒN VĂN HÓA SINH ĐỘNG** (HT. Thích Đức Nhuận), trang 10
- ◆ **HOA VÔ ƯU, RỪNG THIÊN TRÁI LỐI, CỎ VÂY THÔI...** (thơ Kha Nguyệt), trang 13
- ◆ **THÔNG BÁO VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 2 – 2012** (Tỳ Kheo Thích Đồng Tuyên), trang 14
- ◆ **ĐỜI GIẢ TẠO, THIÊN HÀNH, THIÊN TRÀ, CHƯÔNG TỈNH THỨC** (thơ Thắng Hoan), trang 15
- ◆ **HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ TẠI NAM CALIFORNIA** (Hải Triều Âm), trang 16
- ◆ **SỰ KHÁC NHAU GIỮA GIỚI LUẬT VÀ LUẬT PHÁP; NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO** (Tâm Hạnh), trang 18
- ◆ **SẮC SẮC KHÔNG KHÔNG** (thơ Quảng Huệ Liên), trang 20
- ◆ **PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TUỔI TRẺ PHẬT GIÁO...** (Tâm Thường Định), trang 21
- ◆ **LỜI CẢM TẠ CỦA BAN TỔ CHỨC LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ** (HT. Thích Như Minh), trang 23
- ◆ **HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ TẠI NAM CALIFORNIA** (Hải Triều Âm), trang 24
- ◆ **KHÚC HƯƠNG SEN** (thơ Thích Hạnh Tuấn), trang 26
- ◆ **ĂN CHAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI** (Tâm Diệu), trang 27
- ◆ **NHÌN ĐÌNH TRƯỜNG SƠN NIỆM PHẬT, NHÌN MÂY BAY NIỆM PHẬT...** (thơ Cs. Nguyễn Thân), trang 28
- ◆ **VỊ ĐẠO SỰ TỐI THƯỢNG** (Huệ Trân), tr. 29
- ◆ **ĐẤT ƯƠM MẦM SÔNG VÔ BIÊN...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 31
- ◆ **NHỮNG PHIM DƯƠNG CẨM, TÔI VẪN ĐỢI...** (thơ Tuệ Sỹ), trang 32
- ◆ **LỜI KINH SÁM HÔI** (Đào Văn Bình), trang 33
- ◆ **LÃNH ĐẠO TÂM LINH – TÌNH THẦN LÃNH ĐẠO** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 36
- ◆ **PHƯƠNG CÁCH ĐÀN SANH CỦA CHƯ PHẬT** (Thích Nữ Giới Hương), trang 38
- ◆ **DƯ ẨM, ĐÊM NAY** (thơ Vĩnh Hào), trang 39
- ◆ **BUDDHIST IDEALS OF POVERTY AND PROSPERITY** (Thích Hạnh Tuấn), trang 40
- ◆ **PHI CHÂU-MỘT MẢNH ĐẤT MỚI CHO VIỆC HOẰNG PHÁP** (Hoang Phong), tr. 47
- ◆ **NGŨ NHÂN, THỊ ĐỆ TỬ** (Trần Bách Linh dịch thơ), trang 48
- ◆ **TÂM TÌNH TRONG ĐÊM THÁP NÉN NGUYỆN CẦU PHẬT ĐẢN** (Thích Minh Tuệ), trang 49
- ◆ **HẦY LÀ MỘT BỆNH NHÂN SÁNG SUỐT** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 51
- ◆ **BÀN LAI ĐIỆN MỤC, TỜ ĐỒNG** (thơ Hiền Nguyễn), **CÒN LẠI TRONG ĐÊM** (thơ Huệ Giác), trang 53
- ◆ **CÁ KHO BỒ ĐỀ** (Diệu An), trang 57
- ◆ **PHẬT GIÁO THĂNG TRĂNG: TRƯỜNG HỢP NHẬT BẢN VÀ SRI LANKA** (Cs. Nguyễn Giác), trang 59
- ◆ **PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 3. SANGHA / TĂNG ĐOÀN** (Tâm Minh Ngô Tăng Giáo dịch), trang 64
- ◆ **ĐÀN ONG NGĂN CHẶN MỘT VỤ XỬ OAN – song ngữ** (HT. Thích Trí Chơn dịch) tr. 66
- ◆ **XUÂN ĐẠ TỬ** (thơ Lam Nguyễn | Song Nguyễn và Trần Quốc Bảo dịch), trang 67
- ◆ **VỀ TRANH, TIẾNG CHIM HÓT** (thơ Huyền Vũ), trang 69
- ◆ **XIN NGƯỜI TRỞ LẠI** (thơ Pháp Tuệ Tâm), **TÂM NGUYỆN** (thơ Pháp Tuệ Đức), tr. 69
- ◆ **HÌNH ẢNH ĐÀ TIỆC GÂY QUÝ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÀ SANTA ANA** (Dzũng Nguyễn), trang 73
- ◆ **Ý NGHĨA CỜ PHẬT GIÁO** (GDPTVN Hoa Kỳ biên soạn), trang 74
- ◆ **ĐƯỜNG VỀ TRI KIẾN PHẬT** (thơ Nhật Thanh - Tuyết Nguyễn), trang 75
- ◆ **GÃ HỌC PHẬT NHƯ THẾ** (Ngu Chủ), tr. 76
- ◆ **LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ LONG TRỌNG CỬ HÀNH: THỰC HÀNH CHÁNH PHÁP CÙNG DƯƠNG PHẬT ĐẢN SANH** (Bình Sa), trang 80



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Báo Chánh Pháp số 6, tháng 5 năm 2012, do Phật Học Viện Quốc Tế (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ miễn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

Theo truyền thuyết, Thái tử Tất Đạt Đa giáng hạ nơi vườn Lumbini, dưới gốc cây vô-ru, với bảy bước chân được nâng bằng bảy hoa sen. Từ đó, người theo Phật thường gọi mùa Phật Đản là mùa hoa vô-ru, mùa sen nở, hoặc mùa hoa ru-đàm (linh thoại), v.v...

Có người nói hoa vô-ru và ru-đàm là một, nhưng theo kinh điển thì hoa ru-đàm cả ngàn năm mới nở một lần, còn vô-ru là một loại cây hoa nở quanh năm ở Ấn-độ và một số nước Á châu. Sen cũng không phải là loại hoa hiếm quý, vì thường nở rộ vào mùa khô hàng năm. Dù thế nào, truyền thuyết, linh thoại hay thực tế, các loại hoa này đều là những biểu tượng đẹp trong Phật giáo. Đặc biệt là hoa sen, được nhắc đến rất nhiều trong kinh điển và rất phổ thông trong tất cả các hình thức nghệ thuật và kiến trúc Phật giáo.

Sen cũng được dùng để đặt tên cho một bộ kinh nổi tiếng của truyền thống Đại thừa (Diệu Pháp Liên Hoa) mà từ đó phát sinh một tông phái lớn của Nhật-bản và Trung-hoa: Liên Hoa tông.

Một kinh khác chép rằng, sau khi thành đạo, Đức Phật đã quán xét tâm tính và căn cơ của chúng sanh trước khi quyết định chuyển vận bánh xe chánh pháp. Qua sự chiêm nghiệm của Ngài, muôn loại chúng sanh được biểu thị như là những hoa sen rộ nở trong các hồ mùa hạ. “Như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hay hồ sen trắng, có một số hoa sen sinh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên trên mặt nước, không bị dính sinh lầy, cũng không bị nước ướt đầm... Cũng vậy, có hạng chúng sanh nhiễm nhiều trần tục nhưng cũng có hạng chúng sanh ít nhiễm trần tục...” (kinh Ariyapariyesana – Trung Bộ). Với hình ảnh thi vị đó, có thể hiểu rằng dù sinh ra trong cảnh giới nào, chủng loại hay chủng tộc nào, bản chất của con người và chúng sanh là sen, là bất nhiễm, vô nhiễm. Bản chất ấy là Phật tánh. Với bản chất thanh tịnh đồng đẳng với chư Phật, tất cả chúng sanh đều có thể tùy theo phước đức, năng lực và hoàn cảnh của mình, hướng về đạo quả vô thượng.

Sen có thể vươn khỏi mặt nước một cách sạch sẽ thanh cao, có thể bị chìm ngập dưới sinh lầy, hoặc dính sinh lầy nhiều hay ít trong quá trình trưởng thành, nhưng một khi nở hoa, sen nào cũng ngát hương. Cách thế vào đời của Phật, Bồ-tát hay chúng sanh cũng đều như thế: từ nơi sinh lầy thống khổ của trần gian mà vươn dậy.

Giải thoát chẳng phải là sinh ra từ hư không, sinh từ nơi thơm sạch, mà chính là từ nơi trần tục, nhiễm ô, tỏa cánh chân thường tự tại.

Nhân mùa sen Phật Đản, xin nguyện cùng với bạn đạo muôn phương, xông ướp hương thơm đức hạnh, giải thoát để dâng tặng trần gian khổ lụy này...



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Lễ hội Hoa (Hanamatsuri) nhân kỷ niệm ngày Phật Đản

Ngày 8-4-2012, Liên đoàn Giáo hội Phật giáo Los Angeles (LABCF) sẽ tổ chức lễ Hanamatsuri thường niên.

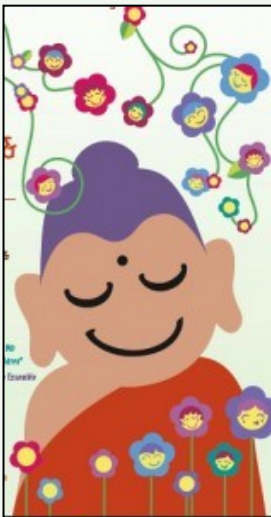
Lễ năm nay, với chủ đề "Phật giáo và Trẻ em", sẽ được tổ chức tại Phòng Vườn của Trung tâm Văn hóa và Cộng đồng Nhật kiều Mỹ, tọa lạc tại khu Tiểu Tokyo.

Lễ hội sẽ bắt đầu lúc 1 p.m. với một buổi lễ có sự tham gia của 15 tầng sĩ thuộc 6 ngôi chùa trong khu vực Tiểu Tokyo. Buổi lễ cũng sẽ có phần ca hát của một nhóm nữ cũng như các bài hát do các em nhỏ trình bày.

Sau đó sẽ có lễ trao giải cho các cuộc thi hội họa và chụp ảnh của trẻ em. Ngoài ra, chương trình còn có phần kịch thiếu nhi do nhóm kịch nổi tiếng Grateful Crane Ensemble trình diễn.

Một phát ngôn viên của LABCF nói, "Xin mời tham gia cùng chúng tôi với sự kiện đầy ý nghĩa này, để tôn vinh sự đản sinh của Đức Phật và sự kết nối giữa giáo lý Phật giáo và trẻ em". Lễ hội hoàn toàn miễn phí và mở rộng cho công chúng.

(RAFU SHIMPO - April 3, 2012)



Poster Lễ hội Hanamatsuri - RAFU SHIMPO

LA MÃ: Đức Hồng Y từ Vatican ca ngợi trí tuệ Phật giáo

Vatican, La Mã - ngày 3-4-2012, trong một thông điệp kỷ niệm lễ Phật Đản, một hồng y Công giáo La Mã đã ca ngợi Phật giáo về việc truyền dạy cho thanh niên những giá trị của trí tuệ, lòng từ bi và bất bạo động.

Đức Hồng Y Jean-Louis Tauran, trưởng ban đối thoại liên tôn giáo của Vatican, nói, "Là Phật tử, quý vị truyền lại cho những người trẻ tuổi trí tuệ liên quan đến sự cần thiết phải kiềm chế không làm hại người khác, và sống cuộc đời rộng lượng và từ bi".

Ông nói rằng khía cạnh này của giáo dục Phật giáo là "một món quà quý giá cho xã hội".

Ông kêu gọi "sự suy nghiệm sâu sắc hơn" về sự cần thiết "sẵn sàng chung tay với các tôn giáo khác để giải quyết những xung đột".

(AFP - April 4, 2012)



Đức Hồng Y Jean-Louis Tauran - Photo: AFP

VƯƠNG QUỐC ANH: Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế (IBFF) trở lại Luân Đôn

Luân đôn, Vương quốc Anh - IBFF lần thứ 10 sẽ được tổ chức tại Luân Đôn từ ngày 11 đến 15-4-2012.

Chương trình cho liên hoan năm nay - diễn ra hàng năm tại

các thành phố khác nhau trên khắp thế giới - sẽ bao gồm các buổi chiếu ra mắt những bộ phim của các đạo diễn Anh và Nhật, cùng với các phim tài liệu của các nước.

Liên hoan phim này, diễn ra lần gần đây nhất tại Luân Đôn là vào năm 2009, cũng sẽ có phần quảng bá đặc biệt về Miến Điện.

Giám đốc điều hành của IBFF là Gaetano Kazuo Maida nói, "Chúng tôi rất vui mừng được trở về Luân Đôn với một tuyển chọn mới tuyệt vời của điện ảnh thế giới về Phật giáo".

Liên hoan sẽ được tổ chức kết hợp với Diễn đàn Nghệ thuật Phật giáo ở Viện Nghệ thuật Courtauld tại Somerset House.

(Screen Daily - April 2, 2012)

NAM HÀN: Đại sư Jinje được tôn phong chức Tăng thống của Tông phái Tào Khê

Seoul, Nam Hàn - Đại sư Jinje đã được tôn phong làm tăng thống của tông phái Tào Khê tại lễ tấn phong vào lúc 2 p.m. ngày 28-3-2012.

Có 10.000 người tham dự lễ này, cùng với Thượng tọa Wonro, Thượng tọa Jaseung - sư trưởng phái Tào Khê, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Choi Kwang Sik, Luật sĩ Do thái giáo Jack Bemporad, Tiến sĩ Eui-Jeong - Chủ tịch Hội Cư sĩ Phật giáo Tào Khê của Trung tâm Phật giáo Hàn quốc Khu vực, và thành viên Hội đồng Quốc gia thứ 17 Park Geun Hye.

Các quan chức chính phủ cũng như các lãnh đạo tôn giáo thế giới đã chúc tụng lễ tôn phong của đại sư Jinje khi ông được bổ nhiệm làm Đức Tăng thống của Tông phái Tào Khê trong Phật giáo Hàn quốc.

(The Buddhist Channel - April 3, 2012)

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

ẤN ĐỘ: Các cuộc khai quật tại Moghalmari tiết lộ quá khứ Phật giáo của bang Tây Bengal

Các cuộc khai quật gần đây tại Moghalmari, một khu tu viện Phật giáo ở huyện Paschim Medinipur của bang Tây Bengal, cho thấy sự hiện diện mạnh mẽ của Phật giáo có niên đại thế kỷ thứ 6 tại bang này.

Ngày 4-4-2012, giám đốc dự án khai quật là Tiến sĩ Asok Datta cho biết, "Trong các cuộc khai quật được thực hiện tại địa điểm này vào tháng 3, chúng tôi đã tìm thấy 13 bức tượng nhỏ ngay tại vị trí nguyên thủy của chúng, và 4 bàn để dâng cúng bằng đất nung có hình Đức Phật ở giữa, chung quanh là chư Bồ tát và những chữ khắc của Phật giáo. Đây là minh họa rõ ràng cho sự hiện diện của một tu viện hưng thịnh tại địa điểm này".

Đội của ông đã khai quật khu đền thờ của tu viện. "Có những minh chứng rằng tu viện được xây giữa thế kỷ thứ 6 và thứ 7, và tiếp tục cho đến thế kỷ thứ 12," Tiến sĩ Datta nói.

(The Hindi – April 5, 2012)



Các tượng Phật ở di tích Moghalmari - Photo: Samir Mondal

NHẬT BẢN: "Thích Ca Mâu Ni và Thân Loan", cuộc triển lãm đặc biệt tại Bảo tàng Ryukoku

Để kỷ niệm 370 năm thành lập, trường Đại học Ryukoku đã mở cửa bảo tàng Phật giáo toàn diện đầu tiên của Nhật Bản, Bảo tàng Ryukoku tại Kyoto.

Khánh thành vào tháng 4 năm ngoái, bảo tàng hiện đang giới thiệu cuộc triển lãm đặc biệt

mang tên "Thích Ca Mâu Ni và Thân Loan (người sáng lập tông phái Tịnh Độ)", giới thiệu về sự khai sinh của Phật giáo, và về cuộc đời của Thân Loan và ảnh hưởng của ông trong Phật giáo Nhật Bản.

Cuộc triển lãm thường trực này kéo dài một năm, tập trung vào 3 chủ đề chính là sự khai sinh của Phật giáo tại Ấn Độ, sự truyền bá của Phật giáo vào châu Á và sự phát triển của Phật giáo tại Nhật Bản.

Với các chủ đề tuyển chọn, những hiện vật đặc biệt và theo kế hoạch cũng sẽ được thường xuyên trưng bày.

Thông qua những hoạt động này, bảo tàng nhằm mục đích thúc đẩy sự quan tâm của mọi người về văn hóa Phật giáo nói chung cũng như về những khám phá trong nghiên cứu học thuật.

(Buddhist Art News – April 8, 2012)



Poster của triển lãm "Thích Ca Mâu Ni và Thân Loan" Photo: B.A.N

BANGLADESH: Tác phẩm "Nhà sư Thiên định" đoạt giải nhất cuộc thi nhiếp ảnh

Chittagong, Bangladesh – Cuộc thi và triển lãm nhiếp ảnh Chitromoy Chattala kéo dài một tuần đã được tổ chức tại phòng triển lãm của Viện Kịch nghệ Chittagong, với 80 ảnh triển lãm

về chủ đề thành phố Chittagong.

Và giải nhất cuộc thi với số tiền là 50.000 Taka đã được trao cho tác phẩm "Nhà sư Thiên định" của nhiếp ảnh gia Adrian Poran. Tác phẩm này ghi lại hình ảnh một nhà sư đang thiền định dưới một cây bồ đề, trong khi những tia sáng chiếu lấp lánh qua vùng đồi tạo nên một vầng hào quang chung quanh ông.

Nhiếp ảnh gia Adrian Poran sinh tại một làng quê ở huyện Rangamati. Thấm nhuần triết lý Phật giáo, anh đã bắt đầu cuộc hành trình nghệ thuật của mình vào năm 2008.

Adrian Poran nói, "Phật giáo đã hoạt động trở lại tại vùng Chittagong rộng lớn hơn này trong gần 50 năm. Nhiều chùa chiền đã được xây dựng trong thời gian đó. Các nhà sư từ các nước khác nhau thường xuyên tập trung tại vùng này để tham dự những lễ hội, và tôi bắt đầu chụp ảnh họ".

(The Daily Star – April 9, 2012)



Adrian Poran và tác phẩm "Nhà sư Thiên định" - Photo: The Daily Star

PAKISTAN: Phát hiện thêm nhiều cổ vật tại Taxila

Taxila, Pakistan – Một đoàn gồm các học giả và gần 60 sinh viên từ Viện Văn minh châu Á Taxila (TIAC) đã phát hiện một số lượng lớn đồ vật trong các cuộc khai quật tại Bảo tháp và tu viện Phật giáo cổ gần Taxila.

Trưởng đoàn là Viện trưởng, Giáo sư Tiến sĩ Mohammad Ashraf Khan nói, "Phát hiện đáng chú ý nhất là một cây đinh bằng sắt và các xương động vật, là điều đã mở ra 2 chương mới trong lịch sử Gandhara. Một là, những người này đã biết sử dụng các kim loại khác nhau, và hai là, đã bác bỏ

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

quan điểm cho rằng những người theo đạo Phật thời đó chỉ ăn chay”.

Ông nói sự phát hiện cây đinh sắt cho thấy về nghề thủ công của những người sống trong khu vực này từ thế kỷ thứ 1 đến thứ 4, và về kiến trúc và việc sử dụng các kim loại khác nhau. Ông nói những khám phá khác - bao gồm 1 cây đèn, đất nung, các chuỗi hạt và bình chậu nhà bếp- thuộc về thời kỳ Kusshan.

(DAWN. Com - April 10, 2012)

MIỄN ĐIỆN: Cuộc thi văn học Phật giáo cho học sinh trung học

Vào ngày 8-4-2012 tại Yangon, các tổ chức tôn giáo đã hợp tác để tổ chức cuộc thi có tên là “Thutasonelin Buddhawin” để đánh dấu kỷ niệm 2600 năm ngày Đức Phật Đản sinh.

Sự kiện này có 3 vòng thi, và các giám khảo sẽ chọn 12 thí sinh hàng đầu để thi chung kết vào ngày 5-5-2012, nhằm ngày trăng tròn của tháng Kason.

Cuộc thi sẽ kiểm tra kiến thức của thí sinh về pháp giới Phật giáo, về sự hiểu biết giáo pháp và khả năng viết bài luận một cách sáng tạo.

Có đến 500 học sinh dự cuộc thi viết vào ngày 8-8-2012 tại trường BEHS 1 Latha, từ đó 100 em sẽ được chọn để thi vấn đáp và thi viết vào ngày 28-4. Sau đó số thí sinh được vào vòng trong sẽ còn 24, rồi là 12 em để thi chung kết. Sẽ có 3 giải đứng đầu và 6 giải khuyến khích.

(The Myanmar Times - April 12, 2012)

ÚC ĐẠI LỢI: Lễ hội Phật Đản, một sự kiện biểu tượng của bang Queensland

Brisbane, Queensland - Gần đây được gọi là một Sự kiện Biểu tượng của Queensland, 3 ngày Lễ hội Phật Đản sắp trở lại với khu Parklands, South Bank của thành phố Brisbane vào đầu tháng 5.

Trong 15 năm qua, Lễ hội Phật Đản tại khu South Bank đã thu hút trên 1,2 triệu du khách và đã phát triển từ một sự kiện nhỏ trong nửa ngày thành lễ hội đa văn hóa lớn nhất Queensland.

Với gần 200.000 người tham

dự, trên 1.000 tình nguyện viên giúp đỡ và hơn 300 diễn viên trình diễn, sự kiện này của thành phố Brisbane đã trở thành Lễ Phật Đản hàng năm lớn nhất thế giới.

Trong năm Thủy Long (Nhâm Thìn) này, du khách có thể có được một thời gian tốt đẹp khi trải nghiệm một lễ hội phong phú về văn hóa, với các sự kiện như Lễ Tắm Phật, Hội chợ Đồ Chay, pha Trà Trung hoa, Thư pháp, Vẽ Mặt, Xếp giấy, Hội Trống, Múa Lân Sư hoặc tham thiền, dự các cuộc thảo luận về Phật giáo.

(WESTERNER - April 13, 2012)

HÀN QUỐC: Lễ hội Liên hoa Đẳng được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể

Lễ hội Liên hoa Đẳng (Yeondeunghoe) diễn ra vào dịp Lễ Phật Đản đã được Cục Quản lý Di sản Văn hóa Hàn quốc công nhận là một di sản văn hóa phi vật thể.

Hình thức đầu tiên của lễ hội này có từ thời Vương quốc Silla (57 B.C - 935 A.D) của Hàn quốc, được tổ chức vào ngày Daeboreum - một ngày lễ Hàn quốc để đón trăng rằm đầu tiên của âm lịch.



Lễ hội Liên hoa Đẳng diễn ra tại Seoul vào năm 1958 và ngày nay - Photo: Cục Quản lý Di sản Văn hóa Hàn quốc

Lễ hội tôn giáo này thời nay diễn ra hàng năm vào ngày Chủ nhật gần với ngày Phật Đản nhất.

Ngày 9-4-2012, Cục Quản lý Di sản Văn hóa Hàn quốc tuyên bố, “Mặc dù Yeondeunghoe là một lễ hội tôn giáo, chúng tôi công nhận giá trị văn hóa và lịch sử của nó”.

“Người Hàn quốc đã tổ chức lễ này trong một thời gian dài, và chúng tôi công nhận nó là một di sản văn hóa phi vật thể dựa vào tầm quan trọng của nó như là một sự kiện văn hóa đầy ý nghĩa.”

Học giả Im Seung-beom của Cục Quản lý cho biết việc công nhận đã được quyết định sau khi các thành viên của ủy ban đánh giá lại giá trị văn hóa của lễ hội tôn giáo này.

(tipitaka.net - April 16, 2012)



MÃ LAI: Hội Từ Tế vận động việc ăn chay tiết kiệm

Hội Phật giáo Công đức Từ Tế Mã Lai (BTCMSM) sẽ tiến hành một ngày ăn chay vào ngày Lễ Lao Động 1 tháng 5, như là một phần của đợt vận động 50.000 Người Thực hành Ăn Chay.

Với chủ đề ‘Ăn chay no 80%, dành lại 20% để giúp người nghèo’, đợt vận động bắt đầu vào năm ngoái với mục đích tích phước và tập hợp sự nhận thức của 50.000 người.

Tại hội trường Jing Si của BTCMSM ở Jalan Macalister, Penang, tình nguyện viên Khoo Boo Leong của hội này nói rằng: Bất kể chủng tộc hoặc tôn giáo, 50.000 người đầu tiên thực hiện việc ăn chay vào ngày đó sẽ nhận được biên nhận bữa ăn. “Họ có thể ăn tại tiệm đồ chay, hoặc mang theo hộp đựng để mua thức ăn nấu sẵn trong giờ ăn”.

Khoos cho biết rằng Ni sư Cheng Yen, người sáng lập BTCMSM, đã khuyên công chúng giảm mức tiêu thụ thực phẩm để giúp người nghèo. “Ngoài ra, việc ăn chay không chỉ cứu người mà còn cứu được Trái Đất”, ông nói.

(thestar.com.my - April 17, 2012)



Đức Đạt lai Lạt ma và diễn viên Richard Gere - Photo: AFP

CANADA: Richard Gere sẽ giới thiệu Đức Đạt lai Lạt ma trong chuyến thăm Ottawa của ngài

Ottawa, Canada – Diễn viên Hollywood và là nhà hoạt động Phật giáo kỳ cựu Richard Gere sẽ có mặt tại Ottawa vào ngày 28-4-2012 để giới thiệu Đức Đạt lai Lạt ma, trước khi ngài diễn thuyết tại Trung tâm Thành phố.

Sự kiện này được tổ chức bởi Ủy ban Tây Tạng tại Canada. Tiền thu được từ bán vé sẽ dành cho Dự án Tái Định cư Người Tây Tạng của Canada, để tạo cơ hội cho khoảng 1.000 người Tây Tạng nhập cư Canada trong vòng 5 năm tới.

Đức Đạt lai Lạt ma sẽ thảo luận về công bố gần đây nhất của mình, và về những suy nghĩ của ngài xung quanh ý tưởng “Đạo đức cho Toàn Thế giới”.

Richard Gere nói, “Nhân quyền, đạo đức, sự bình đẳng về tài nguyên và cơ hội là những vấn đề quan trọng nhất mà chúng ta đối mặt hiện nay. Thông điệp kiên định về trách nhiệm chung của Đức Đạt lai Lạt ma là chìa khóa dẫn đến khả năng của chúng ta để tồn tại trước những thách thức toàn cầu, và để đạt được tầm nhìn mới về hòa bình và thịnh vượng thật sự”.

(The Ottawa Citizen – April 18, 2012)

NAM HÀN: Đại sứ của Nepal quảng bá chương trình Tham quan Lâm Tì Ni Năm 2012

Với mục tiêu quảng bá Tham quan Lâm Tì Ni Năm 2012, Đại sứ của Nepal tại Nam Hàn và Tiểu ban Tham quan Lâm Tì Ni của Nam Hàn đã phối hợp tổ chức một chương trình nói về “Lâm Tì Ni và Phật giáo Hàn quốc” tại đại sứ quán vào ngày 15-4-2012.

Khách mời chính kiêm Phật ngôn viên của đoàn khách là Thượng tọa Hye Jeong, chủ tịch tông phái Phật giáo Hàn quốc Jin Gak.

Với những nhận xét sâu sắc về các mối quan hệ giữa Phật giáo Nepal và Hàn quốc qua việc truyền bá thông điệp của lòng từ bi, của các mối quan hệ hài hòa giữa con người, Thượng tọa Hye Jeong nhấn mạnh về sự đạt được niềm an lạc thông qua tâm linh. Thượng tọa bảo đảm sẽ phổ biến thông tin về Lâm Tì Ni và cuộc vận động Năm Tham quan Lâm Tì ni cho tất cả tín đồ của ông tại 120 tu viện, trường đại học, trường học và các tổ chức xã hội thuộc tông phái Jin Gak.

Chương trình thảo luận này có sự tham dự của các vị cao tăng Hàn quốc, đại diện của các tổ chức Phật giáo Indonesia và Ấn Độ, các quan chức Nepal, cùng với các thành viên của cộng đồng Nepal đại diện cho các tổ chức xã hội, bao gồm gia đình Phật tử.

(Nepalnews.com – April 16)

AI CẬP: Các nghiên cứu sinh Ai Cập đầu tiên được cấp học bổng Đạt Lai Lạt ma

Cairo, Ai Cập – Bassma Taher và Samar Sultan, 2 sinh viên từ trường Đại học Mỹ tại Cairo (AUC), là những người Ai Cập đầu tiên được chọn làm nghiên cứu sinh của học bổng Đạt lai Lạt ma dành cho năm 2012. Mỗi cô được cấp 4.500 usd cho dự án của mình – dự án có mục đích trao quyền cho người nghèo bằng cách phát triển năng khiếu thích hợp, và cho phép họ tự khởi nghiệp đầu tư kinh doanh nhỏ.

Cùng với những người nhận giải khác, hai sinh viên này sẽ sang Hoa Kỳ để có mặt tại viện Cộng đồng Kiến thức Toàn cầu ở California từ ngày 17 đến 24-7-2012. Họ sẽ giới thiệu về dự án và kiến thức của mình.

Với các ban tư vấn và huấn luyện, Học bổng Đạt lai Lạt ma là một tổ chức phi lợi nhuận có trụ sở tại San Francisco, vốn được sự ủy quyền đặc biệt của Đức Đạt lai Lạt ma để cấp học bổng và tài trợ dự án nhân danh ngài. Tổ chức này hợp tác với các tổ chức giáo dục khác nhau, bao gồm các trường đại học Princeton, Stanford và Mc Gill. Các nghiên cứu sinh được học một chương trình đào tạo trong một năm về lãnh đạo trong thể tục và tu hành, vốn nhấn mạnh về chánh niệm, lòng từ bi, đạo đức, tư duy theo phương pháp và quản lý dự án.

(bignewsnetwork.com – April 20, 2012)



Hai nghiên cứu sinh Ai Cập đầu tiên được cấp học bổng Đạt Lai Lạt ma - Photo: Bikiamasr.com

thơ

Nhớ Ngày Phật Đản

*Ưu Đàm xuất hiện tối thắng duyên,
Vạn loại chúng sinh được ân triêm,
Ban rải từ tâm miền tịnh độ,
Tu trì giới hạnh cõi nhơn thiên,
Tiến tu chánh pháp rời uế độ,
Thực hành thiền định đạt châu viên.
Kỷ niệm hằng năm ngày Phật Đản,
Là con của Phật nhớ tình chuyên.*

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Kỷ niệm Phật Đản 2556 - tháng Tư Nhâm thìn

Tôi Đi Tìm Lại Chính Tôi

*Tôi đi tìm lại chính tôi
Đánh rơi mầm sống trên đời đa đoan*

*Tôi đi xới hạt đất hoang
Đã cần khô giữa tâm can nẫu nhàu*

*Tôi đi hứng giọt nhiệm màu
Tươi mầm sân hận thôi cào xé tim*

*Tôi đi giữa tĩnh mịch đêm
Nghe lòng lắng đọng nổi niềm thụy miên*

*Tôi đi cõi bỏ oan khiên
Xích xiềng tâm suốt truân chuyên tháng ngày*

*Tôi đi từng bước khoan thai
Trút tương tư gánh, nhẹ vai tình trần*

*Tôi đi về phía chuông ngân
Nghe hồn âm vọng khúc Chân Như đây.*

DIỀU LINH



Ngồi giữa vô biên

*Trúc vẫn biếc bên ghềnh đá núi
Người ngồi đây cô tịch tự luân hồi
Mây lơ lửng ngang qua chiều hồi nhỏ
Có buồn chăng cánh nhận giữa lưng trời?*

Âm vọng

*Chút nhân ngã đã đọng đầy nước mắt
Vạn đời ơi! Xuôi tận mấy giang hà?
Chấp tay lại, muôn phương về một niệm
Nghe bên chiều âm vọng khúc hoan ca.*

HÀN LONG ẮN

Bạc mái đầu

Kính tặng Thầy Minh Đạt

*Bạc trắng mái đầu bạc hư vô
Càn khôn vũ trụ một nổi lòng
Thương nỗi nhớ nước yêu dân tộc
Hoằng pháp lợi sanh tâm mệnh mông.*

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
BAN TỔ CHỨC
LỄ HỘI PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2556

DIỄN VĂN KHAI MẠC

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý vị đại diện tinh thần các tôn giáo bạn,
Kính thưa quý vị dân cử, quý vị đại diện các đoàn thể, tổ chức người Việt Quốc Gia, quý cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí,
Kính thưa quý đồng hương và chư Phật tử,

Cũng vào ngày trăng tròn tháng Vesak lịch Ấn Độ, cách nay 2636 năm, tại Vườn Lâm Tỳ Ni, một buổi sáng tinh sương, khi vầng thái dương vừa lộ dạng và chiếu những tia nắng rực rỡ đầu ngày xuống vạn vật, Thái Tử Siddhartha, bậc vĩ nhân của nhân loại, thuộc dòng họ Gautama của nước Ca Tì La Vệ, đã thị hiện dẫn sanh.

Dù lớn lên trong hoàng cung của vua cha Tịnh Phạn, Thái Tử Siddhartha vẫn không bị cuộc sống giàu sang phú quý của tầng lớp vương giả che khuất trí tuệ và lòng từ bi của bậc xuất trần thượng sĩ. Ngài luôn luôn quán chiếu thực trạng vô thường giả tạm của thế gian và nỗi khổ đau triền miên của chúng sinh để tìm phương cách cứu độ. Năm 29 tuổi, Thái Tử Siddhartha đã từ bỏ cung vàng điện ngọc vào Hy Mã Lạp Sơn xuất gia tầm đạo. Sau 6 năm khổ hạnh và 49 ngày đêm thiền định dưới gốc cây Bồ Đề, cuối cùng Ngài đã giác ngộ thành Phật và giải thoát mọi trói buộc của phiền não khổ đau. Từ đó, trải suốt 45 năm, bằng đôi chân trần, đức Phật du hành khắp lưu vực sông Hằng để đem giáo pháp giải khổ mà độ người hữu duyên. Đến năm 80 tuổi, đức Phật nhập niết bàn tại thành Kusinagara, Ấn Độ, đúng vào năm 544 trước công nguyên.

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý liệt vị,

Trên 25 thế kỷ qua, giáo pháp chuyển mê khai ngộ của đức Phật đã được truyền bá khắp nơi trên thế giới. Ngày nay, nhân loại càng nhận thức rõ rằng đời sống trí tuệ, từ bi và lời dạy hữu ích của đức Phật là di sản văn hóa và tâm linh vô giá cho toàn thể loài người. Chính trong ý nghĩa đó, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua Nghị Quyết vào ngày 12 tháng 11 năm 1999 tuyên dương giáo pháp trí tuệ, từ bi và hòa bình của đức Phật như là phương thức kiến hiệu góp phần xây dựng thế giới hòa bình, và tổ chức Lễ Vesak vào mỗi năm.

Quả thật vậy, đức Phật là nhà lãnh đạo tôn giáo đầu tiên trong lịch sử nhân loại xây dựng niềm tin con người vào phẩm giá bình đẳng tuyệt đối và khả năng giải thoát tận gốc rễ tất cả mọi khổ đau. Đó chính là thông điệp nhân quyền và Phật tính bình đẳng được công bố lần đầu tiên trên hành tinh này của chúng ta. Đức Phật đã từng dạy rằng, **"Không có giai cấp trong giọt máu cùng đỏ và giọt nước mắt cùng mặn. Ta là Phật đã thành và tất cả chúng sinh là**



Phật sẽ thành." Bản nguyện thi chung của đức Phật và toàn bộ giáo pháp của Ngài chỉ nhằm đến mục đích tối thượng là làm cho chúng sinh được thành Phật để giải thoát triệt để tất cả mọi phiền não khổ đau.

Vì lẽ đó, tưởng niệm ngày đản sinh của đức Phật, chúng ta không chỉ xưng tụng sự xuất thế hy hữu của đấng Đại Giác Thế Tôn, mà còn phải nỗ lực thực hành những lời dạy cao quý và hữu dụng của Ngài. Đặc biệt, trong hoàn cảnh khủng hoảng và khó khăn khắp mọi mặt hiện nay của thế giới, từ thiên tai đến nhân họa, từ khủng bố đến chiến tranh, từ thất nghiệp đến nghèo khó, từ nạn ô nhiễm môi trường đến thiếu hụt nguồn nước và lương thực, v.v... con người càng cần thiết hơn bao giờ hết việc áp dụng lời dạy của đức Phật trong đời sống hàng ngày để cùng nhau góp phần xây dựng cuộc sống an lạc, hạnh phúc và hòa bình từ nội tâm của mỗi người ra đến gia đình và cộng đồng xã hội.

Làm được như vậy, người Phật tử chúng ta mới báo đáp được phần nào trong muôn một công ơn giáo hóa sâu dày của đức Phật và dâng lên để cúng dường ngày đản sinh của Ngài.

Thay mặt Ban Tổ Chức, chúng con thành kính tri ân chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni đã từ bi quang lâm cử hành Lễ Hội Phật Đản Phật Lịch 2556. Chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn quý vị đại diện tinh thần các tôn giáo bạn, quý vị đại diện các đoàn thể, tổ chức người Việt, quý cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí và toàn thể đồng hương, Phật tử đã hoan hỷ tham dự Lễ Hội Phật Đản năm nay. Đặc biệt, chúng tôi xin cảm tạ tất cả sự hỗ trợ quý giá bằng tâm lực, trí lực, tài lực, vật lực của chư tôn đức Tăng, Ni và quý đồng hương Phật tử để cho việc tổ chức Lễ Hội Phật Đản Phật Lịch 2556 được thành tựu viên mãn như hôm nay. Thành tâm cầu nguyện đức Phật thù từ chứng minh và gia hộ cho chư tôn đức và quý liệt vị thân tâm an lạc, phước huệ trang nghiêm.

Trong giờ phút thiêng liêng trang trọng này, chúng tôi xin thay mặt Ban Tổ Chức tuyên bố khai mạc Lễ Hội Phật Đản Phật Lịch 2556.

Nam Mô Lâm Tỳ Ni Viên Vô Ưu Thọ Hạ Thị Hiện Đản Sinh Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Trân trọng cảm ơn và kính chào quý liệt vị,
Trưởng Ban Tổ Chức
Hòa Thượng Thích Thông Hải



ĐẠO TỪ LỄ HỘI PHẬT ĐẢN PL 2556

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa toàn thể quý thiện nam thiện nữ phật tử,

Nhân duyên ra đời của Đức Phật được nói đến trong kinh điển, là để mở bày và dẫn dắt chúng sanh trở về với bản tâm thanh tịnh sẵn có nơi chính mình. Nói cách khác, tất cả chúng ta, dù sinh ra nơi quốc gia nào, chủng tộc nào, giới tính nào, đều có Phật tánh, tức là có khả năng trở thành bậc đại giác ngộ, đại giải thoát như Đức Phật nếu nỗ lực tu tập đúng cách.

Với tuyên ngôn ấy, không phải Đức Phật tự hạ mình, mà chính là vực dậy tất cả con người và chúng sanh nhiều kiếp trầm luân khổ ải. Giá trị của con người kể từ khi đức Thế Tôn xuất hiện, được nâng lên ở tầng mức cao tột. Chưa từng có giáo thuyết của tôn giáo nào trước và sau thời Đức Phật đã xem trọng nhân bản như thế. Cho nên, có thể hãnh diện để nói rằng đệ tử Phật là những kẻ tỉnh thức, những kẻ dẫn mình trên con đường giải thoát giác ngộ.

Thế giới của chúng ta đang sống ngày nay, càng văn minh tiến bộ về kỹ thuật thì hiểm họa diệt vong càng cao. Nếu nhân loại không biết dừng lại những tham vọng, thù hận và si mê thì chỉ gây tạo khổ đau cho nhau, gieo rắc chiến tranh khắp chốn. Muốn kiến lập một thế giới hòa bình, trước hết phải phát triển từ tâm nơi mỗi người; muốn nhân loại chấm dứt chấp tranh, tổn hại nhau, trước hết phải áp dụng sự hòa ái.

Đệ tử Phật phải là những người tiên phong trên con đường hòa bình, bởi vì lý tưởng của chúng ta là giải thoát giác ngộ như Đức Phật. Thế giới hòa bình chỉ là hệ quả tất yếu của lý tưởng ấy.

Cúng dường và tưởng niệm ân sâu của Đức Thế Tôn trong ngày Vesak, không gì hơn mỗi người chúng ta phải ý thức trọn vẹn về khả tính thành Phật của mình, nỗ lực thực hành Chánh Pháp, và trải lòng thương đến tất cả chúng sanh.

Nhất tâm cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Trân trọng cảm ơn chư liệt vị.

Sa môn Thích Thắng Hoan

(Bài được đọc trong Lễ Hội Phật Đản Quốc Tế Phật lịch 2556—2012, do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cùng các tự viện Nam California tổ chức từ ngày 20 đến 22 tháng 4 năm 2012 tại Westminster Mall, thành phố Westminster, California)

ĐẠO PHẬT, NGUỒN VĂN HÓA SINH ĐỘNG

Hòa Thượng Thích Đức Nhuận

Đạo Phật có sứ mệnh đem ánh sáng của Trí Tuệ và Tình Thương đến với muôn loài chúng sanh. Ánh sáng của tinh tú, của mặt trời, mặt trăng giúp cho con người thoát khỏi cảnh tối tăm mờ mịt.

Ánh sáng của chính pháp Trí Tuệ và Tình Thương tạo cho con người sống an vui tự tại, biết thương yêu tất cả mà không gây khổ đau cho nhau. Trí Tuệ và Tình Thương là hai cốt tủy của đạo Phật. Nền văn hóa Nhân Bản của đạo Phật được thể hiện trọn vẹn trên hai tiêu chuẩn ấy.

Nội dung của nguồn giáo lý đạo Phật được xây dựng trên nền tảng nhân bản hết sức thực tại và uyển chuyển. Vì vậy, nói tới "Nhân Bản" tức là nói tới đạo Phật. Một Đạo Phật Sinh Động Của Nguồn Văn Hóa Nhân Bản Đích Thực. Đạo Phật là một thực tại sinh hoạt tinh thần và vật chất hiện hữu trong cuộc đời, là hướng tính, lối sống, lẽ sống... của con người muôn loài vạn vật. Do đó, đạo Phật chú trọng lấy Tình Thương làm động tâm xử thế, lấy Trí Tuệ làm ngọn đuốc soi đường cho con người hướng về chính đạo. Trên hai nghìn rưỡi năm lịch sử truyền bá, nguồn văn hóa đạo Phật luôn luôn phát triển với không-thời gian, hòa hợp chặt chẽ với cuộc sống từng thời đại - Một nền văn hóa thực tại, quán thông vũ trụ nhân sinh, lấy con người làm đối tượng để giải quyết những việc của con người; lấy nhân tính làm cơ chi kiến thiết một xã hội người công bằng và hợp lý: thừa nhận giá trị trí thức và khả năng sáng tạo của con người, và khuyến con người thương yêu tất cả, làm việc cho tất cả... Con người trong đạo Phật là con người dễ hòa nhập "tiểu ngã" của mình làm một với "đại ngã" rộng lớn của vũ trụ vạn hữu. Không có Cái Này thì chẳng có Cái Kia, cũng như cái này có thì cái kia có: cả hai. Hiểu được tiểu ngã cũng chính là hiểu được đại ngã khám phá được chính nội tại nơi ta, là thấy được toàn thể vũ trụ. Cho nên đức Phật ân cần khuyên con người:

Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi!

Hãy im lặng là rất sống, rất sáng!

Hãy đem lòng mình đối diện với hồn của lịch sử!

Mỗi sâu thẳm, mỗi khổ đau đều bắt rễ bén mầm trong cái tối tăm, tham lam, ác độc, thù hận, nghi kỵ, thấp hèn sợ sệt của con người cả. Con người đang xô đẩy nhau vào cái nghiệp chướng cuồng loạn khổ đau để rồi phiêu lưu trong cuộc luân hồi phiền

não vô tận.

"Sao không cứu lấy họ?"

Sao không đưa họ đến Thăng Địa?

Không ai cứu nổi họ đâu! Chỉ có họ tự cứu lấy mình. Không thần thánh nào cứu nổi nhân loại hết. Chỉ có nhân loại tự cứu lấy mình thôi. Con người làm thần thánh lấy chính mình và làm thần thánh lấy vũ trụ. Chỉ có con người mới thực hiện được mọi sự tốt đẹp của mình trong vũ trụ mà thôi".

Con người có toàn quyền định đoạt cuộc sống của chính mình. Trước hết con người phải gột rửa tâm hồn cho trong sạch, biết nhóm lên ngọn lửa thương yêu, tin tưởng, và vui sống, không còn mang thành kiến phân biệt chủng tộc, màu da, tiếng nói, quốc gia hù dọa hay nhục tiếu để tất cả cùng kiến tạo một xã hội văn minh tốt đẹp hơn.

Con người là một chủng loại trung giới nối liền Phật giới với chúng sanh giới, nên con người có đầy đủ dữ kiện để tự giải thoát mình và giải phóng đời.

Để đạt được mục tiêu cao cả ấy, con người cần hiểu và thực chứng bốn nguyên lý.

1. Nhân sinh là khổ (Khổ Đế)
2. Những nguyên nhân gây ra sự khổ (Tập Đế)
3. Chấm dứt sự khổ (giải thoát) (Diệt Đế)
4. Phương pháp triệt tiêu sự khổ (Đạo đế)

Hai đế Khổ, Tập thuộc về nhân quả thế gian.

Hai đế Diệt, Đạo là nhân quả xuất thế gian.

Đó là bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật tại vườn hoa Lộc Uyển để hình thành ngôi Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

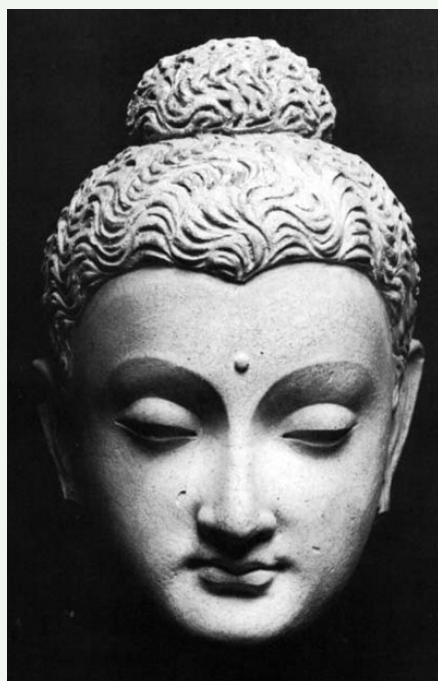
Đó cũng là nguyên nhân để Pháp lý hội đủ điều kiện thành lập một nền văn hóa Nhân Bản Toàn Diện, gồm hai phần:

a. Phần nội dung là Tam tạng thánh điển và những chứng lý được trình bày trong đó hết sức minh bạch,

b. Phần hình thức mà ta thường thấy ở đạo Phật ngày nay là các chùa, tháp, lễ nghi v.v... Tất cả những thứ đó chỉ là phương tiện (tạo không khí) đưa con người trở về với Phật tính sẵn có của mỗi chúng sinh. Mà nói tới văn hóa tức phải đề cập ba mặt:

"Nghệ Thuật, Học Thuật, Kỹ thuật".

* **Về Nghệ Thuật:** Do sự rung cảm suy tư của



TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

người nghệ sĩ đã sáng tạo ra những công trình nghệ thuật, và được người đời đồng cảm nhìn nhận, nên những công trình nghệ thuật đó trở thành (dấu ấn tinh thần của các thời đại). Riêng về nghệ thuật thuộc các tôn giáo thì chẳng có vị giáo chủ nào nói tới. Nhưng chính cuộc sống và những điều truyền dạy của các Ngài đã là những tác phẩm tuyệt mỹ rồi vậy. Thế nên mỗi tôn giáo đều có những nét nghệ thuật độc đáo khác nhau, do những rung cảm suy tư của các tín đồ nghệ sĩ hướng về tôn giáo mình tạo ra. Thế nên có nền nghệ thuật mang đặc tính tôn giáo qua các thời đại.

Đạo Phật vốn mang bản chất bao dung, trí tuệ và khai phóng nên đã không thành lập hội thánh giáo quyền duy nhất, mà chỉ khuyến lập những giáo đoàn của con người tự tu tự giác (đi vào đời giáo hóa chúng sanh bằng những cơ duyên sẵn có của chúng sanh "Tự tu Tự giác").

Chính vì vậy những kiến trúc thờ tự của Phật giáo không mang một sắc thái duy nhất, mà là đã đang thuận theo với sự thờ phụng của các nước mà đạo Phật truyền vào. Các chùa cảnh vùng Nam Á chịu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, thì vẫn giữ kiểu cách vòm cao tháp tròn. Còn các nước Á Đông lại giữ dáng vẻ văn minh Trung Hoa mái cong tháp vuông.

Những nét chung khi nói đến chùa là phải nói tới cảnh. Cảnh và chùa tuy hai mà một. Chính chùa cảnh là công trình phối hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo khiến cho người đặt chân tới nơi đó đều có chung một cảm nhận như thấy tâm hồn mình được thanh thoát, tự tại.

Hình ảnh đức Phật thì tướng mạo phải là tướng mạo cao đẹp nhất mà người bản địa cảm nhận. Thế nên xét về phong độ của Phật lại mang tính cách thống nhất, dù ngồi, nằm hay đứng trong tượng Phật đều toát lên vẻ an nhiên thoải mái thoát tục, nhất là nụ cười đọng trên môi, chỉ có thể gọi đó là nụ cười Phật, dịu hiền, hoan hỷ, thanh thoát.

Ở bất kỳ nơi đâu các nghệ sĩ Phật giáo cũng để lại cho đời những pho tượng Phật siêu thoát, những cảnh chùa thoát tục. Để rồi những tiếng chuông ngân dài như những đợt sóng hải triều theo nhau nổi lên rồi ngân xa chìm xuống. Như tiếng gọi vô thường giữa cảnh giới vô biên.

Văn chương thi ca Phật Giáo vốn đa dạng, phong phú, nhưng nét chung ở đâu lúc nào cũng mang nội dung gợi ý cho con người nhận rõ thân phận của mình, tự chủ, tự do bước trên con đường thoát khổ.

Tóm lại, những đường, nét, hình dáng, âm sắc, thơ, văn Phật giáo đều có những điểm chung là từ bi, trí tuệ, và giải thoát, có thể nói Nghệ Thuật Đạo Phật Không Chỉ Là những nét sắc bén của rung cảm, suy tư của con người không thôi mà.. còn vươn lên mục đích cao đẹp là, Thăng Hóa Con Người, Đổi Mới Cuộc Đời.

*** Về Học Thuật:** Với một nhận thức quan tổng hợp rộng lớn, với một căn bản tự do tư tưởng và trên hai thiên niên kỷ tồn tại, đạo Phật không lúc nào ngừng phát triển để mãi mãi xứng đáng là nguồn Văn Hóa Nhân Bản Đích Thực, vĩ Đại, với mục đích phục vụ con người và xây dựng một cuộc sống an lành, hạnh phúc ở ngay cõi đời ngũ trược ác thế này.

Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ, đức Phật dạy Tam giới vô an do như hòa trạch (ba cõi không an ví như nhà cháy.) Hiện nay nhân loại đang sống trong "thời đại nhiễu nhương") tâm tư con người bị giằng xé bởi những mâu thuẫn của cuộc đời: kiếp sống thì khổ đau cơ cực, kiến thức sai lầm, tâm địa xấu xa, con người ác độc, và cuộc đời

lại quá ngắn ngủi. Đó là những sự thật hiển nhiên bày ra trước mắt mỗi người, "Nỗi khổ đau của chúng sanh là nỗi khổ đau của mình".

Do đó, nền tảng học thuật của đạo Phật là dạy cho con người thực hành ba yếu lý cơ bản (Tín, Hành, Nguyện) để gây nhân lành sẽ hái quả tốt trước hết là phải có đức "Tín" vững chắc: Tin đức Phật là bậc Thầy sáng suốt. Tin đạo Phật là đạo Giác Ngộ Giải Thoát, có công năng đưa

(chuyên chở) chúng sanh từ bến Mê (khổ não, tối tăm, lầm lạc) tới bờ Giác (được tự tại an vui). Thứ nữa, "Hành", làm tất cả mọi việc (không luận là việc lớn hay nhỏ) khi xét thấy hữu ích cho cuộc đời, cho chúng sanh, không trái với lẽ phải, không gây ra oan nghiệt làm hại người tổn vật. Sau cùng là phát "Nguyện" lớn cứu độ hết thảy chúng sanh.

Là những tâm hồn lớn, muốn thực hiện hạnh nguyện Bồ Tát "cứu thế độ sinh" (mà) điều tiên quyết đòi hỏi ở người đó: là lòng phải rộng, trí phải sáng, phải tự chết đi những thói hư tật xấu, như tính ghen ghét, ngu dốt, ích kỷ, dối trá, hận thù, tự cao tự đại... để tái sanh một con người mới: Con người thánh thiện, sống bằng tâm hồn Phật một cuộc sống đẹp như bông sen (sinh ư nê bất nhiễm ư nê) mới có đủ Thăng Nghĩa để làm những công việc hữu ích cho đạo và đời.

Phần tinh hoa của đạo Phật lưu trú trong ba đại tạng kinh, một nền văn hóa nhân bản thực tại đã hướng dẫn cho gần một phần ba nhân loại sống an vui và biết thương yêu nhau hơn.



* **Về Kỹ Thuật:** Khoa học kỹ thuật vốn là kết quả của công phu "suy tư thực nghiệm" của con người. Sau khi thành đạo bên gốc Bồ Đề, lần đầu tiên, đức Phật long trọng tuyên bố với thế gian: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tính". Cũng lần đầu tiên ấy, thật vô tiền khoáng hậu, đức Phật đã giải thích những lẽ huyền bí về vũ trụ vạn hữu một cách tinh tường quán triệt. Ngài nói: trong cõi ta bà có tam thiên đại thiên thế giới (cũng gọi là "Thập Phương vi Trần Thế giới") và đã mở ra con Đường Sáng cho nhân loại chúng sanh đi theo. Những nhà thiên văn học hiện đại cũng thừa nhận: trong vũ trụ không chỉ riêng có thế giới chúng ta ở, mà có hằng hà sa số thế giới, Khoa học tìm được năng lực tiềm ẩn trong vạn vật.

Chính năng lực chuyển động không ngừng mới giữ cho vạn vật thành hình phát triển mà khỏi phải bị triệt tiêu. Đây là lúc các nhà trí thức quan tâm nhiều tới luận chứng của đạo Phật, vì đức Phật quả quyết rằng: trong mỗi loài mỗi vật đều có phần năng lực tiềm ẩn, đó là Phật tính. Khoa học ngày nay đã gặp đạo Phật ở những điểm chung, như chúng ta thấy. Tuy nhiên khoa học chưa thể theo kịp cái biết của đấng Giác Ngộ Viên Mãn. Đây cũng là điều để lưu ý các nhà khoa học kỹ thuật cần nghiên cứu những cái thật Cao, Đẹp ở đạo Phật để bồi bổ cho kiến thức khoa học thêm giàu có, sáng, đẹp.

Chúng tôi tin tưởng văn minh nhân loại ngày nay với tinh thần gặp gỡ giữa khoa học và Phật học, rất có thể còn tiến xa hơn nữa trên ngành kỹ thuật, để tạo dựng một cuộc sống văn minh cho con người mỗi ngày thêm hoàn thiện.

Với một tinh thần cởi mở, bao dung và truyền cảm hết sức màu nhiệm, đượm sắc thái hiểu sinh, hiểu hòa và giải thoát, nên đạo Phật truyền vào quốc gia nào cũng được quần chúng nhân dân ở quốc gia đó nhiệt liệt hoan nghênh, tin tưởng cổ vũ và phụng sự. Ngoài các nước Á đông, đạo Phật đang trên đà phát triển tại các nước Âu Mỹ và khắp toàn thế giới. Những tư tưởng gia, những nhà bác học hiện đại cuối thế kỷ XX đã bày tỏ sự tán đồng thuyết lý Từ Bi, Trí Tuệ và Tự chủ rất nhân bản của đạo Giác Ngộ, và lấy làm cảm kích, nguyện nghiên cứu, học hỏi nguồn giáo lý vô thượng của đạo Phật, chỉ vì tinh thần giáo lý ấy không bao giờ trái với sự việc nào, bất cứ ở đâu, hạng người nào, khi họ hướng đến chân lý.

Trong khi con người thời đại đang khao khát tìm hiểu sự thật nghĩa sống của cuộc đời Đạo Phật chính là chất liệu cho con người tìm hiểu nghĩa sống cuộc đời. Đạo Phật truyền tới đâu cũng dung hợp được với dân tộc tính Dân tộc tình, Dân tộc trí của các nước tiếp nhận để làm giàu, Làm mới cho con người và cuộc đời.

Với tư tưởng cao đẹp ấy mà Nguồn văn hóa đạo Phật đã thấm sâu trong tim, óc quần chúng, từng thời đại, làm thỏa mãn những nhu cầu khát vọng tâm linh của nhân loại trí thức ngày nay.

Đạo Phật vốn không tự đóng khung, nên không bị thoái hóa, do đó, xứng đáng tiêu biểu cho nền văn hóa thực tại, bao dung, toàn thiện của nhân loại ở hiện tại và tương lai, vì tự bản thân đạo Phật đã viên

mãn Văn Hóa tính rồi vậy.



Đạo Phật, nguồn văn hóa sinh động của nhân loại

Sức Mạnh của Đạo Phật thể hiện trong ba đức tính:

Đại Bi, Đại Trí, Đại Hùng, một đạo có ảnh hưởng lớn đã thấm sâu vào Đời sống dân tộc Việt.

Hoa sen (tượng trưng Đạo Phật) sinh trưởng ở trong bùn mà không nhiễm bùn. Đạo Phật xuất hiện ngay ở cõi đời ngũ trược này để làm đẹp cho cuộc đời. Đó là sức mạnh tinh thần của đạo Phật đã thể hiện trong cuộc sống con người từ hơn hai thiên niên kỷ nay và mãi mãi về sau. Khi ta mở trang sử vàng son của đạo Phật và xét định giá trị đích thực của nó, sẽ thấy rằng kể từ khi đạo Phật truyền bá trên trái đất và riêng tại Việt Nam: sự hiện diện của đạo Phật đã có hai mươi thế kỷ, trải qua nhiều thăng trầm biến thiên lịch sử, đạo Phật đã cùng với dân tộc Việt cùng chung cảnh ngộ, gặp khi biến đạo Phật bị chìm đi cùng với vận nước nổi trôi, nhưng chỉ như cơn gió để quét đi những rác rưởi cặn bã xấu xa. Cũng có những thời kỳ đạo Phật cực thịnh, như hai triều đại Lý-Trần (thế kỷ XI - XIV) cũng chính là lúc quốc gia Việt Nam hùng mạnh, chân tinh thần đạo Phật quả đã thấm sâu đậm trong đời sống toàn thể quốc dân. Đạo Phật do đó đã trở thành một Đạo Phật Việt Nam, nên dù cho có gặp những thời gian mưa nắng thì đạo Phật bao giờ cũng vẫn là đạo Phật của quần chúng Việt Nam.

Nói đến sức mạnh tinh thần là nói đến nội dung nguồn giáo lý cao diệu trong Ba Đại Tạng Kinh to lớn của đạo Phật. Sức mạnh ấy được hiển lộ qua ba đức tính: Đại Bi, Đại Trí, Đại Hùng.

1. Đại Bi: Là lòng thương yêu rộng lớn và sáng suốt. Là sự tôn trọng sự sống và quyền sống của hết thảy chúng sanh. Lòng thương yêu ấy được biểu thị qua đức Từ bi, lòng vị tha, những đức tính trong sáng mà mọi người, mỗi người cần ghi nhớ và thực hành. Trong sự trau dồi đức hạnh đạo Phật khuyên con người diệt trừ mọi thói hư, nết xấu, như phiền não, thù hận, ganh ghét, tham lam, ích kỷ, và tự phụ. Không lợi dụng lòng tốt của người. Chỉ biết tận tâm phục vụ cho công ích, bằng tình thương ngay thẳng, không hạn cuộc ở thời gian, phương sở. Cuộc đời vốn dĩ đã phức tạp, khổ đau, kiếp sống con người thì ngắn

ngủi và đầy bất trắc. Chúng ta hãy thương yêu nhau, xin đừng bao giờ làm khổ nhau... Vì mỗi con người đều đáng thương và cần được phụng sự. Từ Bi là yếu tố căn bản làm khuôn mẫu sống cho con người và cuộc đời vậy.

Đây là một lòng thương yêu chân chánh.

2. Đại Trí: Là tâm trí trong sáng. Nhưng thế nào là trong sáng? Dựa trên những lý giải của đạo Phật để nhận thức, tìm hiểu sự vật một cách chính xác hòng chuyển hóa sự vật ấy. Như tin vào giáo lý của đức Phật đã dẫn giải trong kinh là chân lý, rồi nương theo đó để thực hành mới mong chứng ngộ chân lý (đạt đạo quả Bồ Đề). Nhờ có trí tuệ mà con người có những cái nhìn, thấy và hiểu rõ sự thật, lẽ sống muôn mặt của cuộc đời, căn cứ trên hai tiêu chuẩn:

1. Lấy sự giác ngộ niền mãn làm đối tượng chính của cuộc sống con người.

2. Lấy giải thoát mọi phiền não, khổ đau làm mục đích tối thượng.

Thì đó gọi là thực hiện bát nhã trí - Trí sáng tròn đầy.

3. Đại Hùng: Là sự biểu tượng của ý chí và hành động. Nhưng phải là hành động trong minh động kế lý và kế cơ. Hành động minh động là hành động bao giờ cũng kèm theo bằng tấm lòng nhiệt thành với một khối óc sáng, một nghị lực quả cảm, và luôn tỏ ra mình là Người (chữ người viết hoa) có một ý chí cao thượng, biết làm, dám làm, làm cho kỳ được. Đây gọi là Đại Hùng.

Ở đời, không có gì là khó. Khi xưa, đức Thích Ca Mâu Ni sau phút ngộ đạo bên gốc Bồ Đề rồi do tình thương yêu (đại bi) trí sáng suốt (đại trí) và lòng quả cảm (đại hùng) nên Ngài đã tự nguyện dẫn thân vào đời để hóa độ chúng sanh. Đức Phật đã chu du khắp xứ Ấn Độ, cứu cho hết thầy. Đạo Phật là ánh sáng mặt trời buổi giữa trưa làm ấm áp những tâm hồn cóng lạnh, khổ đau, đem an vui, hạnh phúc đến cho muôn loài vạn vật, và do đó, đã gây được niềm Tin Tưởng nơi con người.

Bằng vào sức mạnh tinh thần, đạo Phật mỗi ngày thêm phát triển lớn mạnh, sáng, đẹp.

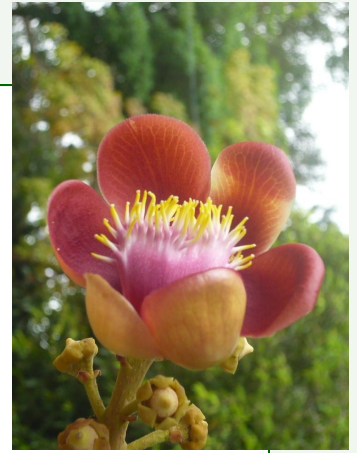
Nói tắt, lý thuyết và thực hành của đạo Phật là Như Thật.

Sức mạnh của đạo Phật là sức mạnh của toàn thể. Bởi sức mạnh tinh thần ấy lấy Con Người (Nhân Bản) làm cứu cánh để xây dựng một xã hội người văn minh, giác ngộ và giải thoát. Ảnh hưởng của xã hội tốt hay xấu là do sự điều hành của con người, chỉ có con người mới làm chủ cuộc sống của chính mình. Cho nên, giá trị con người trong đạo Phật là căn cứ trên việc làm và sự tu chứng trên công hạnh: Biết thực là làm được. Làm những việc khó làm. Biết những điều khó biết. "Sức mạnh tinh thần" ấy thể hiện trong ba đức tính: Đại Bi, Đại Trí, Đại Hùng. Một sức mạnh vạn năng. Có thể nói đây là mục tiêu hướng thượng của con người, và là Nguồn Sống làm nở hoa cuộc đời.

Một (đạo) hợp tình, hợp lý, hợp cảnh và hợp thời.

Thích Đức Nhuận

thơ



Hoa Vô Ưu

*Người tìm góp lá vô minh
Phật từ ngự cội tâm linh bồ đề
Ngàn năm ghi dấu lời thề
Vô Ưu hoa nở... Phật về độ sanh*

Rừng Thiền Trái Lối

*Đường xa chân bước rộng bề
Tàn rơi cuộc thế quay về tay không
Đạo chơi cánh vắng non bồng
Rừng thiền trái lối nhẹ lòng đến đi*

Có Vây Thôi

*Nhẹ nhàng áng mây trôi
Thương ghét có vây thôi
Đến đi lòng vô sự
Chiều tàn vui bước chơi*

Vô Thường Hoa

*Muôn sự đến rồi đi
Vô thường hoa chia ly
Cây già cây trụ lá
Nhọc lòng vương vấn chi*

Giọt Sương Đầu Cành

*Long lanh giọt sương đầu cành
Đậu hờ chiếc lá xanh xanh
Thì thôi lá xanh phận lá
Bồng bềnh từng giọt sương tan*

KHA NGUYỆT



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2

BAN TỔ CHỨC

4273 Solar Way, Fremont CA 94538 * Email: tuhoc2usa@gmail.com

Thông Báo

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,

Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật Tử,

Đức Phật và chư Tổ đã từng khuyến thị rằng đời người ngắn ngủi, vô thường lão bệnh đến không hẹn người, sớm còn tối mất khó ai biết trước, đến khi lâm chung thì tài sản vật chất không còn là của mang theo. Duy chỉ có nghiệp lực đuổi theo chúng ta như bóng với hình. Do nghiệp lực làm chướng nhân dẫn dắt chúng ta thọ sanh trong thế giới muôn vàn bất an và khổ lụy này. Để giải thoát khổ đau, không có con đường nào khác hơn là tu học Phật Pháp.

Chính vì lẽ đó, chư tôn đức giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm để tạo thẳng duyên tu học cho đồng hương Phật Tử.

Năm nay, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2 sẽ được tổ chức vào các ngày từ **Thứ Năm đến Thứ Hai, ngày 02 đến ngày 06 tháng 8 năm 2012, tại Khách Sạn Santa Clara Marriott, 2700 Mission College Boulevard, Santa Clara, CA 95054; điện thoại: (408) 988-1500**. Khách sạn này có đầy đủ phòng ốc và phương tiện sinh hoạt cần thiết để tham dự viên được an tâm và hoan hỷ tập trung vào việc tu học.

Quý Phật tử nào phát tâm muốn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2 xin lưu tâm một số điểm như sau:

1- Gửi Đơn Ghi Danh và Hồi Báo về cho Ban Tổ Chức bằng thư hay email tại địa chỉ như trên letter-head đã ghi, từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 15 tháng 7 năm 2012;

2- Để giúp Ban Tổ Chức có đủ tài chánh trang trải chi phí thuê khách sạn trong suốt 4 ngày tham dự Khóa Tu Học, mỗi Phật tử tham dự xin đóng \$300 USD (ba trăm Mỹ Kim), nếu là vợ chồng thì xin đóng \$500 USD (năm trăm Mỹ Kim), và mỗi con em đi theo xin đóng thêm \$150 USD (một trăm năm mươi Mỹ Kim);

3- Ban Tổ Chức sẽ đài thọ việc ăn uống trong suốt thời gian Khóa Tu Học;

4- Khóa Tu Học cũng có lớp đặc biệt miễn phí dành cho chư Tăng, Ni. Vì vậy chư Tăng, Ni nào muốn tham dự Khóa Tu Học xin gửi Đơn Ghi Danh và Hồi Báo về Ban Tổ Chức từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 15 tháng 7 năm 2012;

5- Quý Phật tử ở xa đi bằng máy bay, xin mua vé máy bay về 1 trong 3 phi trường sau đây: Phi Trường San Jose, Phi Trường San Francisco, và Phi Trường Oakland để tiện việc đưa đón;

6- Để tiện việc đưa đón cho kịp thời gian sắp xếp phòng khách sạn và tham dự khóa học đầu tiên thông qua Chương Trình và Nội Quy Khóa Tu Học, xin quý Phật tử mua vé đến 3 phi trường nói trên trước 3 giờ chiều ngày 02 tháng 8 năm 2012;

7- Theo tinh thần Giới Luật Phật và Nội Quy của Khóa Tu Học, cũng như để mang lại sự an lạc cho mình và pháp hữu, xin quý Phật tử tham dự đừng mang theo nhiều nữ trang quý giá, chỉ mang theo những giấy tờ tùy thân, vật dụng và thuốc men cần thiết;

8- Thời tiết tại vùng San Jose, California, vào những ngày đầu tháng 8 vẫn còn trong mùa hè nắng nóng, quý Phật tử tham dự không cần phải đem theo áo chống lạnh.

Quý Phật tử đã có thiện duyên tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 1 năm 2011 vừa qua, chắc hẳn cảm nhận được những lợi lạc vô giá cho con đường tu tập. Mong rằng năm nay quý Phật tử không những không bỏ qua cơ hội quý báu này cho bản thân mà còn giúp Ban Tổ Chức khuyến tấn những người thân và bằng hữu cùng tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2.

Vì lợi lạc tâm linh cho con đường giải thoát và giác ngộ, mong quý Phật tử tinh tấn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2. Cầu nguyện chư Phật thù từ chứng minh và gia bị cho tất cả quý Phật tử bỏ đề tâm kiên cố và thân tâm thường an lạc.

Nay Thông Báo,

Fremont, ngày 15 tháng 02 năm 2012,

Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2

Trưởng Ban,

Tỳ kheo Thích Đồng Tuyên

Đời giả tạo

Chen chúc nhau chi giữa chợ đời
Bôn ba danh lợi giọt sương rơi
Phong trần xám mặt bao càn liễu
Tóc điểm hoa râu mấy lớp người
Gác tía lâu son tuồng ảo mộng
Công hầu khan tướng hí trường nơi
Thiếu thân lắm kẻ lao đầu mãi
Rốt cuộc còn chi phui hết rồi...!!!

Thiền hành

Lối về trong không lộ
Bước lên trên am mây
Ta đi bằng tỉnh thức
Cho hoa nở hương đầy.

Thiền trà

Ta ngồi đây bên giác
Sẵn bên kỹ thiền trà
Với trầm hương giải thoát
Thường thức Ưu Đàm hoa.

Bờ kia trường biển mộng
Vạn vật không ngừng trôi
Trên dòng đời di động
Họ tưởng rằng an vui.

Phù sinh bao thế hệ
Biến thiên mấy nhịp cầu
Sâu biệt ly đẫm lệ
Rơi thấm kiếp ngàn dâu.

Tuy họ về quá khứ
Nhưng ta vẫn ngồi đây
Ra ngoài vòng sanh tử
Còn chi có đổi thay.

Ta ngồi từ vô thi
Nơi bờ giác uống trà
Sáng soi trăng trí tuệ
Độc tấu bản thiền ca.

thơ



Chuông tỉnh thức

Ta có từ vô thi
Ta là của muôn phương
Ra đi bao giờ nhỉ
Lạc mãi giữa đường trần.

Qua rồi bao thế hệ
Đổi thay mấy lớp hình
Từ côn trùng nhỏ bé
Chuyển sang kiếp nhân sinh.

Mang thân người nghệ sĩ
Đầy tim ủ men thơ
Nhạc thiêng về trong gió
Hoà cảm ta say mơ.

Bôn ba đời ảo mộng
Thân gầy mang thời gian
Đại khờ đua bắt bóng
Thất thế ngã ba đàng.

Cô thôn chuông chùa đổ
Tiếng chuông quện hồn thơ
Ngân lên lời giác ngộ
Ta quay về quê xưa.

THĂNG HOAN

HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ PL. 2556 (2012) WESTMINSTER, CALIF. LỄ KHAI MẠC 20.4.2012 - Photos: Hải Triều Âm



HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ PL. 2556 (2012)
WESTMINSTER, CALIFORNIA NGÀY 21.4.2012 - Photos: Hải Triều Âm



SỰ KHÁC NHAU GIỮA GIỚI LUẬT VÀ LUẬT PHÁP; NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO

Tâm Hạnh

(tiếp theo kỳ trước)

Nghiệp (kamma _pali) là gì? Nghiệp là hành động bằng thân, miệng và ý thông qua sự tác động của ý chí (cetanà). Hành động với sự cố ý như thế là tạo ra nghiệp; khi thành tựu nghiệp đạo tất nhiên sẽ đưa đến quả báo tương xứng. Đức Phật dạy: "Này các Tỳ Kheo! Như Lai nói tư chính là nghiệp" (*Cetan 'aham bhikkhave kammam vadàmi Anguttara Nikàya*). Tư chỉ cho ý chí của các hành động thiện ác thuộc dục giới và tâm bất động thuộc sắc giới và vô sắc giới.

Khi ý chí đã đạt được mục đích mà nó mong muốn thì nghiệp đạo căn bản được thành tựu. Nghiệp đạo là con đường đưa nghiệp nhân đến nghiệp quả. Quá trình thành tựu nghiệp đạo dù thuộc thân hay ngữ cũng phải đi qua 3 giai đoạn. Một là gia hành của nghiệp đạo là giai đoạn chuẩn bị cho hành động. Hai là căn bản nghiệp đạo lúc hành vi đạt được mục đích mong muốn. Ba là hậu khởi của nghiệp đạo, sự tiếp diễn của hành động sau khi căn bản nghiệp đạo đã thành tựu. (tham khảo Yết ma yếu chỉ _ trích Câu xá_ của HT. Trí Thủ)

Nghiệp đạo có nhiều loại nhưng được biểu hiện bằng ba loại là nghiệp thân, miệng và ý. Về mặt tính chất thì chia làm 3 là thiện nghiệp, ác nghiệp và nghiệp bất động (thiền định). Mười nghiệp thiện đưa đến hạnh phúc ở cõi người, cõi trời thuộc dục giới. Mười nghiệp ác đưa đến đau khổ ở cõi người, trời và tương lai là địa ngục, ngạ quỷ, và súc sinh. Nghiệp bất động đưa đến sắc giới và vô sắc giới.

1. Nghiệp ác (akusala kamma) có mười:

Về thân có 3 là sát sinh, trộm cắp, tà dâm.

Về miệng có 4 là nói dối, nói chia rẽ, nói thô ác, nói phù phiếm thêm thắt.

Về ý có 3 là tham, sân, si.

2. Nghiệp thiện (Kusala kamma) có mười:

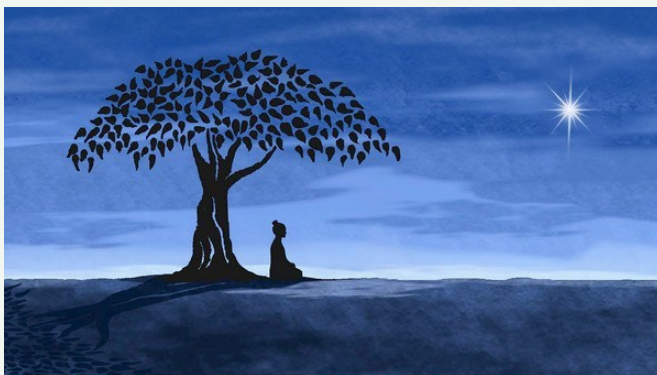
Ngược lại mười nghiệp ác trên.

3. Nghiệp bất động (ànanja kamma) là các

tầng định thuộc sắc và vô sắc giới do Tư tâm sở làm phát sinh các thiền chi.

Như vậy, ở dục giới, hành động thân, miệng và ý của chúng ta thường xuyên tương ứng với mười nghiệp ác do vô minh, tà kiến chấp thủ và ái dục làm nhân duyên. Khi nào chúng ta còn vô minh, tà kiến chấp thủ, ái dục thì vẫn còn hành động theo mười nghiệp ác. Do đó, tuy chúng ta có đặt ra luật pháp, đạo đức, luân lý để ngăn chặn các nghiệp ác nhưng chúng vẫn bị hạn chế bởi không gian và thời gian, bởi những tiêu chuẩn thiện ác, đúng sai, tốt xấu dựa trên khái niệm chủ quan mà đặt ra, như đã nêu ở trên.

Khác nhau giữa nghiệp đạo và giới luật: Một người hành động theo mười nghiệp ác, xét ra họ không thể sám hối mà hết. Họ cũng không bị thượng đế hay thần linh nào trừng phạt cả mà chính luật nhân quả với sự tác động của nghiệp đạo làm cho họ phải nhận lấy kết quả tương xứng. Hay nói cách khác, nghiệp báo không phải là số mệnh hay tiền định hay do Thượng đế hay thần linh nào định đoạt một cách bất khả kháng mà chính hành động



thiện hay ác của chúng ta gây phản ứng lành hay dữ đưa đến hạnh phúc hay đau khổ. Tu là chuyển nghiệp, có nghĩa là chúng ta có đủ năng lực chuyển cái nghiệp của chúng ta theo ý muốn nhưng tùy theo khả năng hiểu biết và tu học theo Phật pháp của chính ta. Như vậy, muốn tiêu diệt hay vô hiệu hoá nghiệp đạo đã làm thì phải bằng cách phát tâm rộng lớn, hướng đến giác ngộ (phát tâm Bồ đề) làm nhiều phước nghiệp khác như giữ giới, bố thí, niệm Phật, hay hành thiền... tu các pháp ba-la-mật để hóa giải. Ví dụ ta nấu một nồi canh lữ cho muối nhiều, bị mặn, thì phải giải quyết bằng cách cho thêm nước, bột nêm, đường vào thì vị mặn bị giảm đi và có thể ăn được. Cho một hạt muối vào một ly nước nhỏ thì không thể uống được vì mặn nhưng cũng lượng muối ấy, nếu cho vào một chậu nước lớn thì nó sẽ bị vô hiệu hóa.

Bước đầu, để ngăn chặn các hành vi của thân, miệng, ý không tạo các nghiệp đạo ác, người Phật tử phải thọ giới. Khi đã thọ giới, nhờ năng lực hộ trì, ngăn chặn của giới làm cho chúng ta không làm các nghiệp ác cũng có nghĩa là làm các nghiệp thiện.

Giới luật là gì? Giới (Pali_sila: thường, tự nhiên,

hộ trì, bảo vệ) luật (Pali_vinaya: điều phục_rèn luyện). Ở đây, giới có nghĩa là giữ cho đời sống theo bình thường tự nhiên như không làm ác; hộ trì, bảo vệ không cho làm ác. Giới gồm có những điều khoản (precept) cần phải học (Pali_sikkhà pada: học xứ: điều học) như học xứ không sát sinh, không trộm cắp... bằng tự nguyện. (chúng ta không nói "giới không sát sinh" mà nói là "điều học không sát sinh". Giới_sila_ trong trường hợp này chỉ cho giới (pháp, thể, hành, tướng) của Phật tử tại gia hay của người xuất gia_giới cụ túc_ mà không phải chỉ cho từng điều học. Ví dụ: Patimokkha (Ba-la-đề-mộc-xoa) được dịch là Bảo giải thoát hay Biệt biệt giải thoát (pati: bảo vệ) (mokkha m. giải thoát, thả ra, thoát khỏi, được tự do như giải y, giải hạ...). Biệt biệt giải thoát không có nghĩa là giữ từng giới nào như không sát sinh thì giải thoát giới ấy mà có nghĩa là thọ giới ở cấp độ nào thì cởi bỏ, chấm dứt sự trói buộc của phiền não theo cấp độ ấy _Xem Câu xá về thể và tướng của luật nghi_phẩm Nghiệp_) Giới không hề có ý nghĩa bị bắt buộc phải thọ, phải giữ như luật pháp, nội quy của thế gian hay giáo điều (dogma) như ở các tôn giáo khác. Ngoài ý nghĩa đạo đức xã hội ra, mục đích giới luật của Phật giáo là chú trọng đến mặt giáo dục con người đi vào thánh đạo giác ngộ giải thoát nên còn gọi là luật nghi (Pali_Samvara: bảo vệ phòng hộ).

Khác với luật pháp hay giáo điều bị hạn chế bởi không gian, thời gian, đối tượng, trường hợp, luật nghi bao trùm cả năm chi phần: đối với bất cứ hữu tình (động vật); đối với bất cứ thời gian nào; đối với bất cứ nơi đâu; đối với bất cứ trường hợp nào; đối với bất cứ phương tiện nào để làm ác (xem Câu xá 15_ Đại chính 29, tr78b). Chính luật nghi là cơ sở phòng hộ người có thọ giới được sống an ổn và đi vững vàng trong thánh đạo, nền tảng cho chánh niệm, tinh giác để đi vào định và tuệ tiến đến giác ngộ giải thoát. Giới luật còn có chức năng rất quan trọng là bảo trì sự tồn tại của Phật pháp "Giới luật là nền tảng của Phật Pháp" (Pali: Vinayo sàsana mùlam) (Hán tạng: Tỳ ni giả, Phật pháp chi thọ mạng)

Một vấn đề được đặt ra ở đây là sự khác nhau giữa giới và thiện nghiệp là gì? Ví dụ: so sánh thiện nghiệp không sát sinh và giới không sát sinh, chúng có giá trị khác nhau thế nào?

Theo ba loại nghiệp đã nêu ở trên, thiện nghiệp và ác nghiệp chỉ có trong Dục giới, tạo nên Dục giới (tam giới duy tâm). Như vậy, nếu chúng ta giữ mười thiện nghiệp một cách hoàn hảo đi nữa thì kết quả vẫn chỉ là sinh trong cõi trời hay cõi người, không phải là mục đích tối hậu của Phật giáo. Hay nói cách khác là mười thiện nghiệp là nghiệp đạo, vẫn trong vòng luân hồi ba cõi. Một người không phải là Phật tử, họ vẫn có thể sống theo mười thiện nghiệp và được hạnh phúc ở cõi trời hay cõi người. Nhưng nếu họ **không thọ ba quy y và năm giới thì họ không thể nào là Phật tử để đi vào thánh đạo đưa đến giác ngộ giải thoát khỏi ba cõi.**Thập thiện chỉ là thiện nghiệp nhưng năm giới là phước đưa đến giải thoát khỏi ba cõi.(*Thí giới tu*



tam loại, các tùy kỳ sở ứng,thọ phước nghiệp sự danh, sai biệt như nghiệp đạo_xem Câu xá_ phẩm nghiệp). Nhờ năng lực bảo vệ của năm giới mà người Phật tử không tạo mười nghiệp ác, không đi vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Nếu đi vào ba đường ấy thì thật khó có cơ hội gặp, hiểu, hay tu học Phật pháp. Ba quy y là định hướng như có kim chỉ nam, năm giới như chiếc bè đưa qua bể khổ luân hồi. Khi cùng nhau ngồi chung trên một chiếc bè giới, có kim chỉ nam Tam quy định hướng thì mọi người sẽ được qua bờ bên kia. Ba quy y và năm giới chính là chi phần của bậc dự lưu hướng đang đi vào thánh đạo, chuyển hóa nghiệp ba cõi, đưa đến giải thoát. Do đó, mười thiện nghiệp thì không cần người truyền nhưng Tam quy và ngũ giới thì không được tự thọ mà phải có thầy truyền. Mục đích năm giới là bảo vệ thân, miệng chúng ta không tạo mười nghiệp ác trên đạo lộ dự lưu hướng, cho nên **mười thiện nghiệp không phải là cấp độ tu tập cao hơn năm giới.** Như vậy, nếu sau khi thọ tam quy, ngũ giới rồi lại thọ mười thiện nghiệp thì có khác gì đang đi vào thánh đạo giải thoát nhưng lại bước sang néo luân hồi. Trong tất cả thư tịch về luật tạng Phật giáo (kể cả luật của Đại thừa) không hề có "Giới thập thiện" và cũng không hề có giới đàn hay nghi thức truyền thọ thập thiện giới. Bởi vì **mười thiện nghiệp là nghiệp đạo chứ không phải là luật nghi hay thánh đạo.** (Trong kinh Thập thiện nghiệp đạo có giới thiệu về mười thiện nghiệp nhưng không hề nói đến thọ giới thập thiện)

Trong quá khứ, vì hoàn cảnh nào đó, vì nhu cầu nào đó, chúng ta có thể cho truyền thọ "Thập thiện giới" nhưng chúng ta phải biết đó là phi pháp phi tỷ nỳ. Đây là điều mà những ai có trách nhiệm với sự tồn vong của Phật pháp, cần phải suy nghĩ.

Có thọ giới, đang còn là phạm nhân, tất nhiên có lúc chúng ta phạm giới. Phạm giới không có nghĩa là gây tội như một số quan niệm của thế gian hay của các tôn giáo khác. Phạm giới có nghĩa là chính ta đã vi phạm vào những điều mà chính ta đối trước Tam bảo, giới sư mà ta xin giới và hứa sẽ giữ giới. Phạm giới hay phá giới còn có nghĩa là chúng ta đã và đang phá vỡ bức thành giới bảo vệ, làm rách chiếc áo giáp giới đang che chở chúng ta. Như vậy,



TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

khi phạm giới, người phật tử cần phải sám hối sự sai lầm của mình và xin giới để thanh tịnh trở lại. Sám hối theo quan niệm của Phật giáo không có nghĩa là chịu trừng phạt, chuộc tội, chịu tội như luật pháp thế gian hay ở các tôn giáo khác. Theo Phật giáo, **Sám hối có nghĩa là tự nhận lấy trách nhiệm về những lỗi lầm mà mình đã gây ra và xây dựng lại bức thành giới bảo vệ, phục hồi lại chiếc áo giáp giới che chở chúng ta trên con đường tu tập mà chúng ta đã làm cho rạn nứt, hư hỏng.**

Một người không phải là Phật tử, không thọ giới, khi họ gây ra nghiệp đạo ác như sát sinh thì họ sẽ chịu quả báo tương xứng nhưng họ không có phạm giới. Một người Phật tử khi sát sinh, vừa tạo một nghiệp đạo ác, vừa phạm giới sát sinh. Nhìn qua, người Phật tử bị thiệt thòi. Như vậy, chúng ta thọ giới để làm gì?

Nhưng như đã nói ở trên, phạm giới thì có thể sám hối được và khi sám hối đúng pháp thì giới sẽ phục hồi. Đồng thời, người Phật tử nhờ năng lực hộ trì của giới nên không hành động các nghiệp ác, dù có muốn làm, đồng thời nhờ sự hộ trì của giới nên dễ dàng thực hành các phước nghiệp (Punna) như bố thí, hành thiện, phục vụ v.v... để hoá giải các nghiệp đạo ác đã có.

Một người không thọ giới, họ chỉ không làm điều ác khi bị luật pháp ngăn cấm trong không gian hay thời gian nào đó. Nhưng họ sẵn sàng làm ác gây đau khổ cho mình và người khác khi có cơ hội thuận tiện. Những hành động ác của họ bị lôi cuốn theo tiếng gọi của vô minh, tà kiến chấp thủ và ái dục vì không có sự bảo vệ của giới. Và như thế, họ sẽ nhận lấy những quả báo của nghiệp ác đã làm, đồng thời tiếp tục tạo thêm các nghiệp đạo ác khác để tiếp tục chìm đắm trong bể khổ.

Luật pháp được xây dựng trên quyền lợi của số đông hay quyền lực của chính quyền nên người ta chỉ tuân thủ do tác động ngăn chặn bên ngoài. Giới luật của Phật giáo được xây dựng trên từ bi, luôn đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để không làm điều ác có hại cho người; bằng trí tuệ là hiểu rõ nhân quả, nghiệp báo nên không làm điều ác chứ không cần đến sự khống chế từ bên ngoài. **Mục đích của Giới luật Phật giáo là giáo dục con người tự mình trở thành hoàn thiện trong ý nghĩa nhân bản của nó.**

Là Phật tử, chúng ta phải hiểu biết đúng về tam quy, giới luật, nhân quả, nghiệp, nghiệp đạo, quả báo của nghiệp, để nhận định sự khác nhau giữa vị trí và giá trị, mục đích của pháp và luật do đức Phật dạy và những quy định về luật pháp của xã hội hay những giáo điều của các tôn giáo khác. Khi đã hiểu đúng giáo pháp bằng trí tuệ, có chánh kiến, người phật tử chúng ta mới có thể đi đúng trên chánh đạo với đời sống tự tại, an lạc trong hiện tại và tương lai mà không bị lệ thuộc hay mâu thuẫn với những sinh hoạt giữa chúng ta và xã hội.

Tâm Hạnh

Tài liệu tham khảo:

- The Buddha and His Teaching_Narada_
- Đức Phật và Phật pháp_Narada_ Phạm Kim Khánh dịch
- Đức Phật dạy những gì_Walpola Rahula_Ns. Trí Hải dịch
- What the Buddha Taught_Walpola Rahula
- Câu xá luận_ Đại chính 29. N.1559
- Trung bộ kinh_HT Minh Châu dịch
- Tăng chi bộ _ Ht Minh Châu dịch
- Yết ma yết chỉ_HT Trí Thủ
- Tam quy ngũ giới_ HT Viên Minh
- Sơ thảo Giáo án Phật học_ chùa Huyền Không
- Thập thiện nghiệp đạo kinh_ Đại chính_kinh tập bộ. N.600
- Thắng pháp tập yếu luận_ HT Minh Châu dịch.



Sắc Sắc... Không Không

*A thân phù... từ không"ta thành sắc,"
Khóc hu hu mở mắt chào đời.
Lớn trong bao cảnh đời đời,
Tập huân bao tập một đời rong chơi.
Nhận là sắc"ên muốn nhìn thấy sắc,"
Sắc"àng nhìn càng đắm càng say,
Tâm không"ngày một nhạt phai,
Trần gian lặn ngụp... ngày ngày buồn vui.
Như trong bụi"ta chui vào đó,
Ngó quanh quanh chẳng có lối ra.
Vui buồn, nghiệp chướng quanh ta,
Tới khi thân xác... ngã ra rã rời.
Thân tứ đại rơi thành cát bụi,
Sắc"thành không"... Không Sắc"đời người,
"Không Không... Sắc Sắc..." một đời trầm luân.*

.....
*Người tình thực thấy tâm và sắc,
Tâm trường tồn và sắc tạm dung.
Tâm thân hòa hợp sống chung,
Tuổi nào cùng thấy ung dung hài hòa...*

QUẢNG HUỆ LIÊN

Nam Cali 4/16/12

Phương Thức Giáo Dục Tuổi Trẻ Phật Giáo – Hãy Gieo Ba Hạt Giống Lành

Tâm Thường Định

“Give me a lever long enough and a fulcrum on which to place it, and I shall move the world” (Archimedes). Tam dịch theo quan điểm Phật giáo: “Hãy cho tôi một điểm tựa tâm linh và đầy đủ phương tiện, tôi sẽ di chuyển thế giới này...”

Hơn bao giờ hết tuổi trẻ cần được diu dắt về mọi mặt, nhất là về cuộc sống tâm linh. Vì đó là nền tảng đạo đức, phẩm chất giá trị của con người, và sự phát triển theo chiều hướng tốt của xã hội. Phật giáo là một tôn giáo lớn, đã, đang và sẽ góp phần không nhỏ cho sự hòa bình, hưng thịnh, nhân cách con người, và trái đất mẹ. Trong kinh điển Phật giáo, chúng ta thường được nghe những cụm từ “ba” chữ đi liền với nhau như: Phật-Pháp-Tăng (*Ba Ngôi Báu*); Giới-Định-Tuệ (*Tam Vô Lậu Học*); Tín-Hạnh-Nguyện; Văn-Tư-Tu; Bi-Trí-Dũng; Hoà-Tin-Vui v.v... những con số “3” trong Phật giáo có thể xem như là “sự vận hành”; là phương thức để “hành trì”; công phu để “tu tập”; đó chính là nền tảng “huân tu” trong lãnh vực giáo dục của Phật giáo.

Chúng ta, “nói riêng” có thể tùy nghi chọn bất kỳ một cụm từ nào để làm nền tảng huân tu cho chính bản thân mình, rồi từ đó chúng ta mang “*phương pháp thực tiễn này / this practical way*” vào trong xã hội đương thời. Trong kinh điển của Phật giáo, nền tảng cho sự giáo dục đạo đức con người để đi đến tiến trình giải thoát chính là Giới-Định-Tuệ. Trong bài tham luận của thầy Thích Quang Thạnh với chủ đề “**Phật Hóa Gia Đình & Đạo Đức Xã Hội**” tại Hội thảo Hướng dẫn Phật tử Toàn quốc năm 2011 tại Đà Nẵng, Thầy đã nhấn mạnh rằng: “*Phương thức Giáo dục Tuổi trẻ Phật Giáo trong thời Hội nhập*” sẽ mở ra một chân trời mới, để trợ giúp cho Thanh-Thiếu-Niên luôn có một trái tim đầy nhiệt huyết, thấm đượm được giá trị “*Tài-Đức-Trí*” của một người hoàn thiện. Sắc thái của bài tham luận này là “*Giáo dục Tâm lý*” và “*Giáo dục Phật giáo*”, trong đó Thầy khẳng định lấy Giới-Định-Tuệ làm nền tảng cho sự giáo dục trong đạo Phật.

Ở đây, chúng tôi xin nêu ra “*ba hạt giống*” hay “*ba phương thức*” chính yếu để làm nền giáo dục tuổi trẻ Phật giáo ngày nay.



I. Build: Lay a solid foundation and practice its core values (*Xây dựng*) / Phải đặt một nền tảng Phật giáo vững chắc và thực hành giá trị cốt lõi.

• Hãy chọn bất cứ giá trị nào trong các pháp môn như: Tam Quy-Ngũ Giới; Tứ Vô Lượng Tâm (*Từ-Bi-Hỷ-Xả*); Bát Chánh Đạo; Tứ Nhiếp Pháp; Lục độ; v.v... mà “**HÀNH TRÌ**”, thì đó mới là nền tảng vững chắc. Sự thánh thiện này sẽ

mở cửa cho một nền giáo dục nhân bản, hoàn thiện và thích đáng hơn.

- Hãy tạo một môi trường tốt cho tuổi trẻ. Tuổi trẻ cần có những “*sân chơi*” hay “*điểm đến*” lành mạnh. Tổ chức GDPT là một ví dụ. Trong tổ chức GDPT, sự giáo dục được đặt trên nền tảng chủng tử và huân tập. Ngoài ra, Đạo Phật Ứng Dụng (*Engaged Buddhism*) - đã nêu ra phương thức giáo dục và ứng dụng rất hữu hiệu và thực tiễn. Nói chung, nếu chúng ta có một nền tảng bất thối chuyển, một điểm tựa vững chắc, thì chúng ta sẽ có một tương lai rạng ngời, một hướng đi mới, một môi trường sinh hoạt lành mạnh cho giới trẻ. Và cứ thế, chúng ta tiếp tục vận hành sự TU HỌC và HÀNH TRÌ những giá trị cốt lõi đạo đức đó, thì nền tảng giáo dục của Phật giáo cho tuổi trẻ ngày càng thêm vững mạnh.

II. Transform: Metanoia - A shift of Mind (*Chuyển hóa*) / Thay đổi cái nhìn (*perception*) của mình. Be innovative / !!!

- Trong kinh Pháp Hoa có dạy: “*Tâm dẫn đầu các pháp, Tâm tạo tác...*”, ngày nay các nhà nghiên cứu về giáo dục như Peter Senge nhấn mạnh: “*Sự phát triển trong việc giáo dục bắt nguồn từ sự chuyển hóa tâm thức*” (Senge 2000). Ngài Dalai Lama trong cuốn sách Nghệ Thuật của Hạnh phúc (*The Art of Happiness*) có chia sẻ “*Chỉ đổi cách nhìn của mình không thôi cũng đủ làm cuộc sống nhẹ nhàng và an vui hơn*”.
- Tuổi trẻ như một tờ giấy trắng, nên phải tạo cơ hội và huân tập tuổi trẻ những cách nhìn đúng đắn nhằm chuyển hóa cách nhìn, cách suy nghĩ

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

và hành động của giới trẻ. Albert Einstein có nói: "Only a life lived for others is a life worthwhile". Cuộc sống vì người khác là cuộc sống xứng đáng nhất. "Minh phải chuyển đổi các em từ lối suy nghĩ vị kỷ đến vị tha, từ cái hẹp hòi, chỉ biết cho chính mình trong cái "tôi, cái của tôi", v.v... thành cái của "chung, cái của chúng ta và của tất cả". Dạy các em phải nhận thức rằng, tự lợi lợi tha. Tự giác và giác tha để cuối cùng được giác hạnh viên mãn." (trích trong tập *Tâm Bút của Trần Trung Đạo, trang 11*).

- Thêm vào đó, trong thuyết Đầy tớ Lãnh đạo (*Servant Leadership*), phục vụ nhân sinh là nền tảng của lãnh đạo (*Greenleaf, 1977*). Trong Phật giáo đức Phật dạy: "*Phụng sự chúng sanh là cúng dường Chư Phật*" tạm dịch "service to all sentient beings is honoring to the Buddhas". Chư Tổ lại dạy: "*Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực*" nghĩa là "*Một ngày không làm, một ngày không ăn*". Vì thế, ai trong chúng ta cũng phải tự chuyển hóa chính mình trước qua tư tưởng, suy nghĩ, lời nói và hành động của chính mình. Có thể là những việc làm thiết thực trong việc phục vụ nhân sinh và xã hội như giúp đỡ những người bệnh tật, giúp giảm các nạn nghèo đói, làm giảm đi bất công xã hội, giảm bớt ô nhiễm môi sinh, chăm lo người già, hướng dẫn thiếu nhi học tập đức v.v... đó là sắc thái của sự lãnh đạo và giáo dục thực tiễn có hiệu quả.

III. Act: Put the ideas into practices. (Hành động) / Đặt ý tưởng vào hành động.

- Ai trong chúng ta, từ cá nhân đến tổ chức, cũng đều có những ý tưởng, ý kiến hay và đẹp. Những ý kiến này cần được dung hòa, khai triển, rồi đưa vào thực tập. Sự thí nghiệm nào cũng là bước đầu cho sự tiến bộ của nhân loại nên đạo Phật của chúng ta có phương thức "*tùy duyên, bất biến*" là vậy! Ví dụ: khi thấy những nơi khác có tổ chức các khóa tu học, hội thảo, khóa niệm Phật, thiền hành, v.v... được thành công, thì mình cũng nên học hỏi và mang về thử nghiệm, hòa nhập ở bối cảnh địa phương của mình nếu cho phép. Chắc hẳn, sau vài lần tổ chức, những kinh nghiệm đó sẽ được cải tiến và giàu mạnh thêm. Các nhà sinh vật học gọi đó là adaptation or evolution. Nói một cách khác là: Performance, Feedback, and Revision (*Thực hiện, nhận hiệu suất/chỉ trích, và sửa đổi cho tốt hơn*).

Hai ví dụ dưới đây là điển hình:

- ♦ **Về phần tu học cho tuổi trẻ:** Ở trong nước, có những buổi Hội Trại Tuổi Trẻ và Cuộc Sống do thầy Thích Nhật Từ đề xướng được rất nhiều lợi lạc và thành công. Những buổi hội thảo và những trại vui chơi, huấn luyện như vậy rất cần thiết để tạo một nền tảng đạo đức và huấn tập những đức tính tốt cho tuổi trẻ. Ở Hải ngoại, sự tiên phong tổ chức trại Tu Học của GDPT Miền Tịnh Khiết ở Tu viện Mộc Lan, Mississippi năm 2011 là một thành công lớn cho tuổi trẻ GDPT.

- ♦ **Tu học đại chúng:** Ở trong nước, có những khóa học ở chùa Hoằng Pháp, Tu viện Viên Chiếu, Tu viện Trúc Lâm, v.v... rất thành công cho đại chúng. Ở Hải ngoại, GHPGVNTN HK thấy sự thành công từ các khóa Tu học tại Âu Châu và Úc Đại Lợi, nên đã phối hợp cùng Canada tổ chức khóa Tu học lần đầu tiên tại Bắc Mỹ năm 2011 và đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. Mặc dù địa dư và bối cảnh ở Bắc Mỹ rất khác so với Úc hoặc Âu Châu, nhưng chắc chắn sau vài lần tổ chức Giáo hội sẽ được thành công mỹ mãn. Nếu chúng ta đều có bản lĩnh tốt để thực hiện những ý tưởng đó, không sớm thì muộn cũng sẽ được đơm hoa kết trái.

Tóm lại, tuổi trẻ là tuổi đầy nhiệt huyết và cần sự nâng đỡ của người lớn, hầu góp phần phát triển nhân cách và đạo đức. Ba hạt giống đó là: (1) **Xây dựng** - Phải đặt một nền tảng giáo dục Phật giáo vững chắc và thực hành những giá trị cốt lõi. (2) **Chuyển hoá** - Thay đổi nhận thức của mình để hướng thiện và (3) **Thực hành** - Đặt ý tưởng vào hành động thực tiễn là những phương pháp cụ thể để triển khai những giá trị giáo dục trong Phật giáo. Bằng những giá trị cốt lõi của Phật giáo như: Bi Trí Dũng, Tam Vô Lậu Học hay phương diện Văn Tự Tu, Tài Đức Trí, v.v... chúng ta có thể gieo hạt giống lành cho tuổi trẻ Phật giáo, hầu chuyển hóa và nâng đỡ tuổi trẻ có một hướng đi thánh thiện, thành đạt và có giá trị xứng đáng trong cuộc sống để giúp mình, giúp đời và nối tiếp con đường của Phật tổ.

Tâm Thường Định

Tham Khảo

- Peter M. Senge. "Give Me A Lever Long Enough.... And Single-handed I Can Move the World." (Page 13-25.) The Jossey-Bass Reader on Educational Leadership, Jossey-Bass, San Francisco, 2000.
- Shields, C. M., Edwards, M. M., & Sayani, A. (Editors). INSPIRING PRACTICE: Spirituality and Educational Leadership, Pro>Active Publications, Lancaster, PA., 2005.
- Thích Quang Thạnh. Phương Thức Giáo Dục Tuổi Trẻ Phật Giáo trong Thời Hội Nhập. Tài xuống từ trang nhà daophatngaynay.com, ngày 7 tháng 1, 2012. <http://www.daophatngaynay.com/vn/giao-duc/9444-Phuong-thuc-giao-duc-tuoi-tre-Phat-giao-trong-thoi-ky-hoi-nhap.html>
- Trần Trung Đạo, Tâm Bút Trần Trung Đạo, Tác giả xuất bản, 2005.

Bạn có thể đóng góp ý kiến hay liên lạc tác giả qua blog phebach.blogspot.com hoặc email: kxbach@yahoo.com.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

BAN TỔ CHỨC

LỄ HỘI PHẬT ĐÀN PHẬT LỊCH 2556

LỜI CẢM TẠ



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Trưởng Lão, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý vị đại diện tinh thần các tôn giáo bạn,
Kính thưa quý vị dân cử, quý vị đại diện các đoàn thể, tổ chức người Việt Quốc Gia, quý cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí,
Kính thưa quý đồng hương và chư Phật tử,

Hòa cùng niềm hoan hỷ của hàng triệu Tăng, Ni và Phật tử trên khắp thế giới, mỗi năm đến ngày đản sinh của đức Phật, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cùng với các tự viện tại Miền Nam California long trọng cử hành đại lễ xứng tụng ngày đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni thị hiện ra đời để cứu khổ quần sinh.

Trong 3 ngày qua, hàng ngàn đồng hương Phật tử Việt Nam tại Quận Cam đã có dịp đến đây để tham sự Lễ Hội Phật Đản Phật Lịch 2556. Đây không chỉ là Đại Lễ xứng tán sự xuất thế hy hữu của bậc Đại Giác Thế Tôn, mà còn là ngày hội lớn để cộng đồng Phật tử Việt Nam có dịp duy trì và phát huy truyền thống văn hóa và tôn giáo lâu đời mà chúng ta đã mang theo khi rời bỏ quê cha đất tổ sang định cư nơi xứ người. Đây cũng là cơ hội quý giá để thế hệ đi trước nhắc nhở các thế hệ con cháu không quên di sản tâm linh và văn hóa quý giá của cha ông.

Trước sự thành tựu vô cùng khích lệ của Lễ Hội Phật Đản năm nay, xin thay mặt Ban Tổ Chức, trước hết, chúng con thành tâm tri ân chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni không những tại miền Nam California mà còn khắp các tiểu bang Hoa Kỳ đã ân cần khuyến tấn, chỉ đạo, và hỗ trợ về mọi mặt cho chúng con, mà sự quang lâm hành lễ hôm nay là một biểu hiện cụ thể đáng trân quý.

Chúng tôi cũng xin thành tâm cảm tạ quý vị đại diện các tôn giáo bạn, quý vị đại diện các đoàn thể, tổ chức người Việt tại Quận Cam đã dành thì giờ quý báu của chư vị để đến đây tham dự lễ.

Chúng tôi cũng xin thành tâm cảm ơn các vị dân cử liên bang, tiểu bang, các giới chức của Thành Phố Westminster đã gửi điện thư chúc mừng hoặc thân hành đến tham dự lễ, và đặc biệt Ban Quản Trị Khu Thương Xá Westminster Mall đã tận tình tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổ Chức chúng tôi tiến hành việc tổ chức Lễ Hội tại đây.

Chúng tôi cũng xin chân thành biết ơn các cơ quan truyền thanh, truyền hình, và báo chí trong thời gian qua đã hết lòng hỗ trợ giúp đỡ Ban Tổ Chức chúng tôi thông tin mọi tin tức về Lễ Hội Phật Đản đến tất cả đồng hương và Phật tử.

Chúng tôi xin thành tâm cảm ơn quý anh chị em trong các Đơn Vị Gia Đình Phật Tử, quý cư sĩ Phật tử trong các Ban ngành của Ban Tổ Chức đã hy sinh thì giờ quý báu để góp phần lo việc tổ chức Lễ Hội Phật Đản trong nhiều tháng qua.

Đặc biệt nhất là, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý đồng hương và Phật tử đã đến tham dự Lễ Hội trong suốt 3 ngày qua để bày tỏ lòng kính ngưỡng lên Ngày Đản Sinh của Đức Phật, mà đó cũng là nghĩa cử khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức chúng tôi.

Thay mặt Ban Tổ Chức, xin nhất tâm cầu nguyện đức Phật thù từ chứng minh gia bị cho tất cả quý liệt vị thân tâm an lạc và vạn sự cát tường. Xin hồi hướng tất cả công đức này đến pháp giới chúng sinh đều trọn thành Phật Đạo.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát tác đại chứng minh.

Trân trọng cảm ơn và kính chào quý liệt vị.

HÒA THƯỢNG THÍCH NHƯ MINH

Phó Trưởng Ban Tổ Chức

HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ PL 2556 (2012)
WESTMINSTER, CALIFORNIA, NGÀY 22.4.2012 - *Photos: Hải Triều Âm*



HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ PL 2556 (2012)
WESTMINSTER, CALIFORNIA NGÀY 22.4.2012 - Photos: Hải Triều Âm



thơ

“Khúc Hương Sen”
(Hương Sen Mùa Hạ)

Quý tặng Bảy Đoá Sen Mới Nở (7 vị Tân Sa Di)
thọ giới trong Giới Đàn Giếng Nước Trong
tại Tu Viện Kim Sơn ngày 24 tháng 7 năm 2011

*Ta gặp nhau giữa cung đàn mùa Hạ
Vàng thái dương vừa thức giấc hoan ca
Rừng núi vắng xa thôn trang phố thị
Cùng gió reo trong nắng sớm đón chào*

*Ta ngồi xuống nhìn sâu để quán chiếu
Lời trào dâng trong yên lặng trầm hùng
Bỗng phút chốc bừng lên trong thốn thức
Nắm tay nhau hướng vọng “Phương Trời Cao”*

*Em (1) nhận biết trần gian là mộng mị
Anh (2) reo vui vì có dáng ‘Hương Thiên’
Cõi Em về huyền ảo biến thành chân
Sao trời hiện trong lòng Anh rực sáng*

*Em thấy rõ quanh Em toàn “Ngọc Bích” (3)
Vì có Anh trong thốn thức gọi mời
Ngày mai đó là thiên đường vĩnh cửu
Để hôm nay muôn sức sống dâng tràn*

*Em là hoa giữa núi rừng hoang vắng
Là tiếng thơ trong nắng sớm gió chiều
Là suối mơ để Anh về dệt mộng
Mộng chân thường, mộng vĩnh cửu có nhau*

*Lối Anh đi từng bước chân huyền ảo
Cõi Em về phủ nhẹ ‘Áng Tóc Mây’
Nhịp tim đó hay tiếng đàn réo gọi
Một sớm mai, ôi bóng dáng “Thiên Thần”*

*Em đã đến có mây trời làm chứng
Vóc sáng ngời linh diệu tựa trăng sao
Trong van xin bàn tay Em chấp lại
Dâng cho đời một khối ngọc trinh nguyên*

*Em nhận biết cuối đường nhiều ánh sáng
Lòng từ Anh sâu thăm tợ trùng dương
Phản chiếu qua ngàn sao trời mùa Hạ
Soi lối về thấu rõ chuyệן tử sinh*

*Em có biết môi Em là hoa trái
Trong vườn thiên vang vọng tiếng cười Em
Sức sống đó bừng lên như chim hót
Giữa trời ‘Thương, Trong Mát, của Núi Vàng’ (4)*

*Em còn mãi nụ cười cùng tiếng hát
Tiếng cõi lòng ngưng đọng tựa “Ban Sơ”
Âm thanh đó dội về trong tiềm thức
Gọi mời nhau tắm gội “Khúc Hương Sen”.*

**SƯ HUYNH
THÍCH HẠNH TUẤN**

Tu Viện Kim Sơn, Watsonville, CA
Mùa An Cư Kiết Hạ, Phật Lịch 2555



- 1) Sư Đệ, Sư Muội, Sư Em
- 2) Sư Huynh, Sư Anh
- 3) Phật Ngọc
- 4) Tịnh Từ và Kim Sơn

ĂN CHAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

Tâm Diệu

Thành phố San Francisco ở California đã trở thành thành phố thứ nhì trên thế giới và là thành phố đầu tiên của Mỹ có một ngày chính thức trong tuần không ăn thịt. Thành phố Ghent của Bỉ là thành phố đầu tiên trên thế giới. Phong trào không ăn thịt, ít nhất là một ngày trong tuần hiện đang có khuynh hướng gia tăng tại Hoa Kỳ và các nơi trên thế giới nhằm ủng hộ một lối sống lành mạnh và có ý thức về môi trường sinh thái, đồng thời kêu gọi sự thức tỉnh của con người về mối liên hệ giữa thói quen ăn uống, sức khỏe và sự biến đổi khí hậu toàn cầu.

Nhiệt độ ấm dần lên của quả địa cầu gia tăng, thời tiết biến động nhiều, khiến mưa lũ cùng với bão lớn và lốc xoáy nhiều hơn và ngày càng khủng khiếp hơn, như bão Katrina 2005 bên Hoa Kỳ, bão Nargis 2008 bên Miến Điện, và mới đây những trận bão liên tiếp ở vùng vịnh Mexico: Gustav, Hanna, Ike. Nhiều người lo ngại và tìm biện pháp đối phó. Các khoa học gia đã tìm hiểu nguyên nhân và xác nhận ăn thịt có tác động lớn đến môi trường sinh thái và ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người. Vào năm 2006, một báo cáo của LHQ đã kết luận rằng việc sản xuất và tiêu thụ thịt góp phần làm biến đổi khí hậu qua quá trình tạo chất khí gây hiệu ứng nhà kính của nền công nghệ chăn nuôi súc vật.

Cơ quan Lương Thực và Nông Nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) xác nhận việc chăn nuôi và giết thịt bò cùng các loại động vật khác chiếm 18% tổng lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính thông qua việc thải phân, xì hơi (trung tiện) và ợ hơi của chúng. Các chất khí gây hiệu ứng nhà kính, chẳng hạn như methane, cac bon đai ốc xai và nitrous oxide, có liên quan đến tình trạng trái đất nóng dần lên làm biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu gây bão tố thường xuyên, ảnh hưởng đến môi trường sống của con người. Theo Ngân Hàng Thế Giới (WB) công bố ngày 26/02/2007, mực nước biển dâng cao do hiện tượng trái đất nóng dần lên sẽ gây ảnh hưởng mạnh nhất ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Nếu nước biển tăng lên 5 mét, Việt Nam có thể mất đi 16% diện tích đất với hơn 35% dân số và khoảng 35% tổng giá trị GDP bị ảnh hưởng. Nếu mực nước chỉ tăng 1 mét vẫn có khoảng 10,8% tổng



dân số Việt Nam phải chịu ảnh hưởng tổn thất nặng nề. **Vì thế ăn chay có thể góp phần vào việc giảm bão tố lụt lội.**

Theo báo cáo của FAO, ngành chăn nuôi súc vật đã chiếm hơn 30% diện tích đất trên quả địa cầu để sản xuất thịt và càng ngày càng có khuynh hướng gia tăng. Số nông trại nuôi súc vật để làm thức ăn cho con người ngày nay đã gia tăng hơn bốn lần so với năm 1945. Để yếm trợ, con người phải phá hủy cây rừng thiên nhiên, lá phổi thở quý báu của nhân loại. Người ta tính cứ mỗi mẫu rừng phá hủy để làm nhà, làm chợ, làm bãi đậu xe và làm đường, thì có đến bảy mẫu rừng bị phá hủy để nuôi súc vật và trồng ngũ cốc cho chúng ăn. Hiện nay ở Hoa Kỳ, phân nửa diện tích đất nông nghiệp được dùng để sản xuất thực phẩm cho ngành

chăn nuôi súc vật và 90% tổng sản lượng lúa mì thu hoạch được để dùng cho ngành này. Thống kê cho biết, cứ 16 pounds lúa mì cho súc vật ăn sẽ mang lại 1 pound thịt và theo Aaron Altshul, viết trong tác phẩm *Protein: Their Chemistry and Politics (Protein: Hóa học và Chánh trị)*: "Nếu chúng ta sử dụng một mẫu đất (4.046m²) để trồng ngũ cốc cung cấp thực phẩm cho những người không ăn thịt, chúng ta sẽ được một sản lượng gấp 20 lần nhiều hơn, nếu chúng ta sử dụng đất ấy để sản xuất thịt".

Thịt bò nói riêng và súc vật nuôi để làm thức ăn cho con người nói chung đã và đang làm tổn hại đến môi trường sinh thái trên quả địa cầu. Các nhà khoa học đã tính "cứ mỗi quarter pound (một phần tư) thịt bò bạn ăn là 55 square feet rừng cây nhiệt đới vùng Trung Mỹ đã bị phá hủy và sự phá hủy này đã cung cấp 500 pounds khí cac bon đai ốc xai vào bầu khí quyển". Bác sĩ Neal D. Barnard, chủ tịch Ủy Ban Y Sĩ Trách Nhiệm Y Khoa Hoa Kỳ, cũng đã nhấn mạnh rằng, "nếu bạn là người ăn thịt, bạn đang góp phần vào việc phá hủy môi trường sinh sống trên trái đất, dầu bạn biết hay không biết. Rõ ràng, một điều mà bạn có thể làm được là không yếm trợ nền kỹ nghệ sản xuất thịt và bơ sữa Hoa Kỳ". **Như thế ăn chay có thể góp phần vào việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ rừng cây xanh.**

Báo cáo của Liên Hiệp Quốc cũng cho biết có khoảng từ một tỷ đến hơn ba tỷ người sẽ bị thiếu nước và hàng triệu người sẽ phải đối mặt với nạn đói

cũng như nhiều thảm họa thiên nhiên. Băng trên đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn đang tan nhanh, khiến diện tích vùng băng tuyết có thể thu hẹp từ 500 ngàn cây số vuông xuống còn 100 ngàn cây số vuông trước năm 2030. Trong khi đó ngành công nghệ sản xuất thịt lại sử dụng nước nhiều hơn tất cả các ngành công nghệ khác cộng lại và đồng thời thải ra ngoài sông rạch ao hồ những chất bẩn nhiều nhất làm ô nhiễm sông rạch, ảnh hưởng đến các nguồn nước thiên nhiên tinh khiết càng ngày càng dần. Chỉ một lò sát sanh lớn tại Nebraska Hoa Kỳ, chuyên sản xuất thịt gà, đã sử dụng tới 100 triệu gallon nước mỗi ngày tương đương lượng nước cung cấp cho một thành phố có 25.000 dân cư. Trong quyển *Population, Resources and Environment (Dân số, Tài nguyên và Môi sinh)*, tác giả Paul và Anne Ehrlich đã so sánh: Nếu chúng ta muốn thu hoạch 1 pound lúa mì, chỉ cần 60 pound nước, nhưng nếu chúng ta muốn sản xuất 1 pound thịt bò, phải tiêu thụ từ 2.500 đến 6.000 pound nước. Ngoài ra, không khí chúng ta thở cũng bị ô nhiễm do khí methane thoát ra từ công nghệ sản xuất thịt. Robins Baskin, tác giả "*Diet for a New America*" đã viết rằng mỗi 1,3 triệu súc vật, sản xuất khoảng 100 triệu tấn khí methane hàng năm, khí này là một trong ba loại khí do tác dụng nhà kính gây ra có ảnh hưởng đến độ ấm nóng trái đất. Do vậy, **nếu chúng ta ăn chay sẽ tránh được lượng nước lớn ô nhiễm môi sinh và giảm thiểu khối lượng khí methane thả vào không khí.**

Tóm lại, nguyên nhân đưa đến tình trạng biến đổi khí hậu, khiến bão tố lụt lội nhiều hơn và nguồn nước sạch cùng không khí bị ô nhiễm là do chính con người gây ra, là mối đe dọa chung liên quan đến môi trường sống hiện nay. Đối với hàng triệu người nghèo đói trên thế giới thì vấn đề biến đổi khí hậu và các ảnh hưởng xấu của nó không còn là vấn đề của tương lai mà nó đã và đang huỷ hoại những ước mơ và những nỗ lực thoát khỏi cảnh nghèo đói của họ. Các thế hệ con cháu của chúng ta sẽ có nguy cơ bị ảnh hưởng. Tương lai của chúng ta không phải là định mệnh mà tùy thuộc nơi chính chúng ta. Chúng ta có thể thay đổi được tình thế và có thể chiến thắng được trong cuộc chiến chống hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu, chống không khí và nước uống đang bị ô nhiễm, nhưng chiến thắng đó chỉ đạt được khi toàn thể chúng ta cùng nhau hiệp lực, trong đó có việc tiết giảm nhu cầu ăn thịt, ít nhất là một ngày trong một tuần như nhân dân hai thành phố San Francisco ở Hoa Kỳ và Ghent ở Bỉ Quốc đã làm. Dù là Phật tử hay không là Phật tử, dù giàu sang hay nghèo khó, chúng ta cũng có thể góp phần vào việc này bằng tình thương yêu của mình đối với môi trường xung quanh qua những hành động mang tính không sát hại chúng sanh, tôn trọng sự sống của muôn loài từ loài người, loài vật, cho đến cỏ cây hoa lá.

Tâm Diệu



Nhìn đỉnh Trường Sơn niệm Phật

*Nhìn đỉnh Trường Sơn con niệm Phật
Nguyện cầu bằng hữu vạn bình yên
Cùng trả cho xong vòng công nghiệp
Gió thom ắt sẽ đến lay rèm.*

(Thanh Phong am)

Nhìn mây bay niệm Phật

*Nhìn áng mây bay con niệm Phật
Gửi mấy lời nguyện đến Tây Thiên
Nếu phải bộn bề trăm sự việc
Di Đà con giữ niệm trong tim.*

Đạo tràng Niệm Phật Liên Trì

*Liên Trì đang tỏa ngát mùi hương
Nhất niệm Di Đà vang bốn phương
Tam bài đạo tràng chư pháp hữu
Kiếp sau nhẹ gót đáo Tây phương.*

Nam mô A Di Đà Phật
San Diego 10 giờ sáng 13.3 Nhâm Thìn 2012

CƯ SĨ NGUYỄN THẦN

VỊ ĐẠO SƯ TỐI THƯỢNG

Huệ Trân



Tôn giáo nào cũng có những nhà truyền giáo, phát nguyện rao giảng những điều mà họ tin là mang đến hạnh phúc cho nhân loại. Những vị giáo chủ, người khai sáng ra tôn giáo đó, tất nhiên là nhà truyền giáo đầu tiên về đạo của mình.

Trong lịch sử tôn giáo của nhân loại, vị giáo chủ, và cũng là nhà truyền giáo tích cực nhất, bền bỉ nhất, đơn giản nhất, tử bi nhất, không thể ai khác hơn là Đức Phật. Điều này không mơ hồ mà có thể chứng nghiệm, khi ngược giòng lịch sử qua tài liệu, kinh sách, biên khảo, nhận định, v.v... từ hơn hai ngàn năm trăm năm nay.

Suốt bốn mươi chín năm, Đức Phật đi không ngừng nghỉ, từ nơi giàu sang tới chốn nghèo hèn. Đến đâu, Ngài cũng tùy duyên hóa độ, chỉ dẫn con đường tìm được sự giải thoát rốt ráo, chấm dứt khỏi sinh tử luân hồi.

Thượng Tọa Narada Mahathera, tác giả cuốn *"The Buddha"* có cái nhìn rất sâu sắc khi nhận định rằng, hình thức thành lập tăng đoàn qua óc sáng tạo tuyệt luân của Đức Phật, chính là mô hình lý tưởng của một xã hội bình đẳng ngày nay. Ngài thấu nhận đệ tử không phân biệt giàu nghèo sang hèn, chỉ có sự phân định giới phẩm để nhận lãnh trách nhiệm sinh hoạt trong Tăng đoàn. (*The Buddha established a classless society by opening the gates of the Sangha to all deserving individuals, making no distinction between caste or class. The only distinction was in the seniority of the ordination*). Để nhấn mạnh rõ hơn điểm này, T.T Narada Mahathera đã dẫn chứng thêm lời phát biểu của học giả Lord Zetland, là nhiều người rất ngạc nhiên khi nhận ra hình thức hội chúng và thành lập Tăng đoàn mà Đức Phật đã thực hiện thời xưa, đang là những mô hình căn bản tại các nghị trường ngày nay (*And, it may come as a surprise to many to learn that in the assemblies of the Buddhists in India two thousand years and more ago to be found the rudiments of our Parliamentary practice of the present day*).

Ngài cũng là vị giáo chủ tạo nên lịch sử khi chấp thuận cho người nữ xuất gia. Bức tường bất công kiên cố không cho phép người nữ tại Ấn Độ được tham gia bất cứ sinh hoạt nào ngoài xã hội, đã bị phá sập một cách nhẹ nhàng khi Đức Phật khéo léo và tế nhị đưa ra điều kiện Bát Kinh để phụ nhân Kiều Đàm Di có cơ hội trở thành vị ni-trưởng đầu tiên của giáo đoàn tỳ-kheo-ni, mở đầu kỷ nguyên mới cho người phụ nữ được thăng hoa đời sống tâm linh.

H.T.Tiến sỹ K. Sri Dhammananda, tác giả cuốn *"What Is This Religion?"* thì lại bày tỏ lòng kính ngưỡng Đức Phật khi tôn xưng Ngài là Bạc Đạo Sư Vĩ Đại của nhân loại. Những lời dạy của Ngài từ hơn hai

mươi lăm thế kỷ trước, vẫn được áp dụng một cách hài hòa, thực tiễn cho đến ngày nay, là minh chứng hùng hồn về giá trị của giáo pháp mà Ngài đã tìm ra. Một triết gia mà cũng là một nhà lãnh đạo tài ba của Ấn Độ là Tiến sỹ S. Radha đã không dấu

diễm niềm hãnh diện khi khẳng định rằng, Đức Phật Cồ Đàm là vị tiêu biểu tuyệt kỳ nhất cho mẫu người vẹn toàn sắc thái tinh hoa của Phương Đông. Tư tưởng của Ngài ảnh hưởng sâu rộng vào đời sống nhân loại, dù người đó có là tín đồ của Ngài hay không. Vì sao? Vì giáo lý Ngài chỉ dẫn là con đường Trung Đạo, biểu trưng cho những hệ thống giáo dục và đạo đức căn bản, hành trì bằng tinh thần tự do để thực thi ba điểm chính là: Tránh điều xấu, làm điều lành và thanh tịnh tâm. (*Middle-Way, a righteous way of life, an ethico-philosophical system and a religion of freedom and reason. It teaches us to do three main things, namely: Keep away from bad deeds, do good and purify the mind*)

Một con người muốn hướng thiện, tất có thể biết trên lý thuyết là tránh ác, làm thiện nhưng nếu người ấy không biết thanh tịnh tâm thì không dễ gì kịp thời tránh ác hay nhiệt thành làm thiện. Chính vì thế mà Ngài luôn nhắc nhở, cảnh giác chúng sanh phải quán sát tâm hành. Hạnh phúc hay khổ đau đều do tâm tạo, nên bằng nhiều phương thức khác nhau, những bài pháp mà Đức Phật tuyên giảng đều khuyên dạy con người từ bỏ bản ngã vốn vị kỷ của mình để sống đời vị tha, vì ai biết bố thí, biết cho, người ấy sẽ giàu có.

Khi viết cuốn *"The Three Greatest Men in History"*, nhà sử học nổi danh H.G. Well cũng đồng ý với giáo sư Joad rằng, trong ba vị đạo sư vĩ đại vào thế kỷ thứ sáu trước tây lịch thì Đức Phật Cồ Đàm chính là bậc vĩ nhân cao thượng nhất. Ấy thế mà Ngài lại luôn tiêu biểu cho những gì cực kỳ đơn giản, hòa nhã, dạy các đệ tử nhìn Ngài như một con người bình thường, tuyệt đối không được tôn sùng Ngài như một đấng thần linh, vì một đấng thần linh khó có thể gần gũi với khổ đau một cách hiện thực. Chính vì lời dạy "vô thần linh" này mà nhà văn Bertrand Russell phải thốt lên lời cảm khái không thể kìm giữ nổi khi ông tìm hiểu về Đạo Phật: "Ôi, Đức Phật Cồ Đàm, Ngài quả là nhà vô thần thánh thiện



nhất của nhân loại dưới bất cứ thời đại nào" (*The greatest atheist of all times*)

Muốn cảm thông những lời ca ngợi này, chỉ cần nhìn tổng quát con đường Đức Phật đã đi chúng ta cũng thấy ngay những nét tuyệt hảo về một con người thực, tuy có mặt trên thế giới này mà vẫn như huyền thoại bởi vì người đó đã soi tỏ được những gì tối tăm nhất, hóa giải được những dị biệt hằn sâu nhất, an ủi được những gì khổ đau nhất, mở rộng được những cánh cửa ngục tù kiên cố nhất Hơn hai mươi lăm thế kỷ trước mà Đức Phật đã thành công trong cuộc cách mạng nhân quyền với bối cảnh lịch sử, xã hội khắc nghiệt thời đó.

Chỉ nhắc lại thôi, cũng khiến chúng ta rúng động. Một xã hội với những giai cấp như được phân chia từ muôn kiếp trước. Sinh ra trong nhà trưởng giả thì đương nhiên làm chủ, toàn quyền sinh sát những kẻ sinh ra trong kiếp tội tở, nghèo hèn, không gì có thể chuyển hóa, thay đổi được. Ấy thế mà, với lòng Từ Bi vô cùng, với Trí Tuệ vô song, với Dũng Cảm vô bờ, Đức Phật đã độ cho người gánh phân nhập Tăng đoàn. Một người ở giai cấp hạ tiện là thành phần không bao giờ được ngẩng mặt nhìn một người ở giai cấp khác, nói chi tới việc trở thành một vị sa môn là giai cấp mà vua quan cũng phải cung kính cúi chào.

Thực hiện điều này, Đức Phật đã sẵn sàng chờ mọi phản ứng. Thì đây, tin đồn đã đến tai vua Pasenadi. Nhà vua không thể tin được lời đồn nên quyết định tìm Đức Phật mà hỏi cho ra. Các vị giáo chủ những giáo phái khác xin tháp tùng nhà vua vì họ cũng không thể chấp nhận một điều mà họ cho là sự sỉ nhục!

Tới trước Kỳ-Viên-tự, nhà vua muốn một mình vào trước nên bảo mọi người chờ bên ngoài. Lững thững tiến về hướng tịnh thất của Đức Phật, nhà vua

thấy thấp thoáng đó đây, bóng dáng những vị tu sỹ nhẹ nhàng di động hoặc tĩnh tọa thiền. Dù trong tư thế nào, những đệ tử của Đức Phật đều tỏa sáng năng lượng đạo hạnh, an lạc khiến nhà vua vô cùng kính phục.

Khi vừa rẽ vào con đường có dòng suối nhỏ thì nhà vua nhìn thấy một thầy trẻ đang thuyết pháp trên một phiến đá lớn, xung quanh, khoảng hơn hai chục thầy khác đang lắng nghe với sự khâm phục và thích thú. Nhà vua cũng dừng lại dăm phút và bị lôi cuốn ngay bởi nhân dáng nhu hòa, giọng nói trầm tĩnh, lời pháp từ bi, xúc tích. Nhà vua tự nhủ, để gặp Đức Phật xong rồi sẽ trở lại đây cúng dường vị thầy trẻ đáng quý này.

Có ngờ đâu, khi hỏi tên người đang thuyết pháp trên phiến đá thì Đức Phật mỉm cười nhẹ nhàng:

- Đó là Sunita, là người gánh phân mới nhập Tăng đoàn không lâu đó.

Thành trì sụp đổ cũng không thể kích động nhà vua hơn, khi nghe Đức Phật xác nhận như thế!

Không tốn một thanh gươm, không đổ một giọt máu, mà sự bất công mọc rễ nhiều đời tự bật gốc trước ánh sáng của Bi Trí Dũng.

Nhưng, ai là người có đủ Bi Trí Dũng để:

Là **nhà-hiền-triết** kỳ tài khi thuyết giảng những triết lý thâm sâu bằng sự đơn giản xúc tích cho người nghe nắm bắt được?

Là **nhà-đạo-đức-học** cao trọng khi đưa ra những quy tắc nghiêm minh tột bậc nhưng với hình thức từ bi để người nghe noi theo được?

Là **nhà-xã-hội-học** uyên thâm khi san bằng những bất công mà không làm xáo trộn xã hội?

Là **nhà-lãnh-đạo-tự-do** đã tôn trọng tuyệt đối tự do của người khác khi luôn nhắc nhở những người đi theo mình, là chớ vội theo tôi khi chưa tự suy xét những điều tôi nói?

Là **nhà-khoa-học** lỗi lạc khi từng giảng nhiều lần về lý-duyên-khởi, về sự tương nhập, tương tức mà tới năm 1986, khoa học gia Alan Aspect mới chứng minh được sự tương dung?

Là **nhà-tâm-lý-học** sâu sắc, nhìn Tâm như một họa sỹ tự vẽ mọi cảnh trí, để dạy chúng sanh biết rằng, con người là những hành động của chính họ?

Vân vân... và vân vân.... Hằng hà sa số những điều mà không một vị giáo chủ của một tôn giáo nào có thể hội tụ đủ.

Vị giáo chủ tột cùng cao thượng, tột cùng trí tuệ như thế lại là người thường khuyến khích chúng sanh rằng: "*Ta là Phật đã thành. Các con là Phật sẽ thành*".

Sự khiêm cung của Ngài song song với ân đức vô lượng Ngài đã ban cho nhân loại là điều chúng ta có thể hiểu, vì sao, đã hơn hai mươi lăm thế kỷ, giáo lý của Ngài vẫn rực sáng với mọi thời gian, không gian.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Huệ Trân

ĐẤT ƯƠM MẦM SỐNG VÔ BIÊN KẾT GIAO MẠNG MẠCH LƯU TRUYỀN TÔNG MÔN

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Một đêm nọ, sau cuộc hành trình vất vả, xuyên suốt cả một vùng nông thôn rộng lớn, các Sa-môn cùng Đức Thế Tôn cuối cùng cũng về tới Kỳ Viên. Các sư nhứt trí họp nhau trong chánh điện để rút ra những bài học kinh nghiệm cho các chuyến viễn hành, du hóa về sau. Thượng tọa niên trưởng Chơn Tâm bắt đầu đề cập đến những hình thái sinh động qua các mẫu đất đá đa dạng với màu sắc lung linh, kỳ dị của chúng. Sư nói:

- Quý huynh đệ thấy đấy, chuyến viễn du vừa qua đã giúp ta tai nghe mắt thấy vô số điều thú vị. Ai bảo cỏ cây hoa lá, sỏi đá núi rừng không tình không nghĩa với con người, nhứt là với những bần tăng viễn ly dung dị, du hóa bốn phương theo hạnh nguyện mà Đức Thế Tôn đã dày công tu tập, chứng ngộ và truyền đạt cho chúng ta:

*Bát cơm lý tưởng khắp ngàn nhà
Bước chân đạo nghiệp muôn dặm xa
Chỉ vì sinh tử hai việc lớn
Xuân thu giáo hóa tháng ngày qua.*

Không biết quý huynh nghĩ sao, thấy gì, chứ Chơn Tâm này đặc ý nhứt là những loại đất đá kiên gan bền chí, phơi mình ra trước phong ba bão tố, nắng hạn mưa dầm, không than thân trách phận mà lại tô điểm thanh sắc, khí vị cho khách đi đường. Tuyệt quá!

- Thượng tọa nói sao chứ em thấy có gì đâu mà phải thi vị hóa như vậy! Đất đá muôn đời vẫn là đất đá. Không khéo như sư Chánh Trí suýt nữa trượt chân lặn xuống đời vì một cục đá mất nết, thấy người đi tới mà vẫn nằm chình ịch ra đó.

Sư Thiện Hỷ phát biểu và đại chúng che miệng cười thú vị.

- Em thấy cũng nên suy nghĩ, đúng hơn là quán niệm về các loại đất đá, sư Ngộ Giải trình trọng nói. Suốt cuộc hành trình, chúng ta chứng kiến vô số cảnh quan, nổi bật nhất vẫn là đất đá. Mà không đáng quan tâm sao được! Chúng ta sống cũng nhờ đất mà chết cũng nhờ đất. Vạn loại hữu tình và vô tình đều đang nương nhờ, tá túc và sanh sôi nảy nở trên mặt đất này. Kỳ diệu thay! Quý huynh xem, cùng từ dưới lòng đất vươn lên, nhưng mỗi loài hoa đều có màu sắc và hương vị khác nhau, đó là chưa kể ngô khoai lúa nếp, cây trái bốn mùa; chúng luân lưu sinh diệt với muôn màu, muôn vẻ trên ruộng đồng, rừng núi từ năm này qua tháng nọ, nhưng khí chất đất đá có khác gì đâu!

- Có chứ! Sư Nhất Thanh tỏ vẻ không cùng quan điểm. Nói sỏi đá có cùng khí chất thì hình như chưa chính xác. Em thấy đất đá cũng có hình dạng và màu sắc khác nhau, vậy là khí chất và biên độ không đồng, nhất là các loại đất ruộng, đất gò: nơi

này bằng phẳng, nơi kia gồ ghề; chỗ này lầy lội, chỗ nọ khô khan; rồi thì đất đen, đất đỏ, đất trắng, đất vàng... úi dời, nhiều loại pha tạp lắm!

- Hay!... Không ngờ Nhất Thanh nín nín mà nay ra đòn ác liệt ta! Sư Tâm Trực vụt nói và Tăng chúng cười ồ vui vẻ.

Nghe đại chúng nói cười hưng phấn trong chánh điện, Đức Thế Tôn bước vào, hoan hỷ ngồi giữa các sư, nói:

- Chà! Các thầy có gì mà hân hoan, sôi nổi vậy hè?

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão Minh Hạnh đáp, quý huynh đệ đang nhận xét về các loại đất đá đã bắt gặp trên cuộc hành trình vừa qua.

- Vậy sao! Nay các thầy Tỳ-kheo, các thầy chỉ mới luận bàn hay góp ý cho nhau về những lớp đất đá dễ thấy bên ngoài. Các thầy nên nhìn sâu, thấy rõ những lớp đất đá cô đặc bên trong để rồi lau chùi, mài dũa sao cho chúng trở thành những hạt kim cương lung linh phản chiếu ra muôn màu muôn vẻ, thế mới là đúc kết kinh nghiệm, quán sát tinh tường sau mỗi chuyến hành trình.

Ngài mỉm cười, đọc kệ:

*Ai chinh phục Thiên giới,
Địa cầu và Dạ ma,
Thông giảng kinh Pháp Cú,
Như người khéo hái hoa.*

*Hữu học chinh phục đất,
Thiên giới và Dạ ma,
Thông giảng kinh Pháp Cú,
Như người khéo hái hoa.*

(PC. 44, 45)



thơ

Những phím dương cầm

*Tự hôm nào suối tóc ngọt lời ca
Tay Em run trên những phím lụa ngà
Thôi huyền tượng xô người theo cát bụi
Vùng đất đỏ bàn chân ai bối rối
Đạp cung đàn sương úa đọng vành môi
Đường xanh xanh phơn phớt nụ ai cười
Như tơ liễu ngại ngừng lay nắng nhạt
Lời tiễn biệt nói gì sau tiếng hát
Hỏi phương nào cho nguyện ước Trường sơn
Lời Em ca phong kín nhụy hoa hồn
Anh trĩu nặng núi rừng trong đáy mắt
Mờ phố thị những chiều hôn suối tóc
Bóng ai ngồi so phím lụa đàn xưa.*

Tôi vẫn đợi

*Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khóe miệng rưng rưng.
Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen huyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ Quê Cha
Tôi vẫn đợi suốt đời quên sóng vỗ
Quên những người xuôi ngược Thái Bình dương
Người ở lại với bàn tay bạo chúa
Cọng lau gầy trĩu nặng ánh tà dương
Rời trước mắt ngục tù thân bé bỏng
Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu
Rời khép lại hàng mi về Cõi Mộng
Như sương mai như bóng chớp mây chiều.*

Nhớ con đường thơm ngọt môi em

*Tóc em tung bay sương chiều khói biếc
Dệt tơ trời thành khúc hát băng khuâng
Tình hay mộng khi Trường sơn xa hút
Đến bao giờ mây trắng gửi tin sang.
Hồn tôi đi trong rừng lang thang
Vọng lời ru từ ánh trăng tàn
Mắt Em nhỏ ngại ngừng song cửa
Nghe tình ca trên giọt sương tan
Bóng tôi xa đêm dài phố thị
Nhớ con đường thơm ngọt môi Em
Ơi là máu, tui hồn nô lệ
Bóng tôi mờ suối nhỏ đêm đêm
Gót chân Em nắng vàng xua viễn phố
Những ngón hồng ngọc gác giữa đường chim
Ôi ta nhớ như đêm dài thượng cổ
Sợ tóc mềm lơ nhịp hát trong tim.*

TUỆ SỸ



LỜI KINH SÁM HỐI

Đào Văn Bình

Sau 6000 năm tạm gọi là “văn minh, tiến bộ”.
Loài người đã đạt được những “thành tích” sau đây:

- Vũ khí hạch tâm đặt trong các hầm chứa dư sức hủy diệt trái đất.
- Vũ khí vi trùng, hóa học nếu nói đến số lượng khiến người ta phải rùng mình.
- Tàu ngầm nguyên tử, hỏa tiễn liên lục địa mang đầu đạn hạt nhân...đếm không hết.
- Thánh đường, nhà thờ, nơi thờ phượng mọc lên như nấm nhưng không khí hận thù, ngăn cách, nghi kỵ, ghét bỏ, khủng bố, bao phủ khắp nơi.
- Những Video và phim ảnh dâm ô, bạo lực, chỉ riêng Hoa Kỳ và Âu Châu, nếu gom góp và chất chứa lại còn cao hơn cả Hy Mã Lạp Sơn.
- Tại những nơi gọi là “linh thiêng, thánh thiện, nhân từ” nhất người ta đang cầu nguyện, van vái Thần Linh để bành trướng, để tăng thêm sức mạnh tiêu diệt kẻ thù hầu thống ngự nhân loại.
- Con người, một loài vật tinh khôn nhưng hung ác nhất, đang đối đầu với nguy cơ trầm luân, hủy diệt vì hận thù, tội ác và Vô Minh mỗi lúc mỗi cao dày.
- Phải chăng đã đến lúc tất cả chúng ta phải thành tâm sám hối?
- Là một thành viên trong cộng đồng thế giới, tôi không thể nói rằng tôi không có trách nhiệm gì đối với những khổ đau, bất ứng, nghịch lý, bất công, hiểm nguy đang xảy ra chung quanh tôi.

Kẻ tham lam không bao giờ thấy đủ.

Kẻ cay nghiệt không bao giờ biết tha thứ.

Kẻ hung bạo không bao giờ biết hối hận.

Kẻ tàn ác không bao giờ biết nhỏ lệ xót thương.

Kẻ ngu si không bao giờ biết mình sai trái.

Chỉ có kẻ thiện lương mới biết cảm thông với người khác.

Chỉ có người Trí Tuệ mới thấy mình lỗi lầm.

Nay tôi noi gương các Đức Phật, những vị Bồ Tát, các bậc Hiền Thánh, nhất là Ngài Phổ Hiền Bồ Tát có cả trong ba đời hiện tại, quá khứ, vị lai, thành

tâm sám hối những lỗi lầm mà tôi đã phạm:

- Tôi không phải chỉ ăn năn về những gì đã làm cho người còn sống mà cả những gì đã làm cho người đã chết.

- Sám hối ở đây không phải là sám hối với Trời, Phật mà là sám hối với Lương Tâm, với Loài Người và cả với loài Thú Vật, Cây Cỏ và Thiên Nhiên.

Nhớ lại khi còn quyền thế trong tay, nhân danh lý tưởng cao đẹp này nọ, tôi đã gây chiến, đã dùng bom đạn, mìn, hóa chất tàn phá bao nhiêu cây rừng tươi đẹp khiến chim muông tan tác, thú rừng hủy diệt, nguồn nước nhiễm độc, phụ nữ sẩy thai, trẻ em dị dạng, đàn ông tuyệt đường sinh dục, người khai hoang vỡ đất què cụt vì đạn pháo, chông mìn.

Vì tham vọng phát triển, làm giàu mau chóng, tôi đã ra lệnh khai thác gỗ rừng, đào mỏ, phá núi một cách bừa bãi khiến gây cảnh sỏi mòn, lụt lội, dân tình khốn khổ. Rừng núi xanh tươi biến thành bãi cháy khô cằn.

Hoặc vì tham vọng bất chính, hoặc vì lơ đãng bất cẩn tôi đã đổ dầu trên biển khiến môi trường ô nhiễm, bao nhiêu loài cá, loài chim oan thác.

Để giúp thêm vào sự hào nhoáng của loài người, tôi đã giết bao nhiêu loài chồn, hải ly, gấu, thỏ, cừu...chỉ để làm áo khoác trang điểm dạ hội cho đàn bà.

Chỉ vì muốn nhậu nhẹt khoái khẩu hoặc vì muốn tìm những phương thuật lạ để tăng cường sinh lý, tôi đã hủy diệt bao nhiêu loài khỉ, hổ, báo, tê giác, voi, hươu, nai, hải cẩu, cá sấu, cá voi, rắn, kỳ đà v.v...Tôi còn ăn thịt cả loài chó, ngựa là giống “khuyến mã chi tinh” mà không hề biết xót thương.

Tôi đã san bằng, tàn phá bao nhiêu núi đồi để tìm vàng, kim cương, ngọc thạch để làm nữ trang cho phụ nữ.

Tôi cũng xin sám hối cả với những sắc tộc mà tôi đã tiêu diệt. Vì tham vọng bành trướng, vì chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vì muốn trở thành đế

quốc, tôi đã tiến hành kế sách đồng hóa rất thâm độc các chủng tộc, các bộ tộc nhỏ bé mà tôi đã dùng vũ lực xâm chiếm. Còn đối với những quốc gia không thể tiêu diệt hoặc đồng hóa được, tôi đã chia cắt ra thành nhiều vùng theo chính sách “chia để trị” khiến một dân tộc mà lại nghị kỵ, ghét bỏ nhau không sao hàn gắn.

Tôi đã thành lập các khu vực định cư, các khu tự trị v.v..để đan xen vào khu vực sinh sống của sắc dân thiểu số. Để làm đồn điền hoặc khai thác hầm mỏ, tôi đã xua đuổi họ vào những khu vực rừng sâu núi thẳm khiến họ không thể sinh sống và lần hồi diệt chủng. Tôi dùng những thủ đoạn tinh vi, thâm độc như dụ dỗ, ép buộc họ phải theo ngôn ngữ của





tôi, tôn giáo của tôi khiến ngôn ngữ và tôn giáo của họ lần hồi biến mất. Tôi đặt ra những luật lệ khắt khe khiến họ phải bỏ cách ăn mặc, phong tục tập quán lâu đời của dân tộc họ.

Tôi đã phá hủy những nơi thờ phượng linh thiêng của dân bản xứ để xây dựng nơi thờ phượng cho tôn giáo của tôi. Tôi bao che và lèo bịp nhân loại bằng những mỹ từ như "Gieo Rắc Ánh Sáng" "Khai Sáng Văn Minh" nhưng thực chất chỉ là sự xâm chiếm, diệt chủng và thiết lập một đế quốc tinh vi. Tội lỗi của tôi chất cao như núi, nay dưới Suối Vàng bị Diêm Vương tra khảo, đau đớn không sao kể xiết, tôi xin thành tâm sám hối.

Tự nhận mình là người đi "khai sáng văn minh" cho nhân loại, tôi đã dùng pháo thuyền hùng mạnh đi săn lùng thuộc địa, cai trị các dân tộc yếu đuối bằng chính sách vô cùng dã man. Tôi săn bắt nô lệ ở Phi Châu, bán buôn đi khắp thế giới như buôn bán thú vật, hủy diệt tâm linh và văn hóa bản địa tại Á Châu, Phi Châu, Nam Mỹ...Tôi đã gây tạo tội ác ghê tởm trước lương tri nhân loại, nay xin thành tâm sám hối.

Tôi còn nhìn về quá khứ lịch sử để sám hối cả với những bậc tiên hiền liệt sĩ, anh hùng dân tộc. Tôi đã cam tâm làm gián điệp cho ngoại bang, vẽ bản đồ chỉ điểm, dẫn giặc ngoại bang xâm chiếm đất nước tôi. Vì bà vinh hoa, vì cơm áo, vì yếu hèn, vì tráo trở, vì bội phản, tôi đã làm tay sai cho thực dân xâm lược, cho quan toàn quyền, thống sứ, cho sở mật thám để tàn hại, chia rẽ đất nước, gây tội ác nghìn đời không rửa sạch. Nhìn lại tội lỗi đó tôi vô cùng hổ thẹn và xin đê đầu sám hối.

Tôi sẽ sám hối cả ngày lẫn đêm, niệm niệm nối liền không dứt. Tôi sẽ sám hối cho đến khi nào đầu óc trống trơn không còn gì để sám hối. Nhưng vì tội lỗi của tôi làm không sao nhớ hết cho nên tôi sẽ còn tiếp tục sám hối ở đời này, đời sau và nhiều kiếp sau nữa, không bao giờ ngưng nghỉ.

Tôi xin sám hối từ lúc chưa lọt lòng mẹ. Chín tháng mang nặng đẻ đau, tôi đã gây bao buồn khổ cho Người. Khi tôi cất tiếng khóc chào đời là lúc Mẹ phải chạy vạy lo toan từng muỗng cháo, cục đường, thìa sữa, từng chiếc tã trong cảnh nghèo túng mà tôi không biết. Khi tôi bắt đầu có một chút kiến thức thì tôi kiêu căng, chối bỏ quá khứ, dối cha, dối mẹ vùi vĩnh đủ thứ. Tôi ngang tàng cãi lời cha mẹ, tôi khóc lóc, ăn vạ cốt để mẹ cha chiều theo sở thích của tôi. Khi tôi bắt đầu cắp sách đến trường thì cha mẹ mừng một tí nhưng bao lo âu lại đổ dồn đến. Tôi trốn học, đàn đúm với bạn bè, không biết nhường nhịn anh chị em. Tôi không biết giúp đỡ việc nhà. Tôi trở thành gánh nặng, khổ đau, ai oán cho cả gia đình.

Là kẻ sinh ra trong trong cung vàng điện ngọc, nơi giàu sang phú quý hay từ các "đại gia" tôi học đòi thói trường giả ngay từ lúc ấu thơ. Tôi trưng diện những thứ không cần thiết cho tuổi học trò. Tôi gia nhập băng đảng xì-ke ma túy, vẽ bậy lên tường, lái xe ào ào trên đường phố, phá phách xóm làng, la cà vào các hộp đêm ăn chơi trác táng khiến hằng đêm Mẹ khóc hết nước mắt. Tôi gây tạo những xì-căng-đan làm náo động cả xã hội. Khi bắt đầu bước vào đời, tôi mãi mê chạy theo danh vọng, theo thói ăn chơi trường giả, theo hình bóng của bao nhiêu thiếu nữ, quên mất giờ đây mẹ già tóc đã điểm sương cũng cần những lời hỏi han, an ủi.

Khi tôi thật sự bước vào đời thì Cái Tôi hoang đàng, cắt lia cuống rốn, xa lìa tình tự, không biết gì về những giá trị đạo đức của cha ông, gập phải tà sử, ngoại thuyết rồi chối bỏ hồn dân tộc. Rồi Cái Tôi đó quay cuồng trong cuộc sống đầy đam mê, dục vọng đã biến hiện thành nhiều hình tướng khác nhau, rồi cấu thành bao nhiêu tội lỗi như sau:

1. Là thương gia tôi chỉ biết có tiền và thủ đoạn làm giàu bất chính. Tôi đầu cơ tích trữ, buôn đồ giả, chế đồ rơm. Giá thành một tôi nói mười. Tôi móc ngoặc với các giới chức hoặc qua mặt chính quyền tăng giá khiến dân nghèo oán than. Tôi giả vờ không biết để "tính lỗ" (overcharged) để móc túi khách hàng mà khách hàng không hề hay biết. Tôi đóng góp vào sự tan nát của xã hội, sự suy sụp của nền kinh tế quốc gia, vào nạn tham nhũng của đất nước. Thỉnh thoảng tôi cũng giả vờ đóng góp thiện nguyện, cúng tiền cho giáo sĩ, để tỏ ra mình có đạo đức, nhưng thực chất chỉ để che mặt thế gian. Của cải tôi đầy kho, nhưng gia đình lại vô đạo đức, con cái hư hỏng. Nay chết đi tài sản không mang theo được. Dưới Suối Vàng bị Diêm Vương tra khảo, đau đớn vô cùng, tôi chỉ còn biết nhả nhủ với vợ con, thân nhân rằng chỉ có sám hối, làm việc thiện, đem tài sản giúp đỡ người nghèo khó, mới có thể giải trừ bao tội lỗi mà tôi đã gây ra.
2. Là kỹ nghệ gia chế tạo vũ khí giết người, tôi tung tiền quảng cáo để bịt miệng báo chí. Tôi lobby, đút tiền cho dân biểu, thượng nghị sĩ để dim chết các đạo luật kiểm soát vũ khí, khiến tội ác trên đường phố gia tăng, trẻ em năm sáu tuổi đã biết dùng súng giết người, học sinh đem súng vào trường

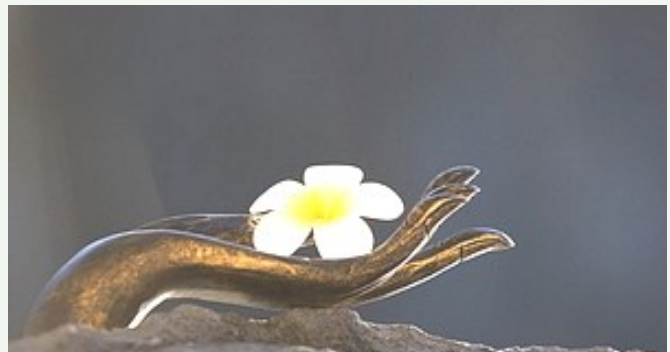
TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

bắn giết bạn bè thầy cô...giống như những phim ảnh của Hollywood. Tuy tôi trở thành tỉ phú, sống đời vương giả nhưng từng đêm, từng đêm mất ngủ, ác mộng chập chờn khiến tôi hiểu rằng chỉ có sám hối mới giải trừ bao ác nghiệp mà tôi đã phạm.

3. Là nhà sản xuất đồ chơi, tôi chế tạo các đồ chơi đầy dục tính và bạo động khiến đầu óc trẻ thơ bị ô nhiễm rồi đi vào đường xấu xa, tình tình hung hăng hiếu chiến. Chúng nó sẽ là cái Nhân tàn phá xã hội trong tương lai. Tôi tuy là người giàu có nhưng trong những giây phút lắng đọng tâm tư, phản quang hồi chiếu tôi thấy mình gây tạo quá nhiều nghiệp dữ. Nay xin dâng đầu sám hối.
4. Là nhà làm phim ảnh, tôi làm những phim quái đản, đồi trụy, bạo động, gớm ghiếc... nói là để giải trí nhưng đầu độc thanh niên, thiếu nữ, người lớn trẻ em, từ từ biến con người thành loài quỷ, mất cả nhân tính, lấy giết người, hành hạ người làm vui, lấy trụy lạc là hạnh phúc, lấy tiền bạc là hãnh tiến và không còn biết xúc động với khổ đau của nhân thế nữa. May gặp thiện tri thức chỉ bảo cho, tôi giật mình kinh hãi vì mình đã trôi lăn trong ba ác đạo: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh mà không hề hay biết. Nay xin thành tâm sám hối và quay về nẻo chánh.
5. Là nhà thảo chương *programmer*, tôi đưa lên mạng lưới toàn cầu Internet những website khai thác tình dục trẻ em. Tôi kiếm sống bằng nghề xấu xa như bản. Tôi là tội đồ của chính con cái của tôi. Tội lỗi của tôi còn ghê tởm hơn ma vương, quỷ dữ. Nay vì ảm thực và chơi bời quá độ tôi bị chấn động tim và trở thành phế nhân. Trong nhà dưỡng lão lạnh lẽo không bạn bè, bà con thăm viếng, tôi cảm thấy tủi hổ và xin thành tâm sám hối.
6. Xuất thân từ xã hội lưu manh ăn bám xã hội, tôi chuyên làm nghề buôn bán gái điếm, xuất khẩu nô lệ tình dục, buôn bán xì-ke ma túy. Tôi sống trên thân xác của hằng ngàn cô gái ngây thơ vô tội. Nay thì tuổi đã già, hoặc vì bằng đảng thanh toán, hoặc bị chính quyền truy nã, thăm thía cảnh đời đen bạc, nhìn lại quá khứ xấu xa. Vì danh dự của chính mình và tương lai của con cháu tôi xin dâng đầu sám hối.
7. Là chủ tịch của công ty cổ phiếu, tôi già mạo giầy tờ, thổi phồng lợi tức để bán chứng khoán. Rồi gặp buổi kinh tế khó khăn, âm mưu bại lộ, tôi tẩu tán tài sản, lén lút bán cổ phần trước, rồi khai phá sản, khiến bao cổ đông trắng tay, tiền hưu trí mất hết khiến gây cảnh cười đau khóc hận. Chính tôi đã làm rối loạn thương trường, khủng hoảng tài chính quốc gia. Tôi là hiện thân của con ròi, con bọ trong bộ quần áo lịch sự, trong những chiếc xe hơi đẹp, trong những căn nhà lộng lẫy. Ngày nay trong cảnh tù tội, gia sản bị tịch thu, mới thấy tiền bạc là vô nghĩa và xin thành tâm sám hối.
8. Là nhạc sĩ, ca sĩ tôi sáng tác những bản nhạc ca ngợi thân xác thấp hèn, những lời lẽ dâm ô, thô tục. Mới mười lăm, mười sáu tuổi tôi đã biết trình diễn những màn gợi dục. Tôi ăn mặc hở hang, làm những động tác dâm dật rất lạnh nghề. Tôi rên rí,

khóc lóc, uốn éo, để ru hồn thanh niên thiếu nữ ngây thơ. Người ta xưng tụng tôi là nữ hoàng nhạc Rock, nhạc Pop, nhạc Rap nhưng thực chất tôi chỉ là kẻ dâm dăng có một chút tài năng giúp thêm vào nạn thiếu niên mang bầu, bỏ nhà trốn học, xì-ke ma túy và tệ nạn xã hội. Nay tuổi đã già, nhan sắc tàn phai, cuộc đời ba chìm bảy nổi, nhìn lại những gì đã làm trong quá khứ tôi thấy ghê sợ và xin thành tâm sám hối.

9. Là nhà văn, nhà báo, ký giả, talkshow, thay vì nói lời trung thực, bênh vực người cô thế, tôi ngả theo cường quyền, thế lực tôn giáo hiếu chiến, hoặc vì đồng tiền, tôi bóp méo tin tức, bóp méo lịch sử, chụp mũ, bôi lọ, đánh phá người vô tội, không cho người oan ức có cơ hội biện minh. Nay trong lúc tuổi già bệnh hạn, cái chết gần kề, quá khứ như một tấm gương đứng sừng sững trước mắt. Bao nhiêu tội lỗi hiện về - không thiếu một chi tiết - khiến tôi cảm thấy ray rứt, xấu hổ và thành tâm sám hối xin bạn bè, bà con xa gần, quần chúng thứ tha. Chỉ khi đó tâm hồn tôi mới có thể thanh thản để có thể thoát sanh về Cõi Trời An Lạc.
10. Là một con người có đời sống bình thường nhưng không phải tôi không phạm lỗi. Nhìn lại từ lúc vào đời tới nay, đã bao lần tôi nặng lời, chửi rủa, mắng nhiếc người ta, nói lời điêu ngoa dối gạt, man trá, ganh ghét, nói lời dâm thọc, nói lời hung dữ, gieo rắc hận thù, hoài nghi, đổ kị ty hiềm, nói lời lừa mị, chụp mũ? Đã bao lần tôi gian lận thuế, giả mạo giấy tờ, làm chứng gian, xử án bất minh, làm giàu bất chính, phá hoại của công, tâm địa nhỏ nhen, hành động ích kỷ, kiêu căng phách lối và miệt thị người khác? Đã bao lần tôi ý quyền ý thế đối xử bất công với cấp dưới, với công nhân, với người ăn người làm, lường gạt bạn bè, vu cáo, nói xấu kẻ thù? Đã bao lần tôi dùng bí danh, biệt hiệu viết điện thư (email), bài báo nặc danh bôi lọ, đánh phá người khác? Đã bao lần tôi đứng đưng trước nỗi khổ đau, bất hạnh của người khác? Hoặc chính tôi là người gây ra bao khổ đau cho người khác? Tôi hiểu rằng những tội lỗi đó không một ai, không một Thần Linh nào có thể rửa sạch cho tôi, không một giáo sĩ nào, dù với nghi thức cầu nguyện cúng tế bí hiểm, cũng không thể gội rửa hồn tôi. Chỉ với tấm lòng chân thành sám hối và làm việc thiện thì tội lỗi mới tiêu trừ - không phải ngay kiếp này - mà có thể còn kéo theo nhiều kiếp khác.



"**Tội Tùng Tâm Khởi**", may nhờ thiện tri thức chỉ bảo cho, tôi mới ý thức được những tội lỗi đó và hiểu rằng sám hối là gốc của thiện lương.

Sám hối là gội rửa tâm hồn mình trong trắng.

Sám hối là tu sửa tính tình.

Sám hối là gieo nhân lành cho kiếp sau.

Sám hối là sống thực với lòng mình.

Không sám hối làm lòng ta ray rứt.

Sám hối làm lòng ta thanh thản.

Sám hối khiến ta cao thượng lên.

Không sám hối khiến quá khứ đeo đẳng giống như tâm hồn bị xiềng xích.

Nếu mọi người cùng lúc cùng sám hối thì - cùng lúc họ trở thành anh em, mọi thù hận trong quá khứ tiêu tan.

Che dấu quá khứ, che dấu tội lỗi, không sám hối thì nghiệp dữ

và thù hận cứ kéo lê từ kiếp này qua kiếp khác không sao dứt được.

Chúng ta phải thẳng thắn sám hối về những gì đã làm cho kẻ thù của chúng ta, những gì ta đã làm ngày hôm qua và cả thế hệ mai sau.

Hãy sám hối về những hành vi nhỏ nhặt vi tế nhất và cả những gì xấu xa ẩn chứa bên trong cái gọi là "đạo đức, thánh thiện".

Hãy mở xẻ ngay cả những hành vi gọi là "từ thiện" xem bên trong có ẩn chứa một mưu đồ dụ dỗ nào không ?

Có phải chúng ta CHO với lòng xót thương hay CHO với mưu đồ toan tính, bành trướng?

Có phải chúng ta đang xiển dương đạo đức hay phát triển một hệ thống quyền uy?

Có phải chúng ta muốn giải phóng tư tưởng cho nhân loại hay đang trói buộc họ vào những gông cùm hữu hình và vô hình để thành lập một Đế Quốc Giam Hãm Linh Hồn ?
Hãy sám hối cho đến ngọn ngành.

Hãy sám hối để con người cũ trong ta chết đi để hình thành một con người mới tốt lành hơn.

Hãy sám hối cho đến khi nào không còn gì để sám hối nữa.

Hãy sám hối niệm- niệm nối liền không dứt.

Các bậc hiền thánh trong ba đời hiện tại, quá khứ, vị lai đều lấy sám hối làm đầu, lấy sám hối làm phương tiện tu hành, là phương thuật mở mang trí tuệ.

Sám hối là bài kinh hạnh phúc cao nhất.

Cùng lúc mọi người cùng sám hối là kiến tạo một nền Hòa Bình Vĩnh Cửu cho nhân loại mà không cần phải dựa vào bóng dáng của Thần Linh.

Đào Văn Bình

Cước chú: Muốn đọc thêm các bài viết khác của tác giả xin viếng weblog Đào Văn Bình tại địa chỉ <http://www.daovanbinh.cattien.us>

LÃNH ĐẠO TÂM LINH - Tinh thần lãnh đạo

Giới lãnh đạo

bất kỳ mô hình lãnh đạo nào

cần phải có cách hướng dẫn thiết thực.

Hãy thiết lập các nguyên tắc

và mục tiêu vững chắc,

rồi tạo ra các tiêu chuẩn xuất sắc.

Thân giáo hay làm mẫu dẫn đầu

là nền tảng sống và lãnh đạo có đạo đức,

cho những người khác noi gương

và truyền cảm hứng cùng yêu thương

cũng như một tầm nhìn chung bao quát.

*Chúng ta phải nhiệt huyết và có hành động
phong phú.*

Có nhiều con đường khác nhau

nhưng nó phải đặt trên nền tảng của trí tuệ,

lòng từ bi và can đảm

*Chúng ta hãy hình dung cho được một tương lai
tươi sáng,*

tạo ra một lý tưởng thiết thực

và độc đáo mà chúng ta có thể trở thành,

thuyết phục và có hành động yên tĩnh

cho mọi người nhìn thấy và làm theo.

Một tương lai thú vị và tuyệt vời.

Hãy thách thức quá trình mình đang sinh hoạt

tìm kiếm những cách thức sáng tạo

để cải thiện tổ chức.

Hãy thử nghiệm và chấp nhận rủi ro,

và học hỏi từ những sai lầm và thất bại.

Đó là những cơ hội học và tập

để chuyển hóa.

Để có một tương lai tốt hơn

chúng ta hãy hành động.

Thúc đẩy và hỗ trợ cho nhau

Hợp tác và xây dựng trong sự thay đổi bền vững.

Hãy tích cực và lạc quan

đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau

và quý nhau.

Những tấm lòng

thật cao quý như nhịp tim còn đập.

hay những tấm lòng

để cho gió cuốn đi"

hay những nỗ lực phi thường
như tri nhân, tri diện, bất tri tâm."
Niềm tin và phẩm giá con người
có lẽ là chìa khoá để thành công.
Hồi các bạn trẻ đồng trang lứa
những công việc khó khăn trước mặt
hy vọng và ước mơ của chúng ta
sẽ trở thành sự thật
khi chúng ta quyết tâm sống cho tốt hơn
và góp phần xây dựng trong tinh thần nhân bản.
Cho sự phát triển của đất nước và nhân loại
hãy đặt trên những trụ cột hiểu biết
thương yêu
khoan dung và tha thứ.

BẠCH XUÂN PHỄ

Sacramento, March 10th, 2012



SPIRITUAL LEADERSHIP - Leading by Example

*Leadership,
any leadership model must have guidelines.
Set solid principles and objectives,
then create the standard of excellence.
Leading by Example
is the foundation of life and leadership,
for others to follow
and inspire,*

*to have a shared common vision,
with abundant enthusiasm and action.
There are many different paths
to our ultimate goals,
but these paths must be built on
the foundation of compassion, wisdom and
courage.
We must envision the future,
create a practical ideal,
consider the potential uniqueness of the organ-
ization,
persuade and take quiet action
for all to see and follow.
An exciting and wonderful future.
We must take the challenge,
and look for innovative ways
to improve our organization.
Experiment, take risks,
and learn from the mistakes and failures.
They present opportunities for growth
and transformation.
For a better future
we must take action,
promote and support each other.
Cooperation and collaboration for sustainable
change.
Positivity,
mutual respect and unity
are all so precious,
like the rhythm of the heart.
Extraordinary effort,
inner values and human dignity
are the key,
my dear Buddhist friends.
Hard work is ahead,
our hopes and dreams
will come true
when we live for the greater good,
and when we contribute to the development of
humanity
with great understanding and love,
tolerance and forgiveness.*

PHE BACH

Sacramento, March 10th, 2012

PHƯƠNG CÁCH ĐÀN SANH CỦA CHƯ PHẬT

Thích Nữ Giới Hương

Theo Trường Bộ, Kinh Đại Bản Nhân Duyên (số 1), Đức Phật Thích Ca đã giảng về một số phương pháp thông thường khi một thánh nhân đàn sanh khác với một phàm phu bình thường tức loài người chúng ta. Chẳng những Đức Phật Thích Ca trong thời hiện tại (*thế kỷ thứ 5 trước công nguyên*) mà chư Phật trong quá khứ như Đức Phật Tỳ-bà-thi, Thi-khí, Tỳ-xá-bà, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp, v.v... (*cách đây vô số kiếp*) cũng có một số hiện tượng siêu xuất giống nhau khi các ngài vừa giảng sanh ra khỏi bào thai của các thân mẫu. Các phương cách đàn sanh của chư Phật đều giống nhau như sự xuất hiện của các ngài giữa thế gian này đã cảm ứng đến thế giới chư thiên và các loài khác; các ngài đều giảng sanh dưới gốc cây giữa thiên nhiên bao la; các ngài đều từ hông mẹ bước ra và tuyên bố các ngài là bậc thánh nhân chứ không phải loài người bình thường; các ngài đều có hào tướng với 32 tướng tốt và 80 tướng phụ và thông điệp của các ngài ở đời là cứu khổ cho chúng sanh. Đức Phật Thích Ca diễn tả cụ thể phương pháp đàn sanh của chư Phật trong quá khứ và hiện tại qua hình ảnh đầy màu sắc của Bồ Tát Tỳ-bà-thi và thân mẫu của ngài.

Một là khi chư Phật đàn sanh đã cảm ứng đến thế giới chư thiên và nhiều loài khác. Đa phần loài người chúng ta ra đời thì được gia đình, bà con quyến thuộc, bạn bè thân hữu của gia đình vui mừng hân hoan chào đón chúng ta, còn chư Phật chẳng những được như thế mà các ngài còn cảm đến cả thế giới chư thiên và nhiều loài biết đến, nên có nhiều hiện tượng khác lạ như thiên hoa rơi xuống, mưa mạn đà la, lộng tràng phan đón rước, thiên nhạc tấu khúc, trái đất rung chuyển và hào quang sáng chói rực rỡ khắp thế gian để chào đón một bậc thánh nhân vừa giảng sanh. Đức Phật Thích Ca kể như sau:

"Đức Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cõi trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, do hông phải mà vào, chánh niệm không tán loạn. Ngay lúc ấy cõi đất rung chuyển; ánh sáng rực rỡ soi khắp thế gian; những chỗ mặt trời mặt trăng không soi tới cũng đều mong nhờ chiếu sáng. Chúng sinh chốn u minh nhờ đó được trông thấy lẫn nhau và tự biết mình hiện đang sinh ở chỗ nào. Ánh quang minh đó lại soi đến cung điện Ma vương. Những chỗ tối tăm thày đều được chiếu sáng..."

Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc ở thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, thường có bốn vị thiên thần tay cầm qua mâu, hộ vệ cho mẹ ngài, dẫu loài người hay loài phi nhân đều không thể xâm phạm... Thân mẹ được an ổn, không có các não loạn, trí tuệ ngày càng thêm. Mẹ tự xem thai mình thấy rõ thân Bồ-tát đủ

các căn tốt đẹp như chất vàng tía không chút tỳ tích, khác nào kẻ có mắt sáng, xem vào đồ lưu ly trong sạch, thấy suốt cả trong ngoài không chút ngăn ngại.

Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến tâm mẹ lúc nào cũng thanh tịnh, không có các dục tưởng, không bị lửa dục thiêu đốt. Mẹ Ngài giữ trọn năm giới, phạm hạnh thanh tịnh, thuần tín và nhân từ, thành tựu mọi điều lành, an lạc không sợ hãi và khi thân hoại mệnh chung, được sanh cõi trời Đao-lợi.

Lúc Bồ-tát Tỳ-bà-thi sinh ra, chư thiên ở phía trên, giữa hư không, tay cầm lọng trắng, quạt báu, để ngăn che lạnh, nóng, gió, mưa, bụi bặm...; có hai suối nước, một ấm, một mát, tự nhiên ở dưới đất tuôn ra, để cúng dường tắm rửa cho Bồ-tát... Bồ-tát khi sanh ra mắt ngài có thể nhìn thấy suốt một do-tuần và âm thanh của Ngài trong suốt êm dịu hòa nhã như tiếng chim ca-la-tần-già. Ấy là pháp thường của chư Phật."

Hai là chư Phật đều giảng sanh dưới gốc cây trong khung cảnh thiên nhiên bao la và thân mẫu của các ngài đều không ngồi hay nằm mà đứng nương vịn vào thân nhánh hoa để các thánh nhi từ bên hông phải bước ra dễ dàng. Chúng ta là loài người và được sinh ra từ tử cung của mẹ nên tư thế của các bà mẹ trong Bào Sanh viện là phải nằm để thai nhi dễ chun đầu ra và các bà mẹ phải nằm để thai nhi không bị rơi xuống đất. Còn các thân mẫu của thánh nhân hình như biết được mình đang may mắn bảo dưỡng một thánh thai của thế gian và cách đi ra của thánh thai sẽ khác với thai nhi nên các bà tự biết phải đứng lên, vịn vào nhánh cây để các thánh nhân tự tại nhẹ nhàng từ hông phải bước ra như Đức Phật Thích Ca kể rằng:

"Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Khi ấy mẹ Bồ-tát tay vịn cành cây, không ngồi không nằm, có bốn thiên thần bưng nước hương đứng trước mẹ mà thưa rằng: "Tâu Thiên mẫu, nay Ngài sanh thánh tử, chớ có ưu lo.

Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh không bị ô nhiễm bởi các thứ ô uế. Ví như kẻ có mắt sáng, liêng hạt minh châu sáng sạch lên lụa trắng, thấy rõ cả hai đều không làm bẩn nhau, vì cả hai đều sạch. Bồ-tát ra khỏi thai cũng như vậy. Đó là pháp thường của chư Phật."

Ba là khi chư Phật vừa đàn sanh thì câu tuyên ngôn đầu tiên là các ngài giới thiệu các ngài chính là bậc thánh nhân xuất hiện ở đời với mục đích chỉ ra

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

con đường hạnh phúc cho nhân loại như Đức Phật Thích Ca kể như sau:

"Bồ-tát Tỳ-bà-thi khi sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Ngài từ hông phải ra, vừa đến đất, không cần người đỡ, liền đi bảy bước, ngó khắp bốn phương, rồi đưa tay lên trời nói rằng: 'Trên trời dưới đất, duy Ta là tôn quý', Ta sẽ cứu độ chúng sanh khỏi sinh, già, bệnh, chết. Ấy là thường pháp của chư Phật."

Bốn là khi chư Phật vừa đản sanh, đều có các tướng sư và đạo sĩ đến xem tướng và khi thấy các thánh nhân đều có đủ 32 tướng tốt và 80 tướng phụ, đều tiên đoán rằng nếu các ngài xuất gia thì sẽ thành bậc giác ngộ, thầy của trời người. Còn nếu là tại gia thì sẽ làm bậc Chuyển Luân Thánh Vương như một vị tướng sư trình tâu lên vua Bàn-Đầu là:

"Người có tướng này (32 tướng đẹp và 80 tướng phụ) sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bốn thứ quân binh, dùng chánh pháp trị dân, không thiên lệch; thi ân khắp thiên hạ, tự nhiên có bảy thứ báu qui tụ, có ngàn người con dũng kiện hay đẹp trừ ngoại địch, không cần dùng đao binh mà thiên hạ thái bình. Còn nếu xuất gia học đạo thì sẽ thành bậc Chánh giác, đầy đủ mười hiệu là Như-Lai, Ứng-Cúng, Chánh Biến-Tri, Minh Hạnh-Túc, Thiên-Thệ, Thế-Gian Giải, Vô-Thượng Sĩ, Điều-Ngự Trượng-Phu, Thiên-Nhơn Sư, Phật Thế-Tôn".

Như vậy, chúng ta thấy có rất nhiều điềm cát tường hiện ra khi một bậc thánh nhân đản sanh. Nếu các ngài chọn làm tại gia thì sẽ trở thành bậc Chuyển Luân Thánh Vương, trị vì khắp bốn châu thiên hạ với sự giàu có thịnh vượng, của cải vật chất phong phú, binh hùng tướng mạnh và danh tiếng lẫy lừng mà thế gian mong muốn; nhưng các ngài đã từ bỏ các hạnh phúc ngũ dục đó để tìm một hạnh phúc

cao thượng và giải thoát khổ miên viễn cho tất cả chúng sanh, tức là tìm con đường xuất gia học đạo, làm một mẫu mực đạo đức cho thế gian, một bậc thầy của trời người, một bậc tối tôn tối thượng giữa thế gian này. Cho nên sự xuất hiện của các ngài là một điềm sáng cho nhân loại noi theo, để thoát khỏi cảnh khổ trong sáu đạo. Vì thế, thật vô vàn may mắn và phước báo cho chúng ta gặp được Tam Bảo (Phật Pháp Tăng), được dự lễ Phật đản để chào đón một thánh nhân, một vị cứu tinh của nhân loại đã ra đời.

*Khi đấng Lưỡng túc sanh
Đi thông thả bảy bước
Ngó bốn phương rồi nói
Sẽ dứt khổ sinh tử.*

*Ngay lúc mới sanh ra
Đã không ai sánh bằng
Tự xét gốc sinh tử
Thân này thân tối hậu.*

Có thể chúng ta khó tin những điềm cát tường tốt lành này, nhưng đó là sự thật. Vì các ngài là thánh nhân, chứ không phải người thường như trí thường của loài người chúng ta có thể hiểu được. Đức Phật khuyên chúng ta nhân Ngày Lễ Mừng Phật Đản, chào đón một thánh nhân giáng sanh thì chúng ta nên trau dồi giới-định-tuệ để tự mình thoát khổ cho mình và người và một khi chúng ta giải thoát và khai sáng trí tuệ thì tự nhiên những hiện tượng siêu suất phi thường của các thánh nhân như pháp thông thường đản sanh của các ngài đây tự chúng ta cũng sẽ liễu ngộ ra.

Kính chúc quý Phật tử một mùa Khánh đản đầy trong sáng và an lạc.

Nam Mô Đầu Suất Giáng Trần, Lâm Tì Ni Thị Hiện, Ta Bà Giáo Chủ, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Dư âm

*Trên đầu ngọn cỏ sương treo
Trên tay còn nhớ bọt bèo tháng năm
Trên lòng còn đọng dư âm
Trên đôi mắt vẫn xa xăm đợi chờ
Trên người còn chút huyễn mơ
Trên ta cát bụi đã mờ nhạt bay.*



Đêm nay

*Rừng đêm nay tắm trăng trong
Người đêm nay đắm bên dòng nhạc thưa
Đời đêm nay đã dậy chưa?
Ta đêm nay hát cho vira tiếng đau
Tóc đêm nay chảy về đâu?
Hồn đêm nay nhớ ban đầu ngược xuôi.*

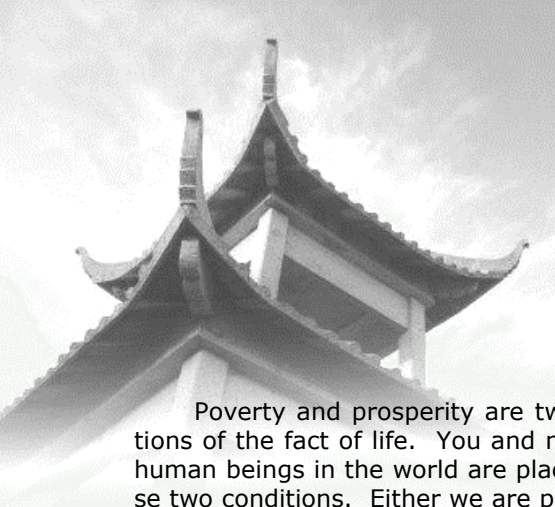
thơ

VĨNH HẢO

(trích lại từ một tập thơ cũ của 30 năm trước)

BUDDHIST IDEALS OF POVERTY AND PROSPERITY

Thích Hạnh Tuân



Poverty and prosperity are two different conditions of the fact of life. You and me and the rest of human beings in the world are placed on one of these two conditions. Either we are poor or rich in terms of material goods or spiritual matters. If we are poor, we fall in poverty, and if we are rich, we fall in prosperity. Definitely, these two terms, 'poverty and prosperity' have different connotations. Before getting to the Buddhist ideals of poverty and prosperity, we need to know exactly the meanings of these two terms, poverty and prosperity.

This is the definition of the word 'poverty' and 'prosperity'. "**Poverty:** (n) The condition of being poor with respect to money, goods, or means of subsistence; indigence; deficiency or lack of something specified; as, poverty of ideas; deficiency of desirable ingredients or qualities; as, poverty of soil." (1) "**Prosperity:** (n) The state of being prosperous, success in any enterprise; good fortune. (Prosperous: [favorable, fortunate] Characterized by good fortune; successful; flourishing or thriving; well-to-do)" (2)

This is another definition of these two terms from another source. "**Poverty:** (n) 1. The state of being poor; lack of the means of providing material needs or comforts. 2. Deficiency in amount; scantiness: the poverty of his vocabulary. 3. Unproductiveness; infertility: the poverty of soil. 4. The renunciation made by a member of a religious order of the right to own property." (3) "**Prosperity:** (n) The condition of being prosperous. (Prosperous: 1. Having success; flourishing. 2. Well-to-do; well-off. 3. Favorable.)" (4)

There are some slightly different meanings of these two terms between these two mentioned sources. In sum, these two terms have two different aspects in their meanings, the material goods and spiritual matters. It is very clear that when we talk about the ideals of 'poverty' and 'prosperity' in Buddhism, we definitely include these two different aspects.

In Mahayana Buddhism, material goods and spiritual matters must be treated equally by the practitioners. Historically, the Buddha condemns the luxury which relies on material goods. He abandoned the painful extreme of ascetic life which tends to retard moral progress. So he decided to nourish the body sparingly and took some coarse food both hard and soft. (5)

In order to get the real picture of the ideals of poverty and prosperity in Buddhism, we should consider the life of the practitioners, the life of the lay

people and the life of renunciation community, *the sangha*, who abandon their families. To the laity, being poor which lacking of material goods or comforts are suffering. Obviously, the poor suffer because they do not have enough food and money for their needs. This is just only a part of the meaning of suffering in Buddhism, I think. However, we cannot separate material goods to spiritual matters to say that we can have happiness. We are suffering not only because we do not have enough foods and money but also we cannot avoid being suffered because of sickness, old age, death, separating from love, associated with things and people that we hate, we do not obtain what we expect to have, and so on...

Anyway, being poor is one aspect of suffering. How can we get rid of this problem? Being poor is lacking of material goods. But suffering is a state of feeling, the spiritual matters. It seems like we cannot separate these two facts of life to be happy. There is another argument appear. We cannot say that we are happy because we have a lot of money. If this is the case, the prince Siddhartha would never leave his palace looking for the path of liberation because he can have happiness which surrounding him with abundance of material goods and comforts.

Moreover, we cannot say that my life is very poor because I do not believe in God so God punishes me. But being poverty or prosperity is because of our bad or good *karma*. In Buddhist tradition, we believe that this life time we are poor because we did not practice *dāna* in our previous lives. Before we consider about the practice of *dāna*, we need to discuss the doctrine of *karma*.

Kamma or *karma* in Sanskrit, it is understood as the natural law which guarantees that each receives the fate merits by his/her acts and because wealth, being good, is a fit reward for meritorious action, prosperity is proof of virtue. And, of course properly motivated meritorious will eventually be rewarded with prosperity.(6) The devotee also believes that the law of *karma* guarantees that selfless acts will be rewarded and all will be as it should be. In addition, in the *Theravāda* view, the law of *karma* is a law that structures reality so that dhammic and antidhammic actions always have a predictable effect in determining one's future position in the socio-cosmic hierarchy that constitutes ordinary samsāric reality. (7)

Here, the notion of *dhamma* plays very important role in Buddhist belief. According to the law of *kamma*, wealth and poverty, in given instance,

are the respective consequences of complying or not complying with the prescriptions of the *dhamma*. Accordingly, wealth and poverty are, speaking generally, assumed to be distributed justly on the basis of dhammic performance in a previous life.

Besides believing that *karma* is the natural law, we could explain the reward or punishment of us based on the notion of *pratīyasamutpada*. This is the Buddhist doctrine of co-arising and interdependence which affirms that the quality of a society is the result of the virtue of all its members, and as each individual influences others for good or for evil, he or she will reap the reward of living in the society that results from all these influences. (8) It seems not easy to understand this doctrine and it is very hard to explain how the law of karma is going to effect on our lives. Because in this life we are giving gifts to a poor people, then in our next life we will get good reward. We may become rich. It is not too hard to explain one thing which we can do and see in our daily life. For example, when we plan a rose tree, if we take good care of watering and giving the tree all good conditions which the tree needs, then it will blossom many beautiful roses for us. If we can relate this action of planning a rose tree to the doctrine of *pratīyasamutpada*, then our actions can be understood as the cause, and the blossom of roses can be understood as an effect. This account can be seen clear, but the law of karma which controls our life is still beyond our views with our naked eyes.

According to the *Theravādins*, the law of *kamma* operates in such a way that dhammic actions always lead to a higher status in the hierarchy of cosmic and social existence and, therefore, to the possession and enjoyment of greater amounts material wealth. Conversely, kammic retribution ensures that actions violating dhammic norms will lead with equal certainty to a lower status in the hierarchy that orders the cosmos and society and, therefore, to increased increments of suffering, poverty and hunger. (9)

In order to get rid of poverty, to be wealth, we need to practice *dāna*. The concept of *dāna* affirms that the amount of wealth possessed and its distribution is morally irrelevant compared to the orientation one has toward wealth and the way one uses it. As we all know that the benefits of faithfulness to the *dhamma* are thought to accrue to the community as well as to the individual; this is especially the case with religious giving. 'Giving to the *sangha* is the most effective kind of giving socially because it materially aids in the spreading of the *dhamma*. The Buddhists' faith in the power of the *dhamma* assumes that the spread of the *dhamma* will raise the general virtue of the community and bring a corresponding increase in the community's material prosperity. As Reynolds writes, "giving directed tot the Buddha and the *sangha* is deemed to be the most crucial for the maintenance of the *dhammic* order in society and the natural world and, therefore, to maintenance or enhancement of the society's wealth." (10)

For the Buddha and the *sangha*, I think, they do

not need too many material goods. Their needs are very basic and very simple. Traditionally, there are four basic things that a monks needs: 3 robes, a begging bowl, lodging, medicines. 'The monk is content with a robe sufficient to protect the body, with alms food enough for his belly's need. Wherever he may go he just takes these with him. Just as, for instance, a bird upon the wing, wherever he may fly, just files with the load of its wings. (E.g., A.II.209).

Then, why the laity should offer to the Buddha and the *sangha* too much money, lands and gold, etc.,? If the laity are rich, they should give to the poor who are in need. What is the different result of offering to the Buddha and the *sangha* but not offering to the normal people? Definitely, the result is very different. When the Buddha and the *sangha* receive our offerings, they use them as tools to spread the *dhamma*. This *dhamma* basically is understood as the Noble Path which the Buddha found and the *sangha* has responsibility to spread for the welfare of happiness of all sentient beings. When the normal people receive our offerings, they do not use them as the tools like Buddha and the *sangha* but using for their own benefits. They will suffer again if they do not practice the *dhamma*. One side is selfish and the other side is generous. Thus, offering to the Buddha and the *sangha* is super to ordinary people.

For laity, there is no instance in which poverty is encouraged. On the contrary, many Pāli passages exhort lay people to seek and amass wealth in a rightful way. Among the advantages or good results of good karma, one is to be wealthy. (11) The term poverty may sometimes be misleading. The familiar Buddhist concepts are rather contentment (*santuṭṭhi*) or limited desires (*appicchatā*). Poverty (*daliddiya*) is in no place praised or encouraged in Buddhism. The Buddha says, "Poverty is a suffering in the world for a layman." He also says, "Woeful in the world is poverty and debt" (A.III.350, 352). Though monks should be contented and have few wished, poverty is never encouraged even for the monks. (12)

The possession of wealth by a king or even an average layman is often praised and encouraged in the Pali canon. In other words, wealth is something to be amassed or sought after. Among the Buddha's lay disciples, the better known, the most helpful, and the often praised were mostly wealthy persons such



as Anāthapiṇḍika. For monks, though they are not expected to seek wealth, to be a frequent recipient of offering can be regarded as a good qualification. Two monks may be equal in other qualifications and virtues, but the one who receives more offering is praised. Even the Buddha praised a monk who was foremost in receiving offerings: "Chief among my disciples who are obtainer of offerings is Sivali" (A.I.24).

However, these remarks must be qualified and further clarified. The main theme in these texts is that it is wealth that is praised or blamed, but the way one acquires and uses it. For the monks, as mentioned above, it is not acquisition as such that is blamed, not poverty that is praised. The things that are blamed are greed for gain, stinginess, clinging, attachment to gain and hoarding of wealth. Acquisition is acceptable if it is helpful in the practice of the Noble Path or if it benefits one's fellow members of the order. The right practice is to own nothing except the basic requisites of life. Here, the question is not one of being rich or poor, prosperity or poverty, but of having few personal cares, easy mobility, the spirit of contentment, and few wishes, and as the monk's life is dependent for material sustenance on other people, of making oneself easy to support. With high mobility and almost no personal cares, monks can devote most of their time and energy to their work, whether for their individual perfection or for the social good. (13)

Though on the mundane level, poverty is something to be avoided, a poor person is not deprived of all means to act for the good of himself or herself and for the good of society. The ten ways of doing good or making merit begin with giving, but they also include moral conduct, the development of mental qualities and wisdom, the rendering of services, and the teaching of the *dhamma*. 'Because of poverty, people may be too preoccupied with the mere struggle for survival and thus cannot do anything for their own perfection. They may even cause trouble to society and difficulty for other people in their effort toward their own perfection. But when basic living needs are satisfied, if one is mentally qualified and makes the effort, nothing can hinder one from realizing one's individual perfection'. (14)

In Buddhist traditions, practicing *dāna* is only one way of gaining merits. This practice was cultivated in the past and still going on in many countries of Buddhism in South East Asia. If we are too poor, how can we practice the *dāna*? Not need to say, we know that the gift of *dharma* is superior to the gift of material goods. However, we believe that this life we are poor because we did not practice the *dāna* in our previous lives. We did not offer foods, clothes, shelters and medicines to *sangha* or to the people who are in need in our previous lives. I tend to accept this notion to explain that why I am so poor this life. I do not know exactly who I was or who I were in my previous lives, but I always remember and believe

what my master taught me that I can look to the conditions of my life this life time, then I can figure out who I was in my last life and who I am and what conditions of my life will be in the next life.

If I would like to be rich person in my next life, I should practice *dāna* now. The good result will come because of the nature of karma. But, now I am very poor, I have less material goods to offer to the *sangha* and other people who are in need. Will I get less happiness in my next life time because this life time I offer less? If this is the notion of the law of karma, then it is unfair to me. I can never be a wealthy man. In the historical practice of this notion, we still can see many examples to this. The act of generosity of Anāthapiṇḍika and the king Aśoka are praised very high in Buddhism. Is this true or just an ideal of the *sangha* community who have authority to control the belief of the devotees? Then it is unfair for them. We all want to be free of working because working for money is not pleasant at all. But why we are suffering, tried to work gaining money for material goods then offering to the *sangha* for their freedom from work to meditate, to enjoy happiness in the state of *dhyana*.

There is a clear exemplar of this account in *ja-taka* which became the moral lesson to all Buddhist practitioners, the story of giving gift of Vessantara of *jataka*. There is something not perfectly correct in this story. For the welfare of the achievement of Vessantara, he gave what he had even his wife and his son. Is that so painful for his son and his wife to be killed for his happiness? If this is the case then it is unfair to his wife and his son. I cannot accept this explanation. This must be understood in another way. In Buddhism, giving up the material things we have is practicing the notion of non-attachment. We can have every thing and we can give away every thing but we do not attach on what we have and what we gave. If we can have this attitude towards material goods, I believe that we are free from suffering of relying on material things.

There is another famous figure, the great king Asoka, who left us a wonderful legacy which we can learn and practice from his generosity act. King Aśoka is best known to us today through the edicts and rock inscriptions with which he dotted the Indian countryside. Aśoka became a model for all Buddhist kings everywhere. Toward the end of the Aśokāvādāna King Aśoka, having already build eighty-four thousand stupas to house the Buddha's relics and having great Quinquennial Festival. The record in *Mukhopadhyaya* shows how wholeheartedly the king is,

'In the Aśokāvādāna Aśoka, anticipating the entertainment of a large number of monks, prepares vast quantities of food, drink, perfumes, garlands, money, and cloth for them as offerings. He then climbs to the roof of his palace and ritually invites members of the *sangha* to come from all four directions to attend this festival. Almost

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

instantaneously (i.e., certainly miraculously), three hundred thousand monks gather and seat themselves in front of him. When the assembly is complete, Aśoka proceeds to serve all the monks, from the most senior elder to the most junior novice, with his own hands, as though he were an ordinary layman, and he personally makes a donation of robes to the entire community. He then declares his desire to offer one hundred thousand pieces of gold to the *sangha*'. (15)

The offerings of this great King Aśoka is super which can never compare to any Buddhist king in the history of Buddhism in world. However, there are some notions which needs to be reconsider. Is that fair for the king using money and gold which he collects from people as taxes to offering to the *sangha*? If it is fair then the good karma will come not to the king but it will come to all people who pay taxes. Thus the king must practice *dāna* on behalf of non-attachment and a quest for enlightenment of all people of his country. It seems safe to conclude that Asoka, in *pañcavārṣika* offerings of his self and his son to the *sangha*, is at least symbolically giving up the lay life and joining the Buddhist order to spread the *dhamma* for the benefits of all sentient beings.

Finally, the concepts of poverty and prosperity in Buddhism is interpreted as the result of our karma. The conditions of poverty and prosperity can never come to us from the punishment or reward of God because we do not believe in God. Poverty and prosperity cannot also come to us accidentally. What we can have or cannot have could be understood as the doctrine of *pratīyasamutpada*, cause and effect or interdependence, and the doctrine of karma. Obviously, we are poor this life time because of we did not practice *dāna* in our previous life. If we keep practicing *dāna* this life time by offering to the *sangha*, we will be rich again in our next life time. This is the natural law of karma. The main motivation for us to be free from suffering when we have a lot of money and materials goods, we need not forget to practice the doctrine of non-attachment.

References

- The American Heritage Dictionary, Second College Edition, Houghton Mifflin Company, Boston, 1985.
- E.g., A.II.204; cf. *the Cūḷakammavibhaṅga Sutta in M.III*
- John S. Strong, *Rich Man, Poor Man, Bhikkhu, King: Quinquennial Festival and the Nature of Dāna*, University of South Carolina Press, 1990
- Frank E. Reynolds, *Ethics and Wealth in Theravāda Buddhism, A Study in Comparative Religious Ethics*, University of South Carolina Press, 1990.
- Nārada Mahā Thera, *The Buddha and His Teach-*

ings, B.M.S. Publication, 1973.

- Noah Webster, *New Webster's Dictionary of the English Language*, The Delair Publishing Company, Inc, 1971.
- Phra Rājavaramuni, *Foundation of Buddhist Social Ethics*, Mahachulalongkorn Alumni Assoc., 1984
- Russell F. Sizemore and Donald K. Swearer, ed., *Ethics, Wealth, and Salvation (A Study in Buddhist Social Ethics)*, University of South Carolina Press, 1990.

-
- 1) Noah Webster, *New Webster's Dictionary of the English Language*, The Delair Publishing Company, Inc, 1971, p.746c
 - 2) Ibid; p. 767b
 - 3) *The American Heritage Dictionary*; Second College Edition, Houghton Mifflin Company, Boston, 1985, p.971b
 - 4) Ibid; p.995a
 - 5) Nārada Mahā Thera, *The Buddha and His Teachings*, B.M.S. Publication, 1973, p.30
 - 6) Russell F. Sizemore and Donald K. Swearer, ed., *Ethics, Wealth, and Salvation (A Study in Buddhist Social Ethics)*, University of South Carolina Press, 1990, p.4
 - 7) Ibid; p.66
 - 8) Ibid; p.11
 - 9) Frank E. Reynolds, *Ethics and Wealth in Theravāda Buddhism, A Study in Comparative Religious Ethics*, pp.66-67
 - 10) Russell and Donald, Ibid; p.14
 - 11) E.g., A.II.201; cf. *the Cūḷakammavibhaṅga Sutta* in M.III
 - 12) Phra Rājavaramuni, *Foundation of Buddhist Social Ethics*, p.40
 - 13) Ibid; p.41
 - 14) Ibid; p.45
 - 15) John S. Strong, *Rich Man, Poor Man, Bhikkhu, King: Quinquennial Festival and the Nature of Dāna*, p.110 .



PHI CHÂU—MỘT MẢNH ĐẤT MỚI CHO VIỆC HOẰNG PHÁP

Hoang Phong

(Tài liệu Viện Đại Học Phật Giáo Âu Châu)

<http://www.bouddhisme-universite.org/node/994>

Vài lời giới thiệu của người dịch:

Lá thư hàng tháng của Viện Đại Học Phật Giáo Âu Châu (tháng 4/2012) có đưa ra trong phần tin tức một bài tổng kết về sự hiện diện của Phật Giáo tại Phi Châu.

Từ nhiều thế kỷ nay lục địa mệnh mông và phong phú này là một nguồn cung ứng tài nguyên thiên nhiên và cả sức người cho các quốc gia thuộc Bắc bán cầu, và ngược lại thì Phi Châu cũng là một mảnh đất tiêu thụ khí giới và cũng đã đón nhận các tín ngưỡng được hình thành từ Bắc bán cầu.

Thế nhưng cái hố sâu chia cách Bắc - Nam ngày càng trở nên trầm trọng hơn và đã trở thành một vấn đề nan giải cho nhân loại và một vết thương cho lương tâm con người. Ngoại trừ một vài quốc gia thuộc Bắc Phi ra thì hầu hết các nước khác trên phần còn lại của lục địa này gần như lúc nào cũng lâm vào các cuộc xung đột vũ trang giữa các chủng tộc cũng như tôn giáo, và tài nguyên thiên nhiên thì bị khai thác và môi trường bị tàn phá trầm trọng...

Trong bối cảnh đó và dù là một trong các tôn giáo lớn và lâu đời nhất của nhân loại, thế nhưng Phật Giáo chỉ mới chập chững đặt chân lên mảnh đất này như một tín ngưỡng "sinh sau đẻ muộn". Hy vọng rằng với lòng tử bi và bao dung và bằng những bước chân thật nhẹ nhàng, biết đâu Phật Giáo cũng có thể đã và sẽ mang lại một chút an vui nào đó cho các vùng đất đầy thống khổ trên lục địa này.

Dưới đây là phần chuyển ngữ tài liệu tổng kết nói trên của Viện Đại Học Phật Giáo Âu Châu.



Một mảnh đất mới cho việc Hoằng Pháp Sự hiện diện của Phật Giáo tại Phi Châu

Vấn đề truyền bá Phật Giáo trên thế giới vẫn thường được nhắc đến, thế nhưng dường như không mấy khi nghe ai nói đến lục địa Phi Châu... Trên thực tế thì đã từ vài năm nay Phật Giáo cũng đã du nhập vào phần lục địa này, và nhiều dấu hiệu cho thấy là sự hiện diện đó mang tính cách lâu dài! Tại nhiều quốc gia thuộc miền tây cũng như miền đông Phi Châu - chẳng hạn như Kenya, Cameroun, Mali, Congo... - con số Phật Tử đã lên đến hàng trăm hay hàng ngàn người cho mỗi quốc gia!

Thật cũng không phải là một chuyện đáng ngạc nhiên khi nhận thấy quốc gia được "tây phương hóa" đậm nét nhất tại lục địa này là Nam-Phi đã bước theo cùng một con đường Phật Giáo giống như ở Âu Châu và Bắc Mỹ. Riêng tại quốc gia này, 32 trung tâm Phật Giáo đã được thiết lập trong tổng số 54 trung tâm được liệt kê cho toàn thể lục địa Phi Châu... Các trung tâm Phật Giáo tại Nam Phi thật đa dạng và gồm hầu hết các học phái có mặt tại Âu Châu, và trong số này có thể kể ra 9 trung tâm Phật Giáo Tây Tạng (3 thuộc một chi phái thường gây ra nhiều tranh luận là New Kadampa), 6 trung tâm thiền Zen (thuộc một học phái "tân tiến" của Hàn Quốc là Kwan-Um), 6 trung tâm Phật Giáo Nguyên Thủy Theravada (được đưa vào từ Miến Điện, các trung tâm này hoặc giữ nguyên theo truyền thống tu tập của Phật Giáo Theravada, hoặc chịu ảnh hưởng của các nhà sư thuộc dòng truyền thừa do vị đại sư Goenka thành lập), 1 trung tâm thuộc Dòng Tiếp-Hiện của một vị thầy người Việt Nam là Thích Nhất Hạnh, 2 trung tâm thuộc "Phật Giáo Mới Nhật Bản" là Soka-Gakai và 1 trung tâm của hội "Thân hữu Phật Giáo Tây Phương" (Friends of the Western Buddhist Order) của Anh Quốc... Đặc biệt nhất là trong số này có một chi phái ít nghe nói đến và hầu như chưa hề có mặt tại Âu châu đã gặt hái được nhiều thành quả vượt bậc, đó là chi phái Phật Quang Sơn (Fo Guan Shan), một chi phái mới của Phật Giáo Trung Quốc và trụ sở "trung ương" thì được đặt tại Đài Loan. Chi phái này được thành lập vào thập niên 1930 cùng lúc với cao trào các "Tôn Giáo Mới Nhật Bản". Chi phái này tự nhận mình thuộc vào thiền phái Lâm Tế (Chan Lin-Chi / Zen Rizai) thế nhưng chủ đích thì lại nhằm vào việc xây dựng một cõi "Tịnh Độ" trong thế gian này.

Một sự kiện khá lạ lùng khác là cũng tương tự như tại Bắc bán cầu (tức là Âu Châu và Bắc Mỹ

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Châu) các hình thức Phật Giáo được đưa vào Phi Châu đều mang tính cách "tân tiến" và tự nguyện (*không khuyến dụ*)... Ngoài chi phái Soka Gakai (*gần với Tịnh Độ*) - phát triển ở Ghana, Mali và Côte d'Ivoire - người ta còn nhận thấy một chi phái khác thuộc các "Tôn Giáo Mới Nhật Bản" cũng vừa mới đặt chân đến Kenya. Ngày 4 tháng ba vừa qua, con gái của vị sáng lập ra chi phái Shinnyo-En (*gần với Chân Ngôn Tông*) đã đứng ra chủ trì một buổi lễ theo đúng nghi thức tan-tra Nhật Bản gọi là nghi lễ "nước và lửa". Buổi lễ được tổ chức dành cho một số bộ tộc trong vùng. Chủ đích của buổi lễ "cầu an" (propitiatoire / propitiatory) này là để hàn gắn và xóa bỏ hận thù giữa các sắc tộc trong vùng, sau nhiều cuộc xung đột chủng tộc đã xảy ra từ nhiều năm nay.

Hội Đoàn Phật Giáo Quốc Tế Linh Sơn của Việt Nam mang nhiều nét truyền thống hơn cũng đã đặt chân vào Zaire, Congo và Côte d'Ivoire. Một sự kiện bất ngờ khác là Hội Thiền Học Quốc Tế (Association Zen Internationale) do một vị thầy người Nhật là Deshimaru thành lập tại Pháp cũng đã có mặt tại nhiều quốc gia nói tiếng Pháp như: Maroc, Cameroun, Côte d'Ivoire và Burkina-Faso, và kể cả một quốc gia nói tiếng Anh là Kenya...

Thế nhưng đáng ngạc nhiên hơn hết là Phật Giáo Nguyên Thủy Theravada đã thiết lập được tất cả

12 trung tâm tại Phi Châu và là học phái đoạt giải quán quân trên toàn lục địa này! Thật thế các "phái bộ" Theravada của Tích Lan và Miến Điện rất tích cực và đã từng gặt hái được nhiều thành quả tại những nơi như Ấn Độ, Népal và Indônêxia... Riêng tại Phi Châu thì ngoài 6 trung tâm đã được thành lập ở Nam Phi, Phật Giáo Theravada còn có mặt tại Botswana, Ghana, Tanzanie, Ouganda, Kenya, và riêng tại Kenya thì có đến hai trung tâm.

Bài viết trên đây còn đưa ra một vài tài liệu khác giúp người đọc tìm hiểu thêm:

1- Phóng sự ngắn bằng tiếng Anh về Phật Giáo Nguyên Thủy Theravada tại Ouganda với chủ đề "*Sự chia sẻ Đạo Pháp*": <http://samtenquelek.blogspot.fr/le-bouddhisme-en-afrique.html>

2- Danh sách sơ lược một vài trung tâm Phật Giáo tại Phi Châu: có thể xem trên Buddhanet-info hoặc DharmaWeb.org

3- Phóng sự của cơ quan thông tấn AFP về một buổi lễ Phật Giáo tại Kenya Phi Châu: <http://www.dailymotion.com/des-tribus-kenyanes-celebrent-une-ceremonie-bouddhiste>

Bures-Sur-Yvette, 11.04.12
Hoang Phong chuyển ngữ



Ngư nhàn

của **Thiền sư Không Lộ**

Vạn lý thanh giang vạn lý thiên
Nhất thôn tang giá nhất thôn yên
Ngư ông thùy trước vô nhân hoán
Quá ngộ tinh lai tuyết mãn thuyền.

*Muôn dặm sông, muôn dặm trời thâu
Một thôn khói phủ một thôn dâu
Lão chài quá giác không ai gọi
Xế dậy, đầy khoan tuyết một mầu.*

Thị đệ tử

của **Thiền sư Vạn Hạnh**

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thanh suy vô bổ úy
Thanh suy như lộ thảo đầu phô.

*Thân như ánh chớp có rồi không
Xuân thắm muôn cây, thu quạnh mông
Mặc cuộc thịnh suy đâu sợ hãi
Thịnh suy nào khác ngọn sương đông.*

Bản dịch **TRẦN BÁCH LINH**



TÂM TÌNH TRONG ĐÊM THẬP NỀN NGUYỆN CẦU PHẬT ĐÀN

Thích Minh Tuệ

*"Ba nghiệp lắng thanh tịnh
Gởi lòng theo tiếng chuông
Nguyên người nghe tinh thức
Vượt thoát nẻo đau buồn..."*

Tiếng hô chuông trầm hùng thanh thoát ngân lên thâu nhiếp hàng trăm con tim, tâm khảm trong thời khóa "an tọa thiền trung", chánh niệm và quán tưởng. Đã lâu lắm rồi, hơn cả 15 năm, tôi mới được hòa mình trong không gian trầm lắng, trang nghiêm, thiêng liêng như đêm nay, đêm đốt nến nguyện cầu trong Lễ Hội Phật Đản Quốc Tế PL 2556, Westminster Mall, Nam California, Hoa Kỳ.

Ngồi kể dưới chân tượng đài Đức Thích Tôn, bao nhiêu kỷ niệm, ký ức theo dấu chân xưa lại hiện về trong tâm thức. Hoa lá kết trên lễ đài gợi về cảnh đóa hoa vô ưu nở giữa vườn hoa Lâm Tỳ Ni rục rỡ, lời cuốn bước chân Hoàng Hậu Ma Gia thường ngoạn và vườn cỏ trái dài khiến mọi người thoát ra ngoài nhịp điệu hối hả của cuộc sống, trở về hòa hợp với thiên nhiên nhẹ nhàng, thư giãn. Hoa bất diệt nở trên vườn hoa sinh diệt. Hồ nước trong xanh nơi tắm Thái Tử Tất Đạt Đa như đài gương sáng soi bóng người hành hương cho ta biết nên có cuộc

"tẩy trần", rửa sạch bụi đường, "sái tịnh". Đầu đêm của Mỹ châu là buổi sáng Á Châu. Vào một buổi sáng tháng Tư cách đây hơn 2500 năm, địa cầu tinh tú như ngừng chuyển động, bầu trời trong lành, hoa tươi khoe sắc e ấp, nâng niu đôi chân một bậc vĩ nhân vào cõi đời với bao diễmlành hiển lộ:

"Bảy đóa sen vàng nâng gót ngọc,

Ba ngàn thế giới đón như Lai".

Tôi ngồi lắng nghe hơi thở và chiêm ngưỡng tượng Phật sơ sinh. Hình ảnh Bồ Tát sơ sinh đứng trên quả địa cầu thật có nhiều ý nghĩa: Bồ Tát vào đời với nguyện lực khai sáng cho đời và hoàn thiện Ba La Mật, như "tùng địa đồng xuất" từ trong đất mà bao nhiêu công đức lành này sinh ra, thể tánh Như Lai thanh tịnh, sáng suốt, tròn đầy có sẵn nơi mỗi chúng ta cần khai thị ngộ nhập trong hành trình nhân thế, một bậc điều ngự trượng phu, khéo điều phục chế ngự, một bậc khai đường chỉ lối và để lại con đường, mỗi hành giả tích cực nhập, dẫn thân vào dòng đời.

Bao nhiêu mùa Phật Đản trôi qua và tuổi đời chông chất nhưng có thật sự là Ta vững

bước giữa cõi đời đầy biến động, nhuần thấm nơi Ta và mang đến cho đời nhiều nội dung Phật chất? Bên cạnh Ngài ta tự thấy mình nhỏ nhoi, tầm thường và đáng hổ thẹn. Ngài có tất cả trong ngài vị quyền quý cao sang, rồi già tử tất cả vì đạo nghiệp và độ sanh vậy sao ta biết bao nhiêu lần còn ái luyến, chấp ngã, tính toán xây đắp cho bản thân mình từ hình thức này đến hình thức khác, nhiều khi nguy hiểm, tự lừa dối bản thân và lừa dối mọi người? Ngài rời xa mọi dục lạc trong hoàn cảnh đầy đủ nhất, tinh tiến tu tập, tầm cầu chân lý, vậy còn ta lười biếng giải đãi, tìm kiếm mọi kế hở, cơ hội để có phần hưởng thụ và thỏa mãn? Ngài chịu bao nhiêu hy sinh, gian khổ để tìm ra được Ánh Đạo Vàng và con đường giải thoát, thế còn ta không dốc chí đi theo đường xưa mây trắng cho đến cuối đoạn đường, trong khi công việc của chúng ta so với Ngài đã quá nhẹ nhàng, đơn giản, phải vậy không?!

Kính bạch Như Lai Thế Tôn,

Trong đời con biết bao nhiêu lần con đối diện và tâm tình với Ngài về những tâm tư sâu xa thầm kín nhất trong con mà có những lúc con không biết tâm sự cùng ai. Đã có lúc đời con tưởng

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

như đến bước đường cùng, bất lực trước dòng đời đẩy đưa nghiệt ngã chính Ngài đã hướng con quay về nương tựa, núp bóng từ bi, xuất gia tu học lìa xa phiền não, một phương trời sáng rộng mở. Rồi bao nhiêu lần con băn khoăn lựa chọn giữa việc tịnh tu trên đồi núi, mỗi sớm chuông chiều để người ngoại, lắng tan niềm tục lụy với việc đến nơi đó



hội học hành bồi dưỡng, tạo duyên tu học cho bao người khác nhưng oái ăm thay, con tự cảm thấy phiền não trong con cơ hồ tăng dần cho dù kiến thức Phật Pháp của con có vẻ tăng trưởng?! Có lúc con phân vân việc tiếp tục xuất gia hay trở về nếp sống tại gia khi song thân thiếu người phụng dưỡng và hiểu đạo chưa tròn, chính Ngài đã khai thông tư tưởng và rồi nhân duyên xoay chuyển khiến cho con không phải tự trách bốn phận cuộc sống nơi mình mãi mãi. Lúc đầu tiên được viếng thăm Thánh Tích, con đã có những đêm kinh hành, tụng niệm quán tưởng suốt đêm không ngủ quanh Tháp Đại Giác và cội Bồ Đề, đứng tần ngần nhìn đồng gạch đỏ nát tại Thành Ca Tỳ La Về mà nhớ về một thời vang bóng, chợt nhớ đến bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan:

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường

Đến nay thấm thoát mấy tinh sương

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

Đá cũng trở gan cùng tuế nguyệt

Nước còn chau mặt với tang thương

Nghìn năm gương cũ soi kim cổ

Cảnh đấy, người đây luống đoạn trường.

Có lúc con đã bùi ngùi bật khóc nơi rừng Câu Thi Na trầm tịch trong tiếng xạc xào của Sa La với hình ảnh Như Lai nằm yên thị

tịch. Có phải con vô duyên kém phước nên gặp Ngài trong sự trở tràng, khi Ngài ra đời con đang trôi nổi trầm luân cảnh giới nào? Phải như con được gặp Ngài trọn vẹn, tu học dưới sự bảo ban, dắt dẫn chở che của Ngài thì ắt hẳn con đã không phải nghi ngờ, lui sụt, luôn tìm được nguồn động lực và lời khuyên bảo kịp thời để có thể vượt qua bao nhiêu nghịch cảnh khó khăn, hướng đến mục đích cuối cùng...

Con lại thả tâm tư theo tiếng chuông ngân vang, theo tiếng hô chuông đi qua các miền ký ức và suy tưởng:

"Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lùng

Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung

Máichùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông."

Tại sao con phải rời bỏ quê hương yêu dấu với ngôi chùa xưa, Tu Viện Nguyên Thiều, chiếc nôi Đạo Pháp trong khi đó là những gì con yêu kính nhất, là một phần máu thịt trong con? Có phải là con còn vương vấn niềm tục lụy, chấp ngã, chưa thông suốt lý nhân quả và "thập như thị" hay không, qua sự việc bao tháng vừa qua, con lắng nghe bài hát: "Việt Nam tôi đâu?" với những giọt nước mắt ngậm ngùi, khóc cho quê hương:

"Giờ đây... Việt nam còn hay đã mất???"

Mà giặc Tàu ngang tàng trên quê hương ta

Hoàng - Trường Sa đã bao người dân vô tội Chết ngậm ngùi vì tay súng giặc Tàu."

Ngài hẳn nhiên không phải xót xa trần trở như tâm sự con trải qua cho dù Ngài cũng từng ở trong hoàn cảnh ba lần can gián Lưu Ly Vương tàn sát giồng họ Thích nhưng không thành? Con hiểu nếu chỉ là nước mắt thì không giải quyết được vấn đề, xưa nay nước mắt chúng sanh nhiều hơn

biển cả và chúng sanh vẫn trôi nổi ngập chìm trong đó.

Máu, nước mắt, đau thương, tang tóc vẫn đang diễn ra hàng ngày khắp nơi trên thế giới: thiên tai, sóng thần, lò nổ hạt nhân, chiến tranh, khủng bố, bạo tàn, bất công, áp bức, dịch bệnh... Bao vùng trời xám xịt với tham lam, hận thù, tị hiềm, tranh đoạt. Ngay cả trong nội bộ Tăng Đoàn cũng có những biểu hiện của nghi kỵ, chê bai, chia rẽ lẫn nhau. Tại sao Liên Hiệp Quốc vẫn đang trân trọng tổ chức Lễ Vesak, kỷ niệm Đản sanh của Từ Phụ trang nghiêm hoành tráng vào mỗi năm kể từ năm 1999 và được xem như ngày lễ hội văn hoá tôn giáo thế giới, Phật Giáo được xiển dương giảng dạy trong nhiều đại học khắp thế giới, hàng trí thức không ngớt lời ca tụng, hình ảnh Ngài Đạt Lai Lạt Ma chinh phục biết bao nhiêu trái tim nhân loại thế mà bóng tối si mê, khổ đau, sanh tử lặn hụp vẫn còn nhan nhản và triền miên khắp nẻo đường kiếp sống. Phải chăng biệt nghiệp và cộng nghiệp chúng sanh quá sâu dày, không dễ tháo gỡ một lần cho xong?

Đêm nay đây có được giây phút ngồi lặng cùng Tăng Già và Phật Giáo đồ quốc tế, đó là phước duyên hy hữu, lớn lao, trùng trùng duyên khởi, đúc kết từ công sức của bao nhiêu người suốt cả năm trời chuẩn bị và liên tục từng bước tiến hành. Con sâu sắc niệm tưởng tứ trọng ân. Đức chúng như hải, uy lực của đại chúng thật là lớn lao, tự bản thân con đã cảm nhận được thiêng

liêng nhiệm màu trong đêm đốt
nến nguyện cầu và tìm thấy bình
an hạnh phúc:

*Hạnh phúc thay chư Phật giáng
sinh*

*Hạnh phúc thay giáo pháp cao
minh*

Hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp

Hạnh phúc thay tứ chúng đồng tu.

Tâm tình, kỷ niệm thiêng
liêng đêm nguyện cầu hôm nay là
hạt giống, chất liệu hành trang
quý giá, con mang thêm nguồn
năng lực vào đời. Con nhận ra
rằng Thế Tôn chưa hề rời xa con.
Lời dạy Như Lai chợt vọng về:
"phụng sự chúng sanh là cúng
dường mười phương chư Phật",
"Như Lai là Phật đã thành, chúng
sanh là Phật sẽ thành", "Hãy tự
mình đốt đuốc lên mà đi, hãy tinh
tiến lên để giải thoát, Như Lai chỉ
là người Thầy dẫn đường". Gia tài
Pháp bảo Như Lai đã trao truyền,
lẽ nào con cứ mãi làm kẻ cùng tử
và khách phong trần lênh đênh,
lạc lối? Nhớ tưởng đến Ngài không
phải chỉ biểu hiện nội trong đêm
nay mà trải qua từng sát na, hơi
thở, nhịp mạch cuộc sống. Mỗi
người hãy là một Sứ Giả Như Lai,
tinh tấn tu tập hành trì, an trụ
trong niềm hạnh phúc chân thật
và góp phần cho Từ Quang lan toả,
Pháp luân thường chuyển, như
tiếng chuông đêm nay cảnh tỉnh
xoá tan niềm tục lụy, đưa khách
trần ai về nẻo giác, làm vơi đi nỗi
khổ niềm đau, xây dựng thế giới
chân thiện mỹ, giúp cho nhân sinh
được an lạc, hòa bình, hạnh phúc,
giải thoát. Ngọn nến hôm nay là
truyền đăng tục diệm là tuệ đăng
thường chiếu, là ánh hào quang
khi sao Mai ló dạng, trong đêm thứ
49 của Bồ Tát Tất Đạt Đa dưới cội
Bồ Đề, chiếu rọi khắp Đông Tây
mãi mãi đến ngàn sau:

Từ Tôn in vết thần chân lý

Sáng rọi thanh xuân vạn cõi lòng.

*Cali, đêm thắp nến nguyện cầu,
Phật Đản PL 2556*

Thích Minh Tuệ

Hãy Là Một Bệnh Nhân Sáng Suốt

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Các cụ ta xưa nay vẫn có câu nói "Phúc Chủ, Lộc Thầy" khi đề cập tới mối tương quan giữa thầy thuốc-bệnh nhân.

Chữa được khỏi bệnh là nhờ âm đức ông bà của người bệnh còn thầy thuốc chỉ góp phần khiêm tốn. Đó là vào thời xa xưa, khi mà kiến thức chuyên môn của các vị lương y căn cứ vào kinh nghiệm của thầy, của chính mình, chứ không có hướng dẫn quy mô và khoa học thực nghiệm hỗ trợ.

Ngày nay thì y khoa học đã tiến rất xa trong việc tìm bệnh, trị bệnh cũng như phòng bệnh. Kết quả các nghiên cứu được hệ thống hóa, ghi thành cả kho tài liệu trong sách báo cũng như trên internet để mọi người tham khảo. Người thầy thuốc phải trải qua cả mười năm để học hỏi kiến thức, kỹ thuật chuyên môn, cho nên họ được trang bị khá đầy đủ trước khi "xuống núi, cứu nhân độ thế". Họ đóng vai trò quan trọng trong việc cứu chữa bệnh. Trong khi đó, vì rừng kiến thức y khoa quá nhiều, người bệnh không thu nhận được hết, nên họ tùy thuộc vào bác sĩ. "Thôi thì trăm điều "nhờ" ở sự mát tay của quan đốc".

Nhưng "nhờ" chưa đủ mà còn cần "hợp tác" với bác sĩ.

Một bác sĩ tận tâm cộng với "*con bệnh sáng suốt*" biết phải làm gì, sẽ dễ dàng thành công hơn trong cuộc chiến chống lại nan y.

Trước hết là làm sao có được một bác sĩ mà mình tin tưởng để trao thân, gửi phận về phương diện điều trị chăm sóc sức khỏe. Bác sĩ nào cũng quan trọng, nhưng vị lương y gần gũi với mình hơn cả là Bác Sĩ Gia Đình.

Thay vì điều trị một cơ quan, bộ phận, một loại bệnh như các bác sĩ chuyên ngành khác, bác sĩ gia đình được huấn luyện để chữa trị "thượng vàng, hạ cám" toàn thân người bệnh, dù là nam hoặc nữ, già hay trẻ, bệnh cấp tính hay kinh niên.

Vị đó cũng là người thực hiện các xét nghiệm sớm tìm ra bệnh cũng như hướng dẫn bệnh nhân trong nếp sống hàng ngày để phòng tránh bệnh. Nếu có khó khăn, bác sĩ gia đình cũng không ngần ngại hỏi ý kiến hoặc giới thiệu tới bác sĩ chuyên môn khác. Vì y học là lãnh vực quá rộng lớn, rất khó khăn cho một



TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

người có được đầy đủ các kiến thức.

Ngoài khả năng chuyên môn cao, bác sĩ tận tâm cũng nên dành cho bệnh nhân một khoảng thời gian vừa đủ để nghe kể lể rồi giải thích bệnh tình, trị liệu cho người bệnh.

Cái mục kể lể này xét ra cũng rất quan trọng.

Sáng suốt, thứ tự kể hết bệnh tình, dù là chi tiết tưởng như nhỏ nhặt.

Các điều mà bác sĩ cần biết gồm có:

- Tất cả các bệnh hiện có hoặc đã xảy ra trong quá khứ

- Danh sách tất cả các dược phẩm đang dùng, dù là do bác sĩ cho đơn, mua tự do hoặc dược thảo.

- Đã chích ngừa loại bệnh nhiễm nào.

- Y sử thân nhân, gia đình

- Tại sao tới bác sĩ hôm nay?

Nghĩa là nói hết mọi chi tiết về bệnh. Dù là phong tình, giang mai, lậu mủ trong quá khứ hoặc kém ước tình chăn gối hiện giờ. Thầy thuốc trị bệnh chứ không phán xét hành vi, hạnh kiểm của mình mà phải e dè, mặc cỡ.

Trước khi gặp bác sĩ, nên ghi các điều muốn nói trên miếng giấy, rồi thứ tự trình bày. Nhiều khi, vì quá xúc động trước mặt lương y mà mình quên chi tiết này, dấu hiệu kia, một chuyện thường xảy ra cho mọi người. Nên nhớ bác sĩ cũng như nhà thám tử điều tra, cần có các dữ kiện do bệnh nhân cung cấp để tìm phương thức giải quyết vấn đề

Đừng “chần chừ”, chớ coi xem bệnh tiến triển ra sao rồi mới đi khám. Vì đôi khi quá trễ. Một cơn đau bụng ngằm ngằm có thể do ruột dư vỡ mủ. Phân lẫn những vết máu đỏ tươi có thể do ung thư ruột già. Không sớm mổ, không đi nội soi ruột ngay thì nhiễm trùng vùng bụng nghiêm trọng và ung thư đại tràng có thể đã thành hình. Để rồi tự trách mình coi thường, sao lãng, mà bác sĩ cũng tốn nhiều công sức điều trị.

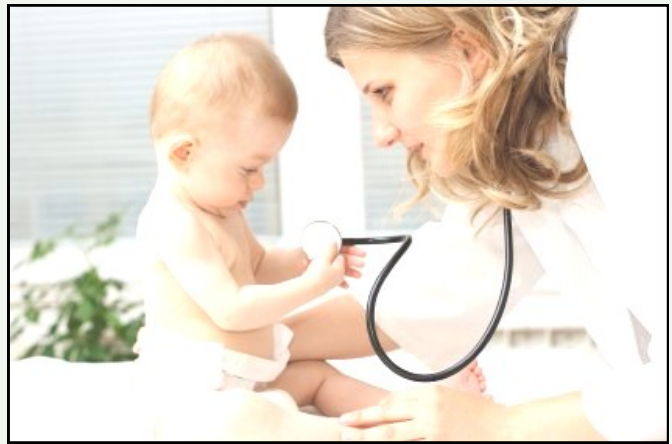
Kể rồi cũng cần hỏi thêm các điều liên quan tới bệnh mà mình chưa biết. Đừng ngần ngại. Nếu không nêu ra thắc mắc, bác sĩ cho là mình đã thấu hiểu tất cả các điều mà họ đã nói.

Ghi rõ các chi tiết cần thiết để khỏi quên. Nhiều bệnh nhân cẩn thận, xin phép bác sĩ cho ghi âm và mang theo người thân để nhớ hộ.

Đừng tự làm thầy thuốc, tự cho toa hoặc tự ý thay đổi toa thuốc của bác sĩ. Chỉ định rằng uống 10 ngày thì cứ uống hết trong 10 ngày, vì bệnh cần số thuốc như vậy để lành. Ngưng thuốc giữa chừng, gia giảm liều lượng mà không hỏi ý kiến lương y thì chỉ “giúp” bệnh lâu hết và trở lại mau hơn.

Cũng chẳng nên “bác sĩ cho tôi kháng sinh này, viên con nhộng kia”, vì lần trước thuốc đó làm bệnh hết ngay. Mỗi bệnh có nguyên nhân khác nhau, mỗi tác nhân gây bệnh chỉ nhạy cảm với thuốc riêng biệt. Chứ làm gì có thuốc trị dứt được bá bệnh như thường nghe quảng cáo trên đài, trên báo, trên bươm bướm tờ rơi.

Nếu có một bệnh thường hay tái diễn thì nên cho bác sĩ coi toa thuốc hoặc chai đựng thuốc cũ để bác sĩ dựa vào đó mà điều trị, với thay đổi đôi chút. Như vậy tiết kiệm được thời gian. Nhưng đừng tự



tiện ra tiệm mua thuốc đã dùng về uống vì bệnh có thể hơi khác trước, khiến cho thuốc giảm công hiệu. Và không bao giờ dùng dược phẩm đã quá hạn, thay đổi màu sắc, cấu tạo.

Như đã nói, ngày nay có rất nhiều nguồn cung cấp các kiến thức về bệnh tật, thuốc men, về điều trị, phòng tránh cũng như những quảng cáo, giới thiệu. Trên internet, qua truyền thông báo chí. Vì quá nhiều đôi khi lại trái ngược nhau nên đôi khi cũng khiến mọi người ngần ngại, chẳng biết thực hư ra sao. Có người dè dặt nói rằng “Đừng tin mọi điều mình đọc” kể cũng quá đa nghi. Nhưng cẩn tắc vô úy.

Trước hết coi xem kiến thức đó từ đâu mà ra.

Do một nhà chuyên môn y học phổ biến hoặc biên tập, góp ý với bài viết của người ngoài lãnh vực.

Đó là một sự kiện có chứng minh hay chỉ mới là một ý kiến.

Kiến thức có cập nhật hay là đã quá xưa, vì hiện nay khám phá khoa học ngày càng mới, càng nhiều.

Đặc biệt là những “thông tin” có tính cách hướng dẫn làm sao cho khỏe mạnh mà lại kèm theo giới thiệu một số sản phẩm “đặc chế, gia truyền” đã được giáo sư này, bác sĩ kia khen ngợi, đang dùng.

Sáng suốt để hiểu rõ quyền hạn của người bệnh. Hoa Kỳ có Patient’s Bill of Rights do Hiệp Hội các Bệnh viện viết năm 1972 và cập nhật năm 1992 trong đó có ghi các quyền hạn này.

Hy vọng là quê hương mình cũng sớm có “Bill” này.

Để bệnh nhân được chăm sóc chu đáo, tôn trọng nhân vị.

Để biết rằng những gì ghi trong hồ sơ bệnh lý của mình là mình có quyền coi lại và xin bản sao, khi cần.

Mình cũng có quyền bổ túc điều mình đã khai mà hồ sơ không ghi lại.

Cũng có quyền biết kết quả các thử nghiệm và được giải thích ý nghĩa.

Hồ sơ không được tiết lộ cho ai, ngoại trừ khi có yêu cầu của cơ quan tư pháp, công lực hoặc y tế dự phòng để bảo vệ sức khỏe chung.

Kể ra còn nhiều điều mà người bệnh sáng suốt cần biết cần làm. Nhưng thực hiện được các điều kể trên cũng tạm đủ rồi.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức, M.D.
Texas-Hoa Kỳ

Bản Lai Điện Mục

*Thưa người phố thị phù hoa
Chữ nhân tình ấy có là mộng mơ?
Trăm năm cũng thể một giờ
Thương nhau nhắn gửi một lời Tâm Kinh
Thế nhân vay tạm bóng hình
Giận, thương, yêu, ghét... là mình với ta
Đường dài muôn dặm bao xa?
Cuộc chơi dang dở có là bao nhiêu?
Đảo điên thương nhớ mỹ miều
Đại-khôn cũng thể một chiều mây bay.
Đời mê phở diễn phơi bày
Người quên điện mục mặt mày chơn tâm!
Triều đâu sóng vỗ âm âm?
Ta Bà một cõi mấy lần tử - sanh
Phù - trầm thể phách, tinh anh
Cấp kỳ niệm Phật hồng danh Di Đà.*

Tơ Đồng

*Đàn lên tiếng đục, tiếng trong
Tiếng tơ thương nhớ, tiếng đồng quê xa
Này đây là khúc dân ca
Nọ kia là bản hào hoa đô thành!
Đàn lên thể phách, tinh anh
Mấy lời đồng vọng tàn canh đêm trường
Tiếng này là khúc tư hương
Vọng âm da diết vấn vương lòng người!
Đàn lên trong trẻo giọng cười
Yêu thương dâng hết cho đời nở hoa
Đàn lên muôn dặm bao xa
Âm thanh núi cả hay là biển khơi?
Đàn lên bát ngát mây trời
Ấy lời muôn thuở hay lời nước non?
Mai sau tiếng ấy hãy còn
Mấy lời một khúc sắt son tơ đồng.*

HIỀN NGUYỄN

thơ

Còn lại trong em...

*Còn lại trong em một nụ cười
Của thời mới lớn, của xa xôi
Mai về lại phố, đem về lại
Tặng cả bạn bè, cả mọi nơi!
Còn lại trong em một chút tình
Của thời ly loạn, của nhục vinh
Mai về, em trải lên đường cũ
Cho cả làng quê của xứ mình.
Còn lại trong em chút bụi đường
Của ngày lưu lạc, của tha phương
Mai kia về lại, em để lại
Xứ người, không nợ, cũng không vương!
Còn lại trong tôi, chẳng có tôi
Nên em chẳng vương chút u hoài
Mai kia thông thả về cát bụi
Mim cười thấy nắng giữa tinh khôi!!!*

HUỆ GIÁC

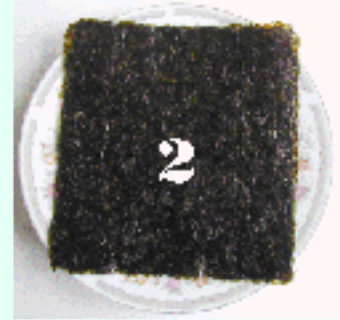


MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

CÁ KHO BỒ ĐỀ

Vật Liệu:

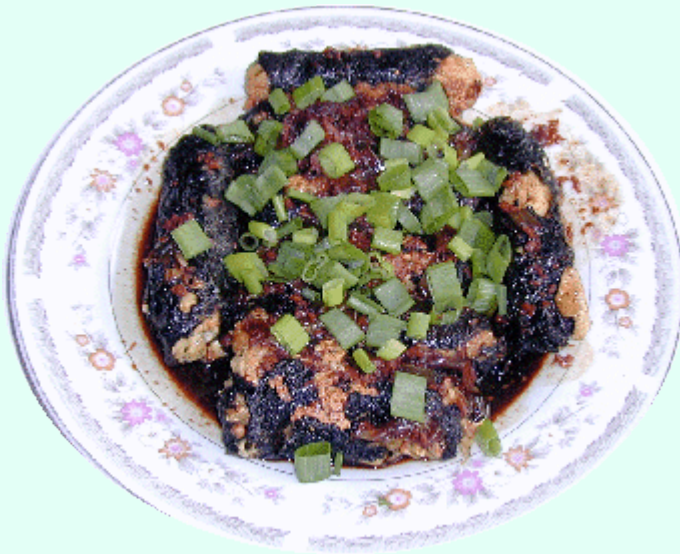
1. 1/2 bịch tàu hủ ky tươi (8 oz.)
2. 1 bịch seaweed
3. 1 bó hành lá (khoảng 5-6 cọng)
4. 1 Tsp tỏi băm
5. 1 Tsp bột nêm hay 1/4 tsp muối và 1/4 tsp đường
7. 3 Tsp nước tương
8. 1 1/2 Tsp đường
9. 2 Tsp nước lạnh
10. Dầu ăn



Cách Làm:

Ngâm tàu hủ ky tươi vào nước sôi cho mềm, đổ ra rổ cho ráo nước. Để tàu hủ ky vào một cái tô và trộn vào 1 Tsp bột nêm. Lấy 2 miếng seaweed cuộn tàu hủ ky vào thành những cuộn lớn khoảng 1' x 4'. Bắt chảo lên cho vào khoảng 2 Tsp dầu ăn (nên dùng chảo non-stick nếu có), chiên cho vàng đều mọi mặt, lấy ra để lên trên vài tấm khăn giấy cho thấm bớt dầu ra.

Bắt chảo lên cho vào 1 Tsp dầu ăn, 1 Tsp tỏi và phần trắng của hành lá cắt nhỏ, chiên lên cho vàng rồi cho vào 3 Tsp nước tương, 1 1/2 Tsp đường và 2 Tsp nước lạnh. Khi nước sôi lên thì tắt lửa và cho những cuộn tàu hủ ky và seaweed đã chiên vào nấu thêm khoảng 5 phút. Sau đó lấy ra đĩa và rắc lên trên mặt vài cọng hành lá xắt nhỏ. Quý vị sẽ có được một món Cá Kho Bồ Đề rất là ngon.



Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

PHẬT GIÁO THĂNG TRẦM: TRƯỜNG HỢP NHẬT BẢN VÀ SRI LANKA

Cư Sĩ Nguyễn Giác

Làm thế nào để hoằng pháp? Đó là câu hỏi luôn luôn được các vị tôn túc và tất cả các cư sĩ quan tâm suy nghĩ, thảo luận để tìm phương pháp thích nghi. Đặc biệt, trong hoàn cảnh Việt Nam hòa bình sau cả thế kỷ chiến tranh và đang đối diện với nhiều tôn giáo mới xuất hiện, chúng ta cần những phương pháp hoằng pháp hiệu quả nào để có thể đem lời Đức Phật tới và mời gọi mọi người cùng tu học?

Có hai trường hợp độc đáo nên khảo sát: hoàn cảnh Phật Giáo thăng trầm tại Nhật Bản và Sri Lanka.

Trường hợp Phật Giáo Nhật Bản, tuy bị nhiều người xem như đang hấp hối, nhưng vẫn đang có ảnh hưởng truyền giáo tại nhiều nước khác trên thế giới, và nhiều người da trắng vì yêu chuộng Phật Giáo đã vào sống hòa nhập với người dân Nhật Bản để hoằng pháp trở lại. Như thế, tất nhiên có một sức mạnh văn hóa từ Phật Giáo Nhật Bản đã và đang quyến rũ nhiều người khác trên thế giới.

Nhưng tuyệt vời độc đáo là trường hợp Sri Lanka -- nơi từng bị thực dân Bồ Đào Nha chiếm đóng trong thế kỷ 16, Hòa Lan chiếm đóng trong thế kỷ 17, và Anh chiếm đóng trong thế kỷ 19 -- hệ thống tăng già Phật Giáo đã nhiều lần bị xóa sổ, tới nổi mấy lần, khi các anh hùng dân tộc nổi dậy giành lại đất nước thì thấy rằng không còn một vị sư nào hết, và đã mấy lần đưa các đoàn sa di sang Miến Điện (lần đầu năm 1597, lần thứ nhì năm 1862), và sang Thái Lan (giữa thế kỷ 18, trong đời vua Sri Vijaya Raajasinha) để xin thọ cụ túc giới từ chư tăng Miến Điện và Thái Lan.

Hãy đặt câu hỏi rằng, khi đối diện với hoàn cảnh 21% dân số Sri Lanka theo đạo Thiên Chúa trong thế kỷ 17 vì ảnh hưởng truyền giáo của thực dân Bồ Đào Nha và Hòa Lan, chư tăng đã hoằng pháp thế nào để mời gọi người dân Sri Lanka trở lại Phật Giáo để bây giờ chỉ còn hơn 6% dân số theo đạo Thiên Chúa (tính chung cả Công Giáo La Mã và Tin Lành)? Và hãy hình dung, nếu 21% dân số Việt Nam theo đạo Thiên Chúa, chúng ta làm thế nào để mời gọi lại 2/3 khối người đó trở về lại Phật Giáo?

Nghĩ như thế, mới thấy kỳ công của dân tộc Sri Lanka.

Thực tế, những cuộc kháng chiến giành độc lập cho Sri Lanka đã là một nỗ lực đi tìm và xây dựng lại căn cước Phật Giáo cho Sri Lanka: tất cả các chùa được biến thành trường học để dạy người dân tu học theo giáo lý nhà Phật và chia sẻ tự hào với lịch sử Sri Lanka, nơi vận mệnh đất nước đã gắn liền với Đạo Phật từ thế kỷ thứ 2 trước công nguyên.

Trong khi đó, thế giới vẫn nhìn Nhật Bản như một quốc gia có đại đa số người dân theo Phật Giáo, nhưng người dân không còn bận tâm nhiều về tôn giáo nữa. Tuy một cách truyền thống, nhiều người

dân Nhật theo cả Thần Đạo và Phật Giáo, tương tự như nhiều người dân Việt Nam theo cả Đạo Mẫu và Phật Giáo, nhưng quan tâm về tôn giáo đã rất nhạt mờ.

Bản thống kê CIA Factbook cho biết dân số Nhật Bản ước tính vào tháng 7-2011 là 126,475,664 người, trong đó ước tính năm 2005 về thành phần người dân có tôn giáo thì Thần Đạo 83.9%, Phật Giáo 71.4%, Thiên Chúa Giáo 2%, các đạo khác 7.8%.

Thực tế bị quan hơn các con số đó. Tự Điển Bách Khoa Wikipedia ghi rằng, các bản khảo sát của nhật báo Yomiuri Shimbun cho thấy quan tâm tôn giáo nhạt theo thời gian: Bản khảo sát 1952 cho thấy, 64.7% dân Nhật nói rằng họ tin vào một tôn giáo cụ thể; bản khảo sát năm 1958 nói, số này chỉ còn 35%; năm 1963 chỉ còn 31%; năm 1973 chỉ còn 25%; năm 1978 tăng lên lại 34%; năm 1983 chỉ còn 32%.

Cũng bản khảo sát Yomiuri cho thấy: bản năm 2000 ghi là, có 76.6% dân Nhật trả lời rằng họ không tin vào một tôn giáo cụ thể; năm 2005, có 72% dân Nhật nói không liên hệ tới tôn giáo cụ thể nào, và chỉ 25% nói họ có tin vào tôn giáo và 20% nói họ có tu tập theo một tôn giáo.

Một quan điểm phổ biến nhìn rằng, Phật Giáo Nhật Bản suy tàn vì đa số các sư lập gia đình. Hình như các thống kê cụ thể về số lượng sư lập gia đình không được phổ biến. Nhưng một điều chắc chắn



TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

rằng, vẫn còn nhiều vị sư gìn giữ 250 giới.

Trang web Vatican (của Thiên Chúa Giáo La Mã) đã đăng một bài viết của Thiền Sư Soko Morinaga, nhan đề "Celibacy: The View of a Zen Monk from Japan" (http://www.vatican.va/roman_curia/rc_con_cclergy/doc_01011993_zen_en.html) trong đó cho thấy một phần toàn cảnh Phật Giáo Nhật Bản.

Soko Morinaga (1925–1995) là một vị sư dòng Lâm Tế (Rinzai Zen), là Hiệu Trưởng đại học Hanzono University và là tu viện trưởng Thiền Viện Daishu-in tại Kyoto. Thiền Sư Soko Morinaga là tác giả một số sách về Thiền. Một số đệ tử Tây Phương được truyền pháp của Thiền Sư đã thiết lập các thiền đường ở Anh và Hoa Kỳ. Trong đó có Thiền Viện Daishu-in West ở quận Humboldt County, Bắc California, và Thiền Viện Shobo-an tại London, Anh Quốc.

Một điểm chú ý trong bài viết của Morinaga trên trang Vatican là chính quyền Nhật Bản đóng một vai chính trong việc thăng trầm của Phật Giáo Nhật Bản.

Bài này trích dịch như sau:

"... Một sắc lệnh mang số 133, ban hành bởi tân chính phủ Meiji năm 1872, ra lệnh rằng các vị sư có quyền tự do "ăn thịt, lấy vợ, và cạo đầu" tùy ý. Từ đó, việc thế tục hóa các vị sư nhanh chóng diễn ra. Tại Tasho năm 1920, Tịnh Độ Tông Nhật Bản (Jodo) ban hành một số quy định gọi là "Điều Lệ về Gia Đình Trong Tự Viện" (Regulations for Temple Families."

... Tuy nhiên, trong cương vị một vị sư tu Thiền, đã bước vào đời sống tự viện để thành đạt mục tiêu tự giác và giác tha, tôi cảm thấy dễ dàng thực hiện mục tiêu hơn khi không có gia đình và không có nhu cầu tài sản cá nhân; do vậy, đối với tôi, sự lựa chọn đời sống độc thân và khó nghèo là một lựa chọn tự nhiên và hạnh phúc. Tôi chắc chắn không phải là người duy nhất cảm thấy hạnh phúc với đời sống độc thân. Truyền thống Phật Giáo Theravada ở Đông Nam Á cổ thời cũng có nhiều bài thơ



ca ngợi niềm vui của độc thân. Mặc dù có thể vẫn còn tham ái khởi lên, như tham ái tình dục, niềm vui này bảo vệ đời sống độc thân..." (hết trích dịch)

Một đặc điểm còn thấy ở Nhật Bản: một số người Tây Phương vào Nhật để góp sức gìn giữ Phật Giáo.

Như trường hợp Hugo Deslippe, sinh trưởng ở Canada, theo Đạo Phật khi còn ở đại học. Lúc đó, anh học về Đông Á Học, được một người bạn mời dự một lớp dạy Thiền Tông ở Montreal. Bạn của Hugo cũng là người Canada, nhưng thọ giới cụ túc ở tu viện Koya-san ở Nhật Bản năm 2001 để thành một vị sư tu theo Chân Ngôn Tông (Shingon, người Việt quen gọi là Mật Tông, có khi gọi là Đông Mật để nói về các dòng Mật Tông ở phương Đông).

Bây giờ thì, qua trang web Đạo Phật Nhật Bản (<http://www.japanese-buddhism.com/>), Hugo cho biết anh dạy Anh Ngữ cho các trường tiểu học ở Nagano, và từ đất nước mà anh gọi là huyền thoại, anh hoằng pháp bằng mạng Anh Ngữ với "...Mục đích của tôi là thảo luận, bằng ngôn ngữ đời thường, về lịch sử, về niềm tin và về biểu tượng, cùng nhiều đề tài khác, của Phật Giáo với chủ điểm về Nhật Bản, nơi nghệ thuật và mỹ học mạnh mẽ ảnh hưởng bởi Thiền Tông."(hết trích dịch)

Một người Tây Phương khác cũng vào Nhật để tu học, và rồi trở thành viện trưởng Thiền Viện Antaiji: Sinh năm 1968 tại Berlin, Đức Quốc, trưởng thành ở Tây Đức, năm 16 tuổi được một vị thầy trung học dạy ngồi thiền, từ đó đã mơ ước trở thành một Thiền Sư, học tiếng Nhật ở một đại học Berlin cùng với triết học và vật lý học, sang học một năm ở Kyoto University, năm 22 tuổi trở thành cư sĩ tu học ở Antaiji trong 6 tháng, và ba năm sau khi tốt nghiệp đại học trở thành một vị sư với tên là Muho, chuyển sang tu thiền một năm ở Thiền Viện Tokufuji dòng Lâm Tế ở Kyoto, và tu một năm ở Tu Viện Hosshinji ở Obama. Sau khi được ấn khả truyền pháp từ Miyaura Roshi (Viện Chủ Antaiji), Muho quyết định sống đời một vị sư vô gia cư ở một cộng viên ở Osaka, nơi Muho hướng dẫn một nhóm tập thiền; lúc đó, Muho 33 tuổi. Sau 6 tháng làm nhà sư vô gia cư, vào tháng 2-2002, được tin thầy viên tịch, Muho được gọi về lại Antaiji và được cử lên làm Viện Chủ đời thứ 9 của thiền viện này, cũng trong năm 2002. Điều để suy nghĩ: Muho cưới vợ năm 2002.

Nhưng kỷ luật tu thiền ở Antaiji rất nghiêm ngặt. Thiền viện này mở cửa đón người muốn vào tập thiền, cả ngắn hạn và dài hạn. Khi nhập thất nhiếp tâm (sesshin), tất cả các sư ngồi thiền 15 tiếng đồng hồ/ngày. Những ngày khác, phải ngồi Thiền 4 giờ/ngày. Nói ngồi Thiền, nhưng là luân chuyển cả đi bộ Thiền hành. Các vị sư đều phải lao động nặng, kể cả chặt cây và xây cất.

Trang web Anh Ngữ của Antaiji ở đây: <http://antaiji.dogen-zen.de/eng/index.shtml>

Như thế, Phật Giáo Nhật Bản có một sức mạnh quyến rũ kể cả ở những vùng thật xa như Canada và Đức Quốc. Câu hỏi nơi đây rằng: vì sao Phật Giáo Nhật Bản đang hấp hối?

Một số người trẻ Nhật Bản trả lời trên mạng

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

City-data.com rằng, nhiều chi phái lạ mang danh Phật Giáo xuất hiện đã lấy đi rất nhiều tín đồ; và một thanh niên ký tên Sonny viết trên mạng Vấn Đáp Yahoo, "Hãy yêu cầu bất kỳ người Nhật nào kể tên ra một giáo pháp Phật Giáo nào xem, chỉ cần kể ra một thôi. Các bạn sẽ thấy rằng không những họ không biết gì cả, họ còn không biết là có những giáo pháp đó từng hiện hữu và sau khi nói chuyện với bạn xong, họ cũng sẽ không bận tâm tìm hiểu về các giáo pháp đó." (<http://answers.yahoo.com/question/index?qid=20111208150100AAcC4Fl>)

Tình hình vừa nói cũng dễ dàng thấy tại Việt Nam và Trung Quốc, nơi đa số người dân chỉ biết sơ sài về giáo pháp nhà Phật, kể cả các gia đình Phật tử truyền thống. Nhưng với Sri Lanka, nơi cũng thường được dân Việt gọi là Tích Lan, thì khác hẳn: nơi đây, tất cả các chùa đều biến thành nơi dạy Phật Pháp và hun đúc tinh thần dân tộc.

Theo CIA Factbook, ước tính vào tháng 7-2011, dân số Sri Lanka có 21,283,913 người; trong đó, theo thống kê 2001 có 69.1% theo Phật Giáo, 7.6% theo Hồi Giáo, 7.1% theo Ấn Độ Giáo, 6.2% theo Thiên Chúa Giáo, 10% không cụ thể.

Thông tin từ Bách Khoa Tự Điển Wikipedia cho các con số hơi khác, trích dịch:

"Dân số Sri Lanka theo nhiều tôn giáo: 70% dân theo Phật Giáo Theravada, 15% theo Ấn Độ Giáo, 7.5% theo Hồi Giáo, và 7.5% theo Thiên Chúa Giáo. Sri Lanka được xếp hàng thứ 3 thế giới về tính mộ đạo, theo một bản thăm dò Gallup 2008, với 99% dân Sri Lanka nói rằng tôn giáo là một phần quan trọng trong đời sống hàng ngày của họ.

"Theo các truyền thống Thiên Chúa Giáo, thánh tông đồ Thomas the Apostle đầu tiên đã tới Sri Lanka (cũng như tới Ấn Độ) trong thế kỷ thứ nhất. Sau khi tới, một số cộng đoàn nhỏ của các tín đồ Thiên Chúa Giáo được thiết lập ở vùng ven biển Sri Lanka. Tuy nhiên, số lượng tín đồ Thiên Chúa Giáo không tăng nhiều cho tới khi các đoàn truyền giáo Bồ Đào Nha vào trung thế kỷ 15. Trong thế kỷ 17, người Hòa Lan chiếm Sri Lanka, và các đoàn truyền giáo Hòa Lan đã có thể chuyển 21% dân số Sri Lanka theo Thiên Chúa Giáo vào năm 1722..." (hết trích dịch)

(Link: http://en.wikipedia.org/wiki/Religion_in_Sri_Lanka)

Theo Thiên Chúa Giáo tới 21%, và rồi càng lúc càng co cụm để bây giờ chỉ còn xấp xỉ 7%? Đó là trường hợp độc đáo của Sri Lanka.

Phật Giáo được truyền vào Sri Lanka vào thế kỷ thứ 2 trước công nguyên bởi Đại Sư Mahinda, con trai của Hoàng Đế Ashoka, trong triều vua King Devanampiya Tissa đang trị vì Sri Lanka.

Một chồi Cây Bồ Đề mang vào trồng ở Sri Lanka, và các tu viện đầu tiên được thiết lập với bảo trợ của vua Sri Lanka. Tạng Kinh Pali, trước đó được giữ gìn qua truyền khẩu, đầu tiên được chép xuống tại Sri Lanka vào năm 20 trước công nguyên.

Ni Trưởng Arahath Sanghamitra, con gái của Vua Ashoka, cũng vào thiết lập Ni Đoàn ở Sri Lanka.



Bây giờ, không còn Ni Đoàn tại đây.

Vào khoảng năm 200 trước công nguyên, Phật Giáo trở thành quốc giáo ở Sri Lanka. Xá Lợi Răng Đức Phật được mang vào Sri Lanka trong thế kỷ thứ 4 bởi Hoàng Tử Danta và Công Chúa Hemamala. Sri Lanka có một lịch sử Phật Giáo liên tục dài nhất so với bất kỳ quốc gia Phật Giáo nào. Trong những thời kỳ suy thoái, khi Tăng Đoàn biến mất, các sa di lại được đưa sang Miến Điện và Thái Lan để thọ giới cụ túc và thiết lập lại Tăng Đoàn.

Sau đây sẽ tóm lược một số chi tiết về thăng trầm của Phật Giáo Sri Lanka, dựa vào thông tin từ các nguồn khác nhau, trong đó phần lớn là từ bài viết "Buddhism in Sri Lanka: A Short History" (Lược Sử Phật Giáo Sri Lanka) của tác giả H.R. Perera. Những người quan tâm nên tìm đọc bản gốc Anh Văn, sẽ có nhiều thông tin hơn. Bài này có link ở: <http://www.accesstoinsight.org/lib/authors/perera/wheel100.html>.

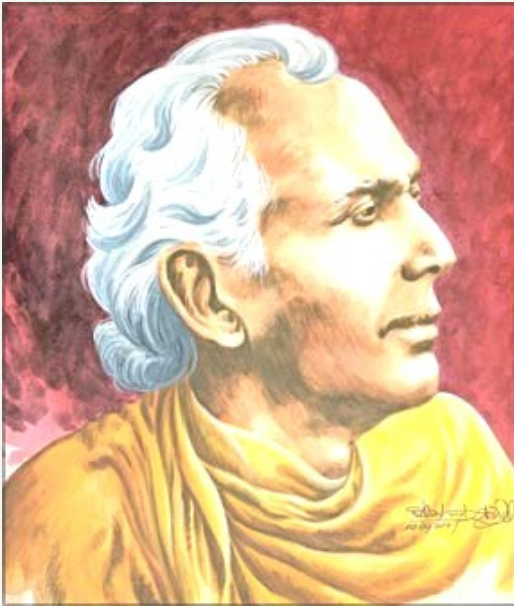
Người Bồ Đào Nha đặt chân vào Sri Lanka năm 1505, khi Vua Vira Paraakramabaahu VIII (1484-1508) đang trị vì. Họ hứa hẹn viện trợ quân sự để giúp vua chống lại những đối thủ thù nghịch, hứa hẹn thịnh vượng từ việc giao thương mà họ xin thiết lập. Họ đánh đuổi người Hồi Giáo ra khỏi Colombo, và được phép dựng một đồn lũy bên bờ biển này, nơi bây giờ là thủ đô Sri Lanka, và dần dần thực hiện nhiều cuộc tấn công vào nội địa, chiếm trọn các tỉnh ven biển năm 1658.

Các sử gia Sri Lanka và cả các sử gia Bồ Đào Nha từ thời đó đã mô tả họ như là tàn bạo, phi nhân, đàn áp Phật Giáo để áp đặt đức tin của họ -- Công Giáo La Mã -- vào dân tộc Sri Lanka.

Vua của xứ Kotte là King Bhuvanekabaahu VI (1534-1551), trong nỗ lực nhờ người Bồ Đào Nha giúp người cháu là Dharmapaala lên ngôi đã gửi một tượng ngà mang hình người cháu này tới Bồ Đào Nha, nơi vua Bồ Đào Nha thực hiện lễ phong vương cho pho tượng ngà này. Khi các sử thần Sinhalese (sắc tộc chính của Sri Lanka, tương tự người Kinh tại VN) về nước, cùng đi có các linh mục dòng Franciscan theo lệnh của Bồ Đào Nha tới Sri Lanka, và với sự cho phép của vua hải đảo này, đã rao giảng Công Giáo. Các cộng đoàn Công Giáo thiết lập ở các tỉnh ven biển Sri Lanka.

Dharmapaala, nguyên đã theo Công Giáo với tên thánh Don Juan Dharmapaala, sau khi lên ngôi đã bày tỏ lòng mang ơn bằng cách dùng lợi tức cúng dường từ Ngôi Chùa Răng Phật (Chùa Dalada Maaligaawa) và lợi tức cúng dường từ tất cả các chùa

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC



trên hải đảo để duy trì các cơ sở truyền giáo Công Giáo.

Và rồi tới thời dùng bạo lực truyền giáo. Những người dân muốn giữ chức quyền, phải theo Công Giáo và rửa tội để lấy tên thánh. Những người giữ Đạo Phật và bày tỏ chống đối đã

bị đàn áp tàn nhẫn. Đã có những chuyện kể về người bị ném vào sông để cá sấu ăn thịt, về các em bé bị chiến binh đâm lưỡi giáo và đưa ra trước mặt ba mẹ các em, về trẻ em bị đè dưới đá trước mặt các bà mẹ và rồi các bà mẹ sau đó bị tra tấn tới chết. Những người theo Phật Giáo công khai, hay dám mặc áo vàng tu sĩ là bị tử hình. Các chùa Phật Giáo bị phá hủy, tài sản trong chùa bị cướp đi, thư viện bị đốt.

Vua King Raajasinha I (1581-1592), con trai của Mayaadunne, em của Bhuvanakabaahu VI, trị vì ở vùng Sitawaka trong khi người Bồ Đào Nha cai trị ở Kotte, thuyết phục dân tộc Sinhalese đưa quân tấn công người Bồ Đào Nha, thắng nhiều trận. Nhưng vua này trong cuộc tranh quyền nội bộ vương triều đã tự tay giết vua cha, nên mang mặc ảm tội lỗi. Raajasinha mới nhờ các vị sư giúp ông xóa khỏi tội giết cha. Khi nghe các sư nói rằng đó là tội cực nặng, trong năm tội vô giná, vua liền nổi giận, mới sang quy y các giáo sĩ Ấn Độ Giáo Saivites, và trở thành kẻ thù của Phật Giáo. Đức Pháp Chủ Phật Giáo bị ném đá tới chết, nhiều vị sư khác bị chôn dưới đất để hờ dẫu và đầu của họ bị lưỡi cày đẩy qua đứt lia. Một số vị sư khác bị đâm chết. Các chùa vùng này bị đập phá, kinh sách bị đốt.

Năm 1592, khi vua Raajasinha chết, vua Vimala Dharmasuriya I lên nối ngôi, cai trị trong 12 năm. Mặc dù ngài được giáo dục bởi người Bồ Đào Nha, vua này tỏ thái độ chống đối Bồ Đào Nha vì tình ái quốc và hộ trì Phật Pháp.

Sau nhiều trận đánh với người Bồ Đào Nha để gìn giữ các tỉnh nội địa, vua Vimala Dharmasuriya I cho thiết lập lại các chùa và tượng đài Phật Giáo. Thấy rằng không còn một vị sư có đủ giới pháp nào trong vương quốc nữa, vua gửi một phái đoàn tới vương quốc Arakan (bây giờ là một phần Miến Điện) để xin giúp thiết lập lại tăng đoàn Sri Lanka.

Nhiều vị sư Miến Điện dưới hướng dẫn của 2 ngài trưởng lão Nandicakka and Candavisaala, đã tới Kandy (thủ đô vương triều Sri Lanka) và trong năm 1597 trao lễ thọ giới ở Udakukkhepa Siimaa tại Getambe, gần Kandy. Vua cũng xây một bảo tháp,

và mang trở về Xá Lợi Răng Phật (trong thời chinh chiến được giấu ở Delgamuvihaara) thờ.

Kế vị vua Vimala Dharmasuriya là Senarat. Người Bồ Đào Nha lại đưa quân tiến chiếm vùng Kandy, vua Senarat mang Xá Lợi Răng Phật chạy tới Mahiyangana. Kế vị Senarat là vua Raajasinha II (1634-1687), người đã dùng binh lực, với hỗ trợ của binh lực người Hòa Lan, đã khởi dậy cuộc chiến kéo dài hai thập niên và xua đuổi người Bồ Đào Nha ra khỏi cả các tỉnh ven biển Sri Lanka vào tháng 6-1658. Vua thường công người Hòa Lan bằng cách cho họ chiếm giữ các tỉnh trước kia do người Bồ Đào Nha chiếm.

Người Hòa Lan truyền đạo Tin Lành (hệ phái Protestant Christianity), nhưng rút kinh nghiệm người Bồ Đào Nha nên có chính sách hòa bình với vương triều và dân Sri Lanka. Họ giúp đưa hai phái đoàn sắc tộc Sinhalese tới Siam (bây giờ là Thái Lan) để thỉnh các vị sư tới giúp xây dựng tăng đoàn ở Sri Lanka.

Tuy nhiên, người Hòa Lan thiết lập một hệ thống giáo dục chặt chẽ trên đất họ cai trị (các tỉnh ven biển): trường học cũng là nhà thờ, thầy giáo và là thầy dạy vừa là mục sư giảng đạo. Thánh lễ thực hiện ngay ở trường, khai sinh và khai tử đều làm giảng thờ và nghi lễ theo Tin Lành.

Không một ai được chọn làm công chức, chỉ trừ người có đạo Thiên Chúa. Chỉ có người theo đạo Thiên Chúa mới được xem là kết hôn hợp pháp hay sinh con hợp pháp.

Vì hệ thống giáo dục quá rộng lớn, họ phải thuê người Sinhalese làm giáo viên và truyền đạo viên. Rất nhiều người bề ngoài là Tin Lành nhưng trong tâm là Phật Giáo, mục đích là để đăng ký các lễ kết hôn, làm giấy khai sinh cho con đi học, và bản thân họ được làm công chức. Trong thời kỳ này, Phật Giáo không bị đàn áp bằng bạo lực.

Trong khi người Hòa Lan chiếm các tỉnh ven biển, các vua sắc tộc Sinhales ở các tỉnh nội địa lo hồi phục Phật Giáo. Một trong số đó là vua Vimala Dharmasuriya II (1687-1706), con trai và là người kế vị vua Raajasinha II. Thấy rằng đất nước không còn tới 5 vị sư, vua gửi một phái đoàn tới Arakan (Miến Điện), xin thỉnh các sư Miến Điện sang giúp. Nhờ đó, một lễ thọ cụ túc giới thực hiện ở Getambe, ngay nơi đã có lễ tương tự trước đó thực hiện ở triều vua Vimala Dharmasuriya I. Trong lễ này, 33 sa di thọ giới để trở thành tăng sĩ, và 120 người khác thọ giới sa di.

Trải qua nhiều thập niên, tăng đoàn lại suy yếu vì nhiều lý do khác nhau. Tới triều vua Sri Vijaya Raajasinha (1739-1747), thấy rằng tăng đoàn gần như biến mất trên đảo quốc đầy niềm tin Phật Giáo này, vua gửi 2 phái đoàn sang Thái Lan. Người Hòa Lan cho mượn một chiếc thuyền để chở phái đoàn. Chuyển đi đầu tiên bị chìm tàu. Chuyển thứ nhì chưa về thì vua đã chết.

Nối ngôi Sri Vijaya Raajasinha là vua King Kirti Sri Raajasinha, khi đó không còn một vị sư nào trên toàn bộ hải đảo Sri Lanka thọ giới pháp đầy đủ. Tuy là có nhiều sa di (tức là, saamaneras), nhưng đa số



TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

không có đời sống gương mẫu của tầng sĩ. Họ không học Giới Luật, Giáp Pháp, mà chạy đua học chiêm tinh, y khoa chữa bệnh, thờ chư thần, sống bê bối tai tiếng, trồng trọt và cả mua bán giao thương. Các sa di hưởng lợi từ sự bao cấp rộng rãi của vua quan.

Vua Kirti Sri Raajasinha gửi một

phái đoàn sang thăm vua King Dhammika của Siam (Thái Lan) nhờ tái thiết lập tăng đoàn ở Sri Lanka. Hàng trăm vị thọ cụ túc giới, tu học nghiêm chỉnh. Vua ban hành bộ ứng xử về giới luật đối với các vị sư. Thời kỳ này, nền văn học Phật Giáo phát triển mạnh mẽ.

Nổi ngôi vua King Kirti Sri Raajasinha là người em, tên là Raajaadhi Raajasinha – vua này là một học giả nhiều ngôn ngữ, tiếng Pali (Nam Phạn), tiếng Sanskrit (Bắc Phạn), và tiếng Sinhalese. Vua có nhiều bài thơ xuất sắc viết bằng ngôn ngữ Sinhalese, và tiến hành nhiều phương tiện hoằng pháp cho Phật Giáo. Cháu trai vua này là Sri Vikrama Raajasinha, người lên kế vị và là vị vua cuối cùng của Lanka.

Vào năm 1796, trong thời vua Raajaadhi Raajasinha, người Hòa Lan thua trận nên nộp những vùng lãnh thổ của họ cho thực dân Anh. Thống đốc Anh đầu tiên là Sir Frederick North.

Vào tháng 1-1815, một đạo binh Anh tiến vào thủ đô Kandy và bắt sống vua của sắc tộc Sinhalese. Vào ngày 2 tháng 3-1815, trong một đại hội các quan tướng, tộc trưởng và tầng sĩ, nhà vua chính thức bị truất ngôi, và toàn bộ lãnh thổ Sri Lanka trở thành thuộc địa Anh Quốc.

Như thế, kết thúc cuộc chiến của dân tộc Sinhalese đã đương cự với quân Bồ Đào Nha, quân Hòa Lan, và một thời gian với quân Anh. Và cũng kết thúc dòng vua trị vì Sri Lanka kéo dài tới 2301 năm, kể từ vị vua Vijaya lập quốc năm 486 trước công nguyên. Và phải chờ tới năm 1948, Sri Lanka mới thoát ách cai trị của người Anh, tuyên bố độc lập.

Trong hiệp ước đầu hàng ngày 2-3-1815, có một điều khoản ghi rằng đất nước Sri Lanka thuộc về người Anh với điều kiện người Anh tôn trọng Phật Giáo, phải xem các nghi lễ Phật Giáo là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Thực tế, người Anh không tuân giữ cam kết này.

Người Anh đưa chính sách ở các tỉnh ven biển áp đặt lên toàn bộ Sri Lanka, ưu đãi tín đồ Thiên Chúa Giáo và tăng tốc giáo dục, truyền đạo. Ảnh hưởng lớn nhất là các hội thánh Tin Lành Baptists, từ năm 1792; rồi Hội Thánh Wesleyan Methodists,

từ năm 1814; Tin Lành Americans, từ năm 1816; và Church of England (Anh Giáo), từ năm 1818.

Các trụ sở hội thánh vừa là nhà thờ, vừa là trường học. Công chức chỉ tuyển từ người đã học ở các trường này, nơi trẻ em học Kinh Thánh, và là nơi Phật Giáo bị chế giễu công khai, xem tôn giáo của ba mẹ các em là đạo của những đám đông lạc hậu.

Các hệ phái Thiên Chúa Giáo cũng mở trường dạy nữ sinh, trong đó có những trường nội trú và tu viện giành cho thiếu nữ.

Thống kê năm 1886 cho thấy, trên toàn quốc Sri Lanka, Phật Giáo có 12 trường học, Ấn Độ Giáo có 5 trường, tư thực có 25 trường, năm hệ phái Thiên Chúa Giáo có tổng cộng 806 trường.

Lấy ký hiệu cho trường dạy tiếng Anh là A, dạy song ngữ là SN, dạy bản ngữ Sinhalese là S, chúng ta có bảng thống kê 1886 như sau:

TRƯỜNG HỌC Ở SRI LANKA NĂM 1886

Tin Lành Wesley Miss.: 18 A, 18 SN, 170 S, tổng cộng 206 trường.

Công Giáo La Mã: 25 A, 5 SN, 175 S, tổng cộng 205 trường.

Tin Lành C.M.S.: 28 A, 18 SN, 178 S, tổng cộng 224 trường.

Tin Lành Amer. Miss: 8 A, 9 SN, 116 S, tổng cộng 133 trường.

Tin Lành Baptist: 1 A, 5 SN, 32 S, tổng cộng 38 trường.

Trường tư: 7 A, 5 SN, 13 S, tổng cộng 25 trường.

Ấn Độ Giáo: 5 S, tổng cộng 5 trường.

Phật Giáo: 1 SN, 11 S, tổng cộng 12 trường.

Các linh mục, mục sư cũng nghiên cứu và viết sách về Phật Giáo, dùng tiếng bản ngữ Sinhalese in sách, ra báo chí trích Phật Giáo, đi khắp các làng trao tặng sách đã kích Phật Giáo và tung hô Thiên Chúa Giáo.

Vào khoảng năm 1860, có một sa di trẻ, tên là Mohottiwatte Gunaananda đứng ra thách thức các tu sĩ Thiên Chúa Giáo tranh luận công khai. Vị sa di trẻ này đã học ở trường đạo, nên thuộc cả Kinh Thánh bên cạnh Kinh điển Phật Giáo. Sa di này cũng làm như các tu sĩ Thiên Chúa Giáo, đi khắp các làng nói chuyện, kể cả trong các xóm đạo. Nhiều ngàn người tìm nghe vị sa di này thuyết pháp, tranh luận.

Các tu sĩ Thiên Chúa Giáo thấy tác động quần chúng lớn, nên chấp nhận 3 cuộc tranh luận công khai: một ở Udavita vào năm 1866, một ở Gampola năm 1871 và cuối cùng ở Panadura năm 1873.

Cuộc tranh luận ở Panadura kéo dài 1 tuần lễ, là quan trọng nhất. Đó là cao điểm nỗ lực của vị sa di trẻ và đã đánh thức một phong trào học Phật rộng lớn.

Tranh luận tổ chức với hiện diện của các Phật Tử và giáo dân hàng đầu của sắc tộc Sinhalese. Tờ báo Anh ngữ hàng đầu lúc đó là The Ceylon Times gửi đặc phái viên tường thuật hàng ngày, kèm theo các bài nói chuyện của các diễn giả đã sửa lỗi do chính các diễn giả in trên báo Anh ngữ này.

(xem tiếp trang 68)

DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

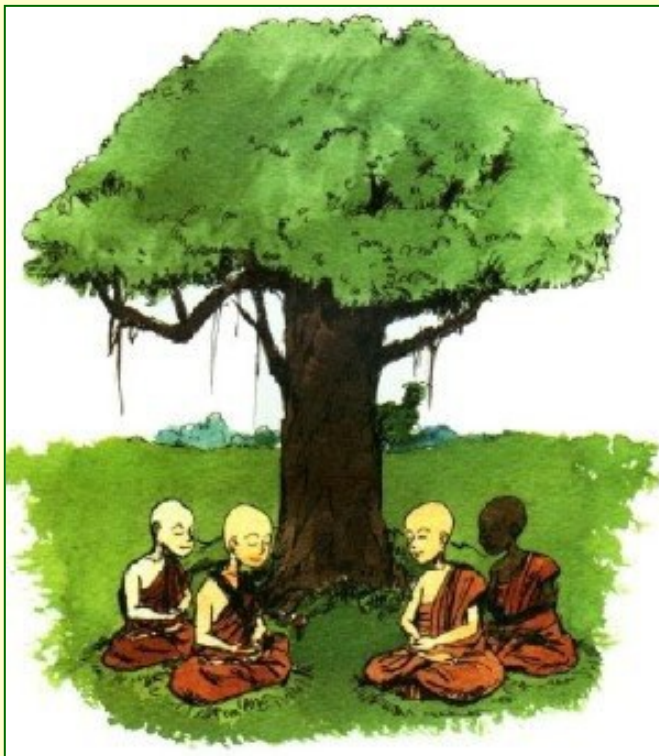
Biên soạn và chuyển ngữ: Tâm Minh Ngô Tàng Giao

3 THE SANGHA TĂNG ĐOÀN

The Sangha is a group of monks or nuns. They practise the Dharma. They hope that the Buddha's teachings can help to make people become happier and wiser.

They want everyone to live a good and happy life.

The Sangha represents purity.
It sets a good example for Buddhists to follow.



Tăng Đoàn là một nhóm các Tăng hay Ni. Họ thực hành Phật Pháp. Họ hy vọng rằng những lời dạy của Đức Phật có thể giúp cho con người trở nên hạnh phúc hơn và trí tuệ hơn.

Họ muốn mọi người sống một cuộc đời tốt lành và sung sướng.

Tăng Đoàn đại diện cho sự tinh khiết.

Tăng Đoàn nêu ra một gương tốt để cho các Phật tử noi theo.

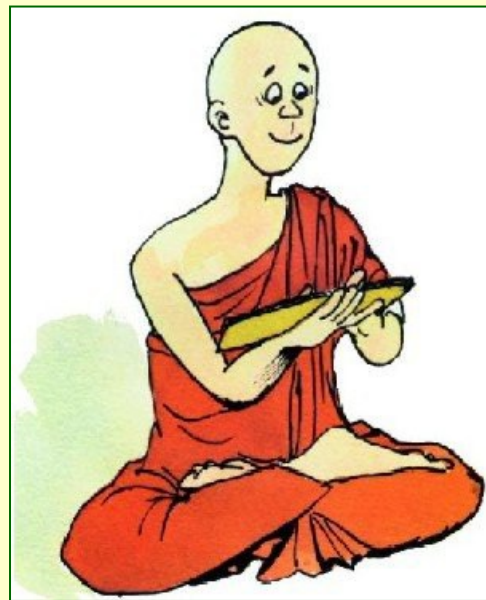
Monk is a male Buddhist who has left home to live and practise in a monastery.

Men can become monks. Monks usually get up at 5 o'clock in the morning. They study the Buddha's teachings after breakfast.

Sometimes, they teach Dharma to people in the afternoon.

In the evening, they meditate.

They keep their minds clean and have kind hearts.



Tăng (hay Sư) là một nam tu sĩ Phật Giáo, người đã rời bỏ gia đình để sống và tu hành trong một tu viện.

Đàn ông có thể trở thành những vị Tăng. Các Tăng thường thức dậy lúc 5 giờ vào buổi sáng. Họ học hỏi những lời dạy của Đức Phật sau bữa ăn sáng.

Đôi khi, họ dạy Pháp cho mọi người vào buổi chiều.

Vào buổi tối, họ thiền định.

Họ giữ cho tư tưởng của họ trong sạch và có lòng tốt.

Nun is a female Buddhist who has left home to live and practise in a nunnery.

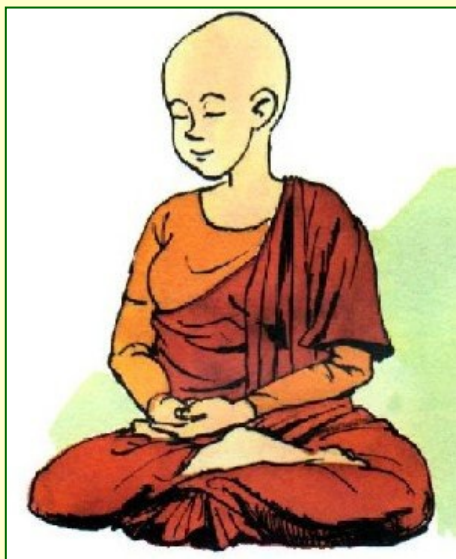
Women can become nuns. They also shave their heads.

They usually wear robes of brown, yellow or grey.

They live simple lives and work hard for the happiness of people.

They are wise and cheerful, just like the monks.

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC



Ni (hay Ni Sư, Sư cô) là một nữ tu sĩ Phật Giáo, người đã rời bỏ gia đình để sống và tu hành trong một ni viện.

Đàn bà có thể trở thành các Ni. Họ cũng cạo đầu họ.

Họ thường mặc áo choàng màu đà, màu vàng hoặc màu xám.

Họ sống cuộc đời đơn sơ và làm việc chăm chỉ cho hạnh phúc của mọi người.

Họ thông thái và vui tươi, giống như các Tăng.

(Daddy is doing meditation, it helps him to relax after a hard day's work. *Bố đang thiền định, thiền giúp cho bố được thoải mái sau một ngày làm việc vất vả.*)



People who are not monks or nuns can also study the Buddha's teachings. They are called lay people.

They respect the Buddha, the Dharma and the Sangha.

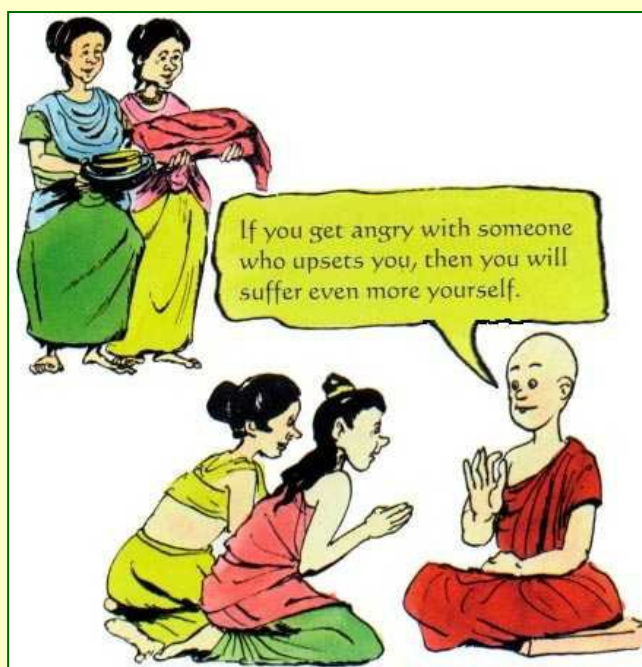
They are friendly and peaceful to everybody.

Mọi người không phải là Tăng hay Ni cũng có thể học hỏi những lời dạy của Đức Phật. Họ được gọi là các Phật tử.

Họ kính trọng Đức Phật, Pháp và Tăng Đoàn.

Họ thân mật và hòa thuận với mọi người.

(If you get angry with someone who upsets you, then you will suffer even more yourself. *Nếu quý vị giận giữ với người nào làm mình buồn bực, như thế chính mình chỉ thêm buồn khổ mà thôi.*)



When lay people have problems, they go to monks and nuns for advice. To thank them for their good advice, lay people offer monks and nuns food and clothing as a sign of respect.

They treat monks and nuns as special people.

Khi các Phật tử gặp chuyện phiền phức, họ tìm đến các Tăng và các Ni xin hỏi ý kiến. Để cảm tạ các tu sĩ về những lời khuyên quý báu, các Phật tử biểu tặng cho Tăng và Ni thức ăn và quần áo như là biểu hiện của sự kính trọng.

Họ đối xử với những Tăng và Ni như những người đặc biệt.

(to be continued...)

LÒNG THƯƠNG YÊU SỰ SỐNG

Người dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**

Nguyên tác: THE LOVE of LIFE by **G. B. TALOVICH**

Đàn Ong Ngăn Chặn Một Vụ Xử Oan

Ngày xưa, có ông chủ một quán ăn trông thấy một con ong bay rớt vào trong hũ rượu của ông. Người chủ quán cảm thấy tội nghiệp cho con ong bé nhỏ, ông liền hạ thấp chiếc đĩa để cho nó leo lên đó mà bò ra. Ông đặt chiếc đĩa xuống và nhìn con ong đang tìm cách tự làm khô mình. Nó đập nhẹ hai cánh để mau khô hơn. Khi con ong hoàn toàn khô rồi, nó bay lên và kêu vo vo.

Sau đó, người chủ quán nhận thấy những con ong khác cũng bị thu hút bởi mùi rượu nên đã bay tới rớt vào và chết đuối trong hũ rượu. Từ đó, ông chú ý đến chúng và đã cứu sống được rất nhiều con ong.

Ông làm việc phước đức này tiếp tục trong nhiều năm. Một ngày nọ, ông giạt mình thấy lính của nhà vua vào quán, và không một lời giải thích họ công tay áp giải ông tới pháp đình. Khi đến nơi, người chủ quán mới biết rằng ông bị người ta vu oan giá họa. Vài tên cướp bị bắt đã tố cáo ông nằm trong băng đảng của họ; cho nên quan tòa thụ lý vụ án đã quyết định xử chém đầu ông cùng với những tên cướp khác.

Người chủ quán đã kêu than rằng ông ta vô tội, nhưng bọn cướp vẫn nhứt quyết bảo rằng ông có tội; cho nên quan tòa đã tuyên bố rằng ông ta phạm tội. Lòng người chủ quán vẫn bình thản không chút sợ hãi khi nhìn thấy vị quan tòa cầm bút lông đỏ phê bản án tử hình buộc tội ông ta.

Ngay vừa lúc ông chánh án cầm bút lông định phê bản án thì ông nghe tiếng vo ve ồn ào mỗi lúc một gần và ngày càng rõ hơn. Một đàn ong bay vào cửa sổ và bu đậu nơi đầu bút lông đỏ của vị quan tòa. Ông vảy mạnh ngọn bút lông để hất mấy con ong ra, nhưng nhiều con khác lại tiếp tục bay đến. Đàn ong không chích đốt, nhưng chúng không chịu bay đi.

Vị quan tòa nhận thấy đây là một việc hết sức kỳ lạ. Ông liền suy nghĩ: “Có thể những con ong này bay đến để ngăn chặn không cho ông phê chuẩn một bản án hoàn toàn oan ức.”

Do đó, vị quan tòa cho xem xét lại hồ sơ những tên cướp này và tìm thấy có nhiều mâu thuẫn trong lời khai của chúng. Ông liền cho điều tra bọn cướp trở lại. Lần này ông chắc rằng ông đã kết án một người vô tội.

Chỉ sau khi bản án tử hình của người chủ quán được vị quan tòa hủy bỏ những đàn ong mới chịu bay đi! Rồi ông quan tòa hỏi tên chủ quán có biết tại sao đàn ong bay đến cứu thoát cho ông không?

“Thưa ngài tôi thực sự không biết, nhưng có thể là do tôi đã cứu sống nhiều con ong bị chết đuối trong những hũ rượu của tôi. Chúng ngửi thấy mùi rượu nên bay đến, rơi vào trong đó và không thể thoát ra được. Thấy vậy, tôi luôn luôn cứu sống chúng. Giờ đây, chúng bay đến để cứu giúp lại tôi. Thưa ngài, tôi nghĩ chắc là như vậy.”



Bees Prevent A Miscarriage Of Justice

One day a bartender in a tavern happened to see that there was a bee drowning in one of his kegs of liquor. He felt sorry for the little bee, so he lowered a chopstick to the bee for it to climb out on. He put the chopstick down, and watched as the bee dried out. It flapped its wings so they would dry out faster. When it was all dry again, it flew away buzzing busily.

After that, the bartender noticed that quite a few bees were attracted by the smell of the liquor, fell in, and drowned. From then on, he kept an eye out for them, and rescued many bees.

This went on for many years. One day, he was startled when bailiffs from the court marched into his tavern and, without a word of explanation, handcuffed him and marched him off to the court. When he got there, he discovered that he had been framed. Some captured bandits who held a grudge against him said that the bartender was one of their gang, so the judge in charge of the case had him hauled in to behead him with the rest of them.

The bartender protested that he was innocent, but the bandits had already said he was guilty, so the authorities assumed he was guilty. The bartender's heart went cold as he saw the main judge pick up the red brush used for writing out the death sentence.

Just as the main judge picked up his brush to write, a loud buzzing was heard coming closer, getting louder and louder. A great swarm of bees came flying in the window and landed on the judge's red brush! The judge waved the brush to shake them off, but more and more bees came. They didn't sting, but they wouldn't go away, either.

The judge thought this most extraordinary. "Perhaps," he mused, "These bees are here to prevent a miscarriage of justice."

At that, the main judge examined the bandits again, and found contradictions in their testimony. He grilled them over again. This time he was sure that he had almost executed an innocent man.

Only when the judge called off the bartender's death sentence did the swarms of bees fly away. Then the judge asked the bartender if he knew why the bees had come to save him.

"I really don't know either, your honor, but maybe it's because I have saved lots of bees that almost drowned in my vats of liquor. They come to the smell, you know, and then they fall in and can't get out. When I see that, I always save them. Now they've come to save me, I guess, your honor."



春夜思

春夜客思國
自問幾年歸
聞風蕭瑟裏
感作十家詩
他鄉愁意落
看樹望月時
孤篷泊苦恨
記事翼天悲

藍源

Dịch thơ 1:

Đêm Xuân Thương Nhớ

*Đêm xuân thương nhớ nước
Về quê biết độ nào
Nghe gió buồn hiu hắt
Nguồn thơ lai láng trào
Đất khách ý sâu rưng
Cây đọt bóng trắng cao
Thuyền đơn hờn bến khô
Gởi mái trời nao nao!*

SONG NGUYỄN

Dịch thơ 2:

Tâm Sự Đêm Xuân

*Đêm xuân nhớ nước thương quê
Biết bao giờ mới trở về cố hương
Gió nghe xiết nỗi đoạn trường
Xót xa lắng xuống từng chương thơ sầu
Mắt quê nỗi hận chìm sâu
Ngừng nhìn trăng bạc trên đầu ngọn cây
Cô đơn thuyền lạc bến này
Nỗi niềm bi phần dâng đầy trời cao.*

TRẦN QUỐC BẢO

Xuân Dạ Tư

Xuân dạ khách tư quốc
Tự vấn kỷ niên quy
Văn phong tiêu sắt lý
Cảm tác thập gia thi
Tha hương sầu ý lạc
Khán thụ vọng nguyệt thi
Cô bông bạc khổ hận
Ký sự dục thiên bi.

LAM NGUYỄN

thơ

PHẬT GIÁO THẮNG TRẦM: TRƯỜNG HỢP NHẬT BẢN VÀ SRI LANKA

(tiếp theo trang 63)

Tranh luận kết thúc bằng chiến thắng của các Phật Tử, không chỉ nêu rõ các lý luận và niềm tin hoang tưởng của các diễn giả Thiên Chúa, mà cũng nêu bật giáo lý Phật Giáo. Khi các diễn giả Thiên Chúa rút lui, Phật Tử tung bừng vui mừng. Lễ hội tổ chức khắp các chùa để mừng chiến thắng, và hình nộm của ngài Gunaananda được rước từ làng này qua làng kia.

Một học giả Hoa Kỳ tên là Dr. Peebles có mặt ở Sri Lanka vào lúc diễn ra cuộc tranh luận

Panadura, đã viết lại diễn tiến tranh luận này trong một cuốn sách khi về lại Hoa Kỳ. Đại Tá

Henry Steele Olcott đầu tiên chú ý về Phật Giáo nhờ đọc cuốn sách này trong một thư viện công cộng ở Mỹ. Olcott sinh ở Hoa Kỳ, thời trẻ là một nông dân thành công, và vào quân đội, trở thành đại tá của cả hải quân và bộ binh. Vào năm 43 tuổi, lúc đó là năm 1875, ông rời mọi chuyện thế gian để cùng bà Madame Blavatsky sáng lập hội Theosophical Society để nghiên cứu về tất cả các tôn giáo. Đọc về cuộc tranh luận Panadura, ông thấy tầm quan trọng của Phật Pháp, và năm 1880 ông cùng bà Madame Blavatsky tới Sri Lanka để trực tiếp nghiên cứu Phật Giáo. Chính nơi đây, ông trở thành Phật Tử và hoạt động cho Phật Giáo tại Sri Lanka.

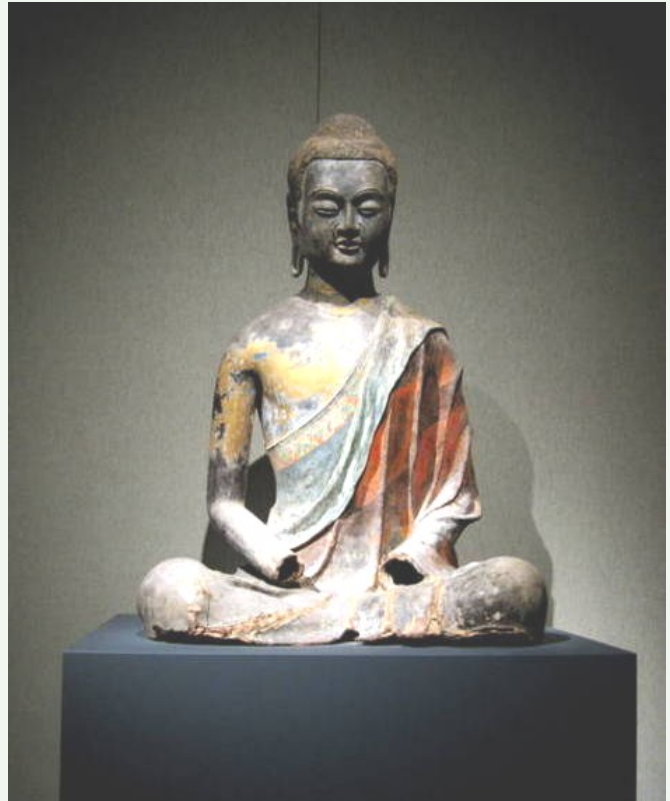
Olcotte trình bày với các lãnh đạo Phật Giáo Sri Lanka rằng cần phải ưu tiên cho nền giáo dục Phật Học. Dưới hướng dẫn và lãnh đạo của Olcott, và với hỗ trợ từ tất cả các nhà sư, các cư sĩ tại Sri Lanka thiết lập hội Buddhist Theosophical Society vào ngày 17-6-1880. Mục tiêu chính của hội là thiết lập các trường học Phật Giáo, và mang tất cả công nhân Phật Tử vào một tổ chức mà không phân biệt giai cấp, thành phần, chỉ nhằm bảo vệ quyền lợi Phật Tử ở Sri Lanka.

Khi Olcott tới Sri Lanka, lúc đó chỉ có 3 trường Phật Giáo được chính phủ tài trợ ngân sách. Năm 1897, tức 12 năm sau khi hội này hoạt động, có 25 trường nam sinh, 11 trường nữ sinh, và 10 trường hỗn hợp nam nữ do hội thành lập. Năm 1903, có 174 trường dưới quản trị của hội, và học sinh lên tới 30,000 trẻ em. Năm 1940, số lượng trường tăng tới 429 trường.

Hội cũng thành lập một tờ báo viết bằng tiếng Sinhalese, tờ Sarasavisandarasa, vào tháng 12-1880, và sau đó làm tờ phụ bản Anh ngữ, tờ The Buddhist, bây giờ là nguyệt san của hội YMBA, tại Colombo.

Cũng chính Đại Tá Olcott đã vận động giành lại cho Phật Tử Sri Lanka quyền làm các lễ hội Phật Giáo và ngày trăng tròn Vesak được tuyên bố là ngày lễ toàn quốc. Lá cờ Phật Giáo cũng do Olcott vẽ ra.

Bên cạnh đó, còn có các nỗ lực khác của vị học giả biện tài Mohottivatte Gunaananda Thera và các thân hữu. Họ lập một nhà xuất bản chuyên trả lời các



chỉ trích từ người Thiên Chúa Giáo, và in sách về nghiên cứu Phật Học. Do vậy, nhà xuất bản đầu tiên kiểm soát bởi Phật Tử Sinhalese xuất hiện năm 1862, với tên Lankopakaara Press, là hiến tặng của Vua Thái Lan. Trong cùng năm, Mohottivatte Gunaananda Thera lập nhà xuất bản Sarvajña-saasanaabhivurdhhi-daayaka Press tại Kotahena, gần Colombo. Kế tiếp, là các nhà xuất bản Lakrivikirana Press lập năm 1863, và Lankabhinavavisruta Press năm 1864. Phong trào học Phật sôi nổi khắp nơi. Thời kỳ này, có nhiều học giả Phương Tây tới để nghiên cứu Phật Giáo.

Năm 1948, Sri Lanka tuyên bố độc lập, kết thúc thời kỳ 133 năm làm thuộc địa của Vương Quốc Anh. Cuộc chiến đấu giành độc lập cam go đã gắn bó các nhà hoạt động Phật Giáo với phong trào gây ý thức dân tộc tự chủ.

Những ngày nghỉ cuối tuần, trước kia là Chủ Nhật, kể từ năm 1966 được chính phủ đổi thành bốn ngày Poya trong tháng (tức là, ngày trăng tròn, ngày trăng mới mọc, và hai ngày trăng mọc hay tàn ¼ -- i.e., full and new moon, and the two quarter moon days). Tất cả các chùa tại Sri Lanka đều có trường dạy Phật Pháp cho trẻ em vào các ngày Poya này (khi còn người Anh, là dạy các ngày Chủ Nhật). Bộ Văn Hóa Sri Lanka cung cấp sách học cho trẻ em, và trao giải thưởng cho các trẻ em có điểm thi xuất sắc các kỳ khảo sát Phật Học.

Phần trên, chúng ta đã khảo sát về trường hợp Phật Giáo thắng trầm ở Nhật Bản và Sri Lanka.

Phật Giáo Việt Nam sẽ học được bài học nào từ hai trường hợp trên? Đó là câu hỏi chung cho mọi người quan tâm vậy.

Cư Sĩ Nguyên Giác, 2012

VẼ TRANH...

*Những người liên hệ vẽ bức tranh
Ngày, tháng trôi qua lộng tâm thành
Thất chặt nhiều năm tô nguyện ước
Đậm nét màu xanh... nguyện sẽ thành !*

*Thương quá những ai trọn một đời
Quay về nương tựa... giữa mù khơi
Thế gian sao quá chùng hiềm ác?
Nên mộng lành đi... chẳng một lời.*

*Cảm xúc chân thành xin cảm tác
Tặng những lời thơ kẻ đợi chờ
Mong sao tất cả người hiềm ác
Cùng ngắm màu tranh vượt bến bờ.*

TIẾNG CHIM HÓT

*Chiều buông, phủ hàng bông giấy
Gió đầu thổi nhẹ cơn say
Tiếng chim hót dài không dứt
Thoảng qua đã hết một ngày*

*Tỉnh thức trong giờ hiện tại
Đại gì mơ ước tương lai?
Biết đâu bây giờ là thế...
Đường về rạng rỡ hôm nay.*

HUYỀN VŨ



XIN NGƯỜI TRỞ LẠI

*NGƯỜI đi, đi để mà đi
Không nơi nào đến chẳng nơi nào về
Trần gian còn lắm u mê
Sao không ở lại mà về nơi nao?
Giúp người thôi hết khổ đau
Như thiên nga rút trên cao xuống vườn
NGƯỜI dành băng bó vết thương
Mặc cho lý luận của phường ác tâm
Xin NGƯỜI trở lại cõi trần
Gieo mùa xuân đến an lành nơi nơi .
Hai ngàn năm trước NGƯỜI đi ,*
Xin NGƯỜI trở lại hai ngàn năm sau .
Chúng con tha thiết dâng cao
Trầm hương mở lối mong sao NGƯỜI về .*

Tháng Tư 2012 – PL.2556

PHÁP TUỆ TÂM

TÂM NGUYỆN

*Lòng tri ân này dâng lên Đức Phật
Người dạy con sống cuộc đời thánh thiện
Đã trao cho con chân lý nhiệm màu
Tự ngàn xưa cho mãi đến ngàn sau...!*

*Với mọi người chung cùng bên cuộc sống
Đã cho con manh áo với chén cơm
Nên trái tim con mang đầy ân nghĩa
Ôi ! biết bao nhiêu... vẻ đẹp, hương thơm.*

*Con nguyện sống vì đời và tất cả
Lòng từ bi xin trải khắp muôn nơi
Cho nhân thế bình an và hạnh phúc
Từ hôm nay và mãi đến muôn đời.*

PHÁP TUỆ ĐỨC

thơ

**HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ PL 2556 (2012)
WESTMINSTER, CALIFORNIA, NGÀY 22.4.2012 - Photos: Hải Triều Âm**



**ĐẠI TIỆC THANH TRAI CÚNG DƯỜNG XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ
SANTA ANA, CALIFORNIA NGÀY 15.4.2012 - Photos: Dzũng Nguyễn**



PHẬT PHÁP VỚI TUỔI TRẺ

Ý NGHĨA CỜ PHẬT GIÁO

GDPTVN tại Hoa Kỳ biên soạn

Lá cờ Phật Giáo là biểu tượng của Phật Giáo qua sự hiện hữu của đạo Phật trong cuộc đời này. Cờ Phật Giáo do Đại tá Henry Steel Olcott (1832-1907), người Hoa Kỳ, theo học Phật Pháp cùng với Thượng tọa H. Sumangala, người Tích Lan, đã phỏng theo sáu màu hào quang của Đức Phật để phác họa vào năm 1889. Những màu hào quang của Đức Phật là: xanh, vàng, đỏ, trắng, cam và màu tổng hợp của năm màu vừa kể.

Lá cờ này đã được treo lần đầu tiên tại các chùa Tích Lan vào dịp lễ Phật Đản 1889. Sáu mươi một (61) năm sau tại Đại Hội Phật Giáo Thế Giới đầu tiên tổ chức ngày 25 tháng 5 năm 1950 tại thủ đô Colombo, nước Tích Lan, gồm có hai mươi bảy (27) quốc gia hội viên thuộc Á châu, Âu châu và Bắc Mỹ tham dự, đã chính thức công nhận làm cờ Phật Giáo Thế Giới. Hiện nay lá cờ được khoảng tám mươi (80) quốc gia trên thế giới sử dụng trong các ngày lễ Phật Giáo.

Năm màu trên cờ Phật Giáo bao gồm những ý nghĩa sau đây:

1. Màu hào quang của Đức Phật:

- a. Xanh: Thiền định
- b. Vàng: Trí tuệ
- c. Đỏ: Tinh tấn
- d. Trắng: Thanh tịnh
- e. Cam: Từ bi

2. Ngũ căn và ngũ lực: Ngũ căn là năm pháp môn căn bản mà người tu hành muốn hoàn thiện để tiến đến giác ngộ. Ngũ lực là năm sức mạnh tinh thần làm động cơ thúc đẩy. Ngũ căn và ngũ lực gồm có:

- a. Xanh - Định: Tập trung tư tưởng, định tinh tâm hồn.
- b. Vàng - Huệ: Trí hiểu biết phán đoán.
- c. Đỏ - Tấn: Sự chuyên cần, tinh tấn.
- d. Trắng - Tín: Lòng tin tưởng.
- e. Cam - Niệm: Điều suy nghĩ, ghi nhớ.

3. Ngũ uẩn hoặc ngũ ấm: Ngũ uẩn là năm nhóm tạo nên con người: Sắc (body, form), thọ (feelings), tưởng (perfection), hành (metal formation), thức (consciousness).

Trên cờ Phật Giáo:

a. Xanh: Biểu trưng cho sắc là vật chất gồm đất, nước, gió và lửa, tức là phần cấu tạo nên thể xác.

b. Vàng: Biểu trưng cho Thọ là cảm giác như các việc vui, buồn, mừng, giận, ghét, thương, việc nhận lãnh, từ chối v.v...

c. Đỏ: Biểu trưng cho Tưởng là kiến thức về khái niệm.

d. Trắng: Biểu trưng cho Hành là trạng thái tâm lý, tức là hành động và nghiệp lực song hành với nhau. Ta biết làm điều lành và tâm luôn hướng tới việc thiện thì tự nhiên đời sống nội tâm sẽ được thư thái dễ chịu. Một khi lỡ làm một việc trái với lương tâm ta cảm thấy đau nhói, cắn rứt.

e. Cam: Biểu trưng Thức là năng lực trí tuệ hay ý thức, là phần quan trọng số một đối với người biết thăng tiến cuộc đời mình. Việc nhận thức lệch lạc sẽ dẫn ta đến bờ vực thẳm của thất bại, đau khổ.

Màu tổng hợp tượng trưng cho hòa bình an lạc như một hợp chất duy nhất không thể tách rời được. Tượng trưng cho từng phần của ngũ căn, ngũ lực, ngũ uẩn phải dính liền với nhau thì việc tu tập mới thành công được.

Ngoài ý nghĩa tinh thần ra, màu cờ Phật Giáo còn tiêu biểu cho màu da, chủng tộc của các sắc dân, không phân biệt da vàng, da đen, da trắng, da đỏ v.v... Mà tất cả con người trên thế giới đều là anh em với nhau cùng tôn thờ lý tưởng Phật Giáo để cùng nhau bắt tay xây dựng và phát triển ngôi nhà chánh pháp của Đức Như Lai.

Lá cờ Phật Giáo Thế Giới được tung bay lần đầu tiên ở Việt Nam tại Kỳ Đại Hội Phật Giáo Việt Nam tổ chức tại Hà Nội năm 1951, cùng lúc bài Phật Kỳ "Phật Giáo Việt Nam" do nhạc sĩ Lê Cao Phan sáng tác, đã đem lại cho người Phật Tử niềm phấn khởi, tin tưởng nơi các đại biểu toàn quốc. Sau kỳ đại hội này lần sinh khí Phật Giáo Việt Nam được hồi sinh sau một thời gian vắng bóng vì hoàn cảnh đất nước.

Lá cờ Phật Giáo Thế Giới được giương cao lên ở bất cứ nơi nào, chúng tỏ rằng ở đó chánh pháp được phát huy và con người thấm nhuần trong giáo lý giải thoát, giác ngộ của đạo Phật vậy.



THE MEANING OF THE BUDDHIST FLAG

The world's Buddhist flag represents the spirit of the Buddhist religion. The flag was invented by Colonel Henry Steel Olcott (1832-1907), an American who studied Buddhism with the Venerable H. Sumangala, a Buddhist monk in Sri Lanka. In 1889, they drew up the Buddhist flag based on the colors of Buddha's halo. These colors are dark blue, yellow, red, white, and orange. Separately as well as combined, the colors have significant meanings.

In 1889, the Buddhist flag was displayed for the first time at many Buddhist temples in Sri Lanka during the celebration of Buddha's birthday. Sixty-one years later, on May 25, 1950, the first World Buddhist Conference was organized at Colombo, Sri Lanka. The conference consisted of delegates from 27 different

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

countries from Asia, Europe, and North America. During this first meeting, the delegates agreed on the colors of the flag and its meaning. Today, the Buddhist flag is honored and displayed by approximately 80 countries during Buddhist holidays.

The meanings of the colors on the flag:

1. These are the colors of Buddha's aura:

- Dark Blue: Meditation
- Yellow: Wisdom
- Red: Diligence
- White: Purity
- Orange: Compassion.

2. They are the five roots and basic moral powers a Buddhist needs to progress on the road to enlightenment:

- Dark Blue - Concentration of thought: Do not let the mind wander when performing a task, control it and let it be calm.
- Yellow - Wisdom: The level of understanding and how things are analyzed and judged.
- Red - Diligence: Always strive to improve.
- White - Faith or belief: Believing in Buddha and in oneself.
- Orange - Thoughts or mind-

fulness: This has to do with the mind, thoughts, and memories.

3. These are the five things that make up beings:

- Dark Blue - Material quality or form: The four matters that form us: dirt, water, air and fire.
- Yellow - Sensation/feeling: Sad, happy, angry, etc.
- Red - Knowledge and perceptions.
- White - Action that are in connection with the mind / conscience: Karmas are results of actions. In other words, if good deeds are performed, merits will follow. When we do good deeds, our minds are at peace, but when we commit wrongdoing, we feel uneasy and guilty.
- Orange - Consciousness: The knowledge or the comprehension of all things. It is the most important aspect for all who try to improve their lives. By truly understanding something, one will make the best decisions, otherwise, misjudgment will lead to failure and sufferings.

The combination of all five colors represents peace. This unification of the colors is inseparable. Each of the colors repre-

sents one of the five senses. Together the five senses will help attain enlightenment. The colors of the Buddhist flag also represent the non-discrimination of others based upon the color of their skin. Its belief is that everyone is equal. All of us are brothers and sisters who share the same belief, who worship the same religion, and who work together to build a stronger existence of Buddhism for the future.

The World Buddhist Flag was displayed in Vietnam for the first time at the Vietnamese Buddhist Congregation conference held at Hanoi in 1951. At the same time, the Vietnamese Buddhism Anthem "Phật Giáo Việt Nam" was composed by musician Lê Cao Phan. These events brought about more trust and faith in the delegates by all the Vietnamese Buddhists. These events also revived the morality of Buddhism after its absence due to the political circumstances in Vietnam. Wherever the Buddhist Flag is displayed, one can be assured that Buddha's teachings are being practiced and the people there understand the way to Buddhahood.

Đường Về Tri Kiến Phật

(Tâm tư của người mới về hưu)

Ngày làm tám tiếng không sao,
Bây giờ được nghỉ, mà chau hăng ngày!
Chập chờn viễn ảnh ngày mai:
Cuộc đời rộng lặng, tháng ngày ngời không!
Nội tâm chán nản chất chồng!
Tinh thần quên lãng, cõi lòng quạnh hiu!
Một mình trên quãng đường chiều,
Nhớ ngày tuổi trẻ, của nhiều ước mong,
Không gì để thẹn trong lòng:
Vào đời tay trắng, tay không ra về!
Thấy đời quả thật con mê,
Giả tướng, giả ngã, muôn bề bi ai!
Pháp mâu Phật Tổ giải bày:
Quyết tâm tu Huệ thấy ngay đường về,



Thoát vòng sanh tử lìa mê,
Tri kiến Phật Tánh, tức Quê Nhà mình!
Không còn phiền não vô minh,
Vô sanh, vô diệt, tự mình Như Như!

NHỆT THANH - TUYẾT NGUYỄN

GÃ HỌC PHẬT NHƯ THỂ

Ngu Chủ

Gã sinh ra và lớn lên như hàng vạn trẻ em khác, chẳng có gì đặc biệt đáng để nói cả; những cái đặc biệt mà người đời thường mơ mộng, thêu dệt, chẳng hạn như: đẻ bọc điều, có hương thơm, có hoa nở, chim ca... Thậm chí gã còn vốn là một đứa trẻ hậu đậu học trước quên sau, trí tuệ "chậm tiêu" vô cùng. Nhưng gã có cái may mắn là sinh ra trong một gia đình Phật tử thuần thành. Đành rằng là Phật tử nhưng vào cái thời ấy chẳng ai dám nhận mình là Phật tử hay con chiên... Lý lịch ai cũng ghi "không tôn giáo", nếu ai uống mật gấu, thuốc liều ghi vào lý lịch tôn giáo này nọ là một à nha! Nhẹ cũng bị cho là lạc hậu, mê tín... nặng thì phê bình; hoặc thi cử, xin việc... đều bị loại cả!

Trở lại chuyện gã. Ba gã thấy vậy mới than rằng:

- Vì nghiệp gì mà hậu đậu thể này? - ông bèn y cứ theo Kinh Địa Tạng mà làm: bày một chén nước trong trước hình tượng của Bồ Tát, chỉ dẫn gã tụng kinh Địa Tạng trong một tuần lễ và sau đó uống chén nước này! Nếu người không tin Phật nghe việc này ắt cười phì cho là: mê tín, viển vông... Nhưng thật sự: có cầu có cảm. Dần dần thời gian sau đó mỗi năm học mỗi tiến bộ một chút, bớt ngu một chút, dần dần bớt "dốt đặc cán mai" nhưng có lẽ vẫn còn "đặc cán cuốc"... Mỗi tối đều tụng kinh Địa Tạng suốt mấy năm liền!

Ngày thi tốt nghiệp hết cấp hai để lên cấp ba, gã đã làm được một việc mà không ai có thể tin nổi: Điểm môn văn đạt 9.5 (đáng lý 10 nhưng vì chữ viết "như gà bới" nên trừ đi 0,5). Chu choa mẹ ơi, sướng ơi là sướng, bây giờ mọi người đừng có kêu gã là thằng hậu đậu nữa nhé! Mọi người vẫn không phục cho là gã có phao (tài liệu), có ai đó gà bài cho... Nhưng thật sự là tự lực gã. Có một điều gã biết là: Gã

bớt ngu, bớt hậu đậu là nhờ sự gia bị của Bồ Tát, nhờ vào gia trì tin tưởng nơi bốn kinh Địa Tạng, nhờ vào ly nước nơi hình tượng của ngài! Nhưng rồi từ đây lại phát sinh chuyện khác. Sau khi đã bớt ngu đáng lẽ phải biết ơn sự gia hộ của Bồ Tát, đấng này gã lại bắt đầu sanh kiêu căng, cho mình là giỏi. Những năm học về sau càng sanh lòng khinh mạn. Rồi những môn học thô tả: duy vật biện chứng, triết học Mác-Lê, tư tưởng Hồ... Càng học càng làm cho gã lún sâu vào sự ngạo mạn, ngu si! Những môn học này càng học càng sanh dối trá, chỉ giỏi bạo miệng nói "vung xích chó". Rồi người ta nhồi nhét vào đầu nào là: "Tôn giáo là thuốc phiện của quần chúng" đây là lời của sơ tổ Cộng sản chủ nghĩa. Lão ma đầu của cái nhóm côn đồ ở cổ quận cũng từng nói.

- Ông Bụt có đức mà không có tài cũng là đồ vô dụng! càng "gần mực" bao nhiêu gã càng trở nên "phản đồ" hơn bấy nhiêu. Điều này đã làm cho ba của gã nhiều phen khổ đau. Gã đã bị ma quân kéo vào vòng của chúng rồi. Gã trở nên "vô thần" lúc nào cũng không biết. Ngày qua tháng lại như nước chảy mây bay, gã còn chút dư phước của kiếp nào và hôm nay khởi phát. Gã hưởng sái, ăn ké phước của những vị đã từng "học tập cải tạo" trên ba năm. Đôi cánh sắt mang gã bay qua Thái Bình Dương để đến cái xứ sở "Đế quốc đang dây chết", cái xứ sở "Tư Bản bóc lột"... Cái xứ sở mà người anh em chúng ta chửi rủa (nhưng có cơ hội là chuẩn sang ngay). Ôi chao cái xứ sở gì mà phần nhiều mọi người trên thế gian này đều muốn đến để cho tư bản nó "bóc lột mình"! Những ngày tháng lang du nơi này tất nhiên cũng không hoàn toàn sướng nhưng rõ ràng là quá văn minh, quá tự do, tôn trọng có thừa, vật chất thì không cần phải nói nữa... Dầu là đế nhất xứ sở nhưng vẫn là cõi Ta Bà, mà cõi Ta Bà thì khổ vẫn là khổ. Cuộc sống, gia đình, vợ con và nhất

là tự thân mình... tạo lấy khổ cho mình, nhiều lúc cùng quần đến tột độ!

Thế rồi có một duyên lành vô tình nghe được Hòa thượng Tịnh Không giảng kinh Vô lượng Thọ. Chao ôi, bất chợt một cảm xúc lạ trào dâng mãnh liệt, một cảm xúc không phải biết tả thế nào, có lẽ tức căn thở nào khởi phát? Bao nhiêu là cảm xúc hồi hận nổi lên. Gã đã quay đầu! Gã lao vào đọc, đọc và đọc; đọc ngẫu nhiên những gì liên quan đến Phật! Những chuyện Bồ Đề Đạt Ma, chuyện Thiền sư Lâm Tế chuyên "hát- bồng", chuyện Thiền sư Đơn Hà Thiên Nhiên leo lên cổ Phật ngồi... Rồi chuyện bà lão vắng sanh... làm cho gã choáng ngợp, loay hoay... vẫn chưa định hình được gì cả. Nhưng quan trọng là: cuộc sống của gã lại một lần nữa "có cầu có cảm", đã bớt nóng giận, cuộc sống trở nên nhẹ nhàng không còn căng thẳng nữa, thậm chí cảm hóa được cả vợ con, chị dâu... mọi người xưa kia chưa từng tin Phật nay cũng tin Phật, niệm Phật, ăn chay, bố thí... một sự kỳ diệu không thể tin nổi đã xảy ra! Một lần nữa chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ! Nhưng phải mất rất nhiều năm gã mới tìm ra con đường thích hợp cho mình. Vốn hâm mộ thiền nhưng gã tự xét mình vốn chậm lụt, độn căn... Học thiền nào là "tánh không", "bát nhã" hay học Duy thức... rắc rối quá, còn Mật Tông... thì ít gần gũi với căn cơ của An Nam Mít mình; tóm lại chỉ có Tịnh Độ là thích hợp nhất! Ngày ngày niệm Phật, làm việc cũng niệm Phật, lái xe cũng niệm Phật, đi chơi cũng niệm Phật... Niệm riết có một hôm cảm thấy một dòng cảm xúc tràn ngập khắp người, một cảm xúc chưa từng gặp chưa từng thấy, vừa phấn chấn lạ lùng. Gã bất chợt muốn hét



08.21.2010 12:19

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

toáng lên vì sung sướng (tự nhiên thôi, không phải bắt chước Thiền sư Lâm Tế hét à nha!) và muốn chạy đi gặp khắp mọi người xin lỗi vì những gì gã đã từng gây phiền muộn cho họ trong quá khứ.

Ngày qua tháng lại như lạc điệp phi hoa. Gã thấy mình may mắn quá, nếu không gặp Phật, không học Phật thì đời này khổ rồi. Ông đức của Phật chẳng có thể đền đáp nổi, trí huệ Phật phạm phu chẳng thể nào biết được, chỉ có một cách là hết lòng niệm Phật thôi! Bây giờ đâu có ai nói gì cũng không thay đổi nữa. Niệm Phật dồn hết tâm lực vào thì cũng như người tu thiền dồn tâm lực vào quán hơi thở hay tập trung tư tưởng vào công án thôi! Ngoài ra thì trì tụng kinh Vô Lượng Thọ. Tịnh Không hoà thượng dạy:

- Một bộ kinh thông thì tất cả đều thông!

Nơi Đào bang (Peach state) này thật đẹp và êm đềm làm sao. Không có động đất như Cali, không bão tố như New Orleans, không vòi rồng như miền cowboy Viễn Tây, không sóng thần như Nhật Bản, không nóng cháy da như Ả Rập, không băng giá như Alaska... bốn mùa thay lá ra hoa. Những ngôi chùa Việt dần dần mọc lên. Dù là Thiền, là Tịnh... nhưng cũng đều là: "Mái chùa che chở hồn dân tộc" (Huyền Không thi sĩ)... Mọi người tụ họp về để tưởng nhớ Phật, noi theo con đường mà Phật chỉ dạy đồng thời cũng là nơi "thương nhớ" thay cho quê hương xa tít của mình! Một tượng Phật, một câu Phật hiệu một khi lọt vào sáu căn của mọi người thì nó sẽ lưu ở tầng thức, rồi sẽ có một ngày khởi hiện như bản thân gã từng trải nghiệm! Gã cảm thấy mình may mắn làm sao, vì cũng còn có biết bao người chưa biết đến Phật hay là đang bị bao vây bởi vô minh ngày đêm hủy báng Phật! Ngưỡng mong chư Phật thù từ gia hộ cho tất cả!

Ngu Chủ

PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN NGUYỆT SAN CHÁNH PHÁP

Nguyệt san Chánh Pháp phát hành nhằm mục đích bảo tồn văn hóa Dân tộc và hoằng dương Phật Pháp, không chủ trương bán. Quý độc giả và phật-tử phát tâm bảo trợ hoặc đặt báo dài hạn, xin điền phiếu sau đây để hỗ trợ ấn phí và cước phí gửi báo đến tận tay quý vị.

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

Mỗi tháng: ____ (), \$25 (), \$50 (), \$100 ().

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (), Năm năm (), Một năm (), Hai năm ()

2) ĐẶT BÁO DÀI HẠN:

(Đơn vị tiền tệ nơi đây là US dollars)

* Tại Hoa Kỳ: Một năm (12 số): \$60 ()

* Tại Canada: Một năm (12 số): \$90 ()

* Âu, Úc, Á: Một năm (12 số): \$120 ()

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền ủng hộ: \$ _____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

CHÁNH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

LIÊN LẠC Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Email: baivochanhphap@gmail.com



ĐỌC, CỔ ĐỘNG VÀ ỦNG HỘ

BÁO CHÁNH PHÁP

**LÀ GIÁN TIẾP GÓP PHẦN
HOẰNG TRUYỀN PHẬT ĐẠO,
LỢI ÍCH CHÚNG SANH,
BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC**

LỄ HỘI PHẬT ĐÀN QUỐC TẾ PHẬT LỊCH 2556 LONG TRỌNG CỬ HÀNH: THỰC HÀNH CHÁNH PHÁP ĐỂ CÚNG DƯỜNG PHẬT ĐÀN SINH

Bình Sa

Westminster, CA. — Lễ Hội Phật Đản Quốc Tế được long trọng tổ chức trong 3 ngày 20, 21, 22 tháng 4 năm 2012 tại Westminster Mall, Thành Phố Westminster, Nam California do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cùng các Tự Viện Nam California đứng ra tổ chức với sự tham dự của cộng đồng Phật Giáo các quốc gia như Đại Hàn, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia, Miến Điện, Ấn Độ, Đại Hàn, Bangladesh, Đài Loan, Tích Lan...

Hàng ngàn đồng hương Phật tử, đại diện các hội đoàn, đoàn thể, các cơ quan truyền thông, báo chí, Đại diện Dân Biểu Liên Bang Loretta Sanchez, Đại diện Thượng Nghị Sĩ Tiểu Bang Lou Correa, Dân Biểu Tiểu Bang Jose Solorio, Phó Thị Trưởng Thành Phố Westminster Tạ Đức Trí, Phó Thị Trưởng Thành Phố Garden Grove Dina Nguyễn, Nghị Viên Thành Phố Fountain Valley Võ Đức Minh, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam California LS. Nguyễn Xuân Nghĩa, v.v...

Điều hợp chương trình là Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Thượng Tọa Thích Minh Dung, Đại Đức Thích Hạnh Tuệ, Đạo Hữu Huỳnh Tấn Lê, Đạo Hữu Đỗ Vinh, Đạo Hữu Nguyễn Phú Hùng.

Trước giờ khai mạc là tái hiện khất thực với khoảng 400 Chư Tôn Đức Tăng Ni, tay bưng bình bát khởi hành từ Tịnh xá Trúc Lâm (được thiết kế trước lễ đài) từ từ bước đi thành hàng một,



trong khi đó hàng ngàn đồng hương phật tử đã xếp hàng chung quanh khuôn viên lễ hội để cúng dường Chư Tôn Đức Tăng Ni, sau đó đoàn khất thực trở lại Tịnh xá Trúc Lâm thọ trai. Thọ trai xong là lễ cung nghinh Chư Tôn Đức quang lâm lễ đài được long trọng cử hành, đoàn rước do Đạo Hữu Nguyễn Lượng dẫn đầu khoảng 1000 người với nhiều y phục của mỗi tổ chức khác nhau đã lần lượt diễn hành chung quanh khu vực lễ hội, đi đầu là các em trong Gia Đình Phật Tử với đoàn Lân chào mừng quan khách và đồng hương tham dự.

Lúc 1 giờ chiều Lễ chính thức được cử hành. Sau phần nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Phật Giáo Kỳ, Hoa Kỳ và phút nhập Từ Bi Quán để tưởng nhớ đến các bậc tiền nhân, các thánh tử đạo, các chiến sĩ đã hy sinh để bảo vệ quê hương và đạo pháp, đặc biệt tưởng niệm ngày Quốc Hận 30 tháng 4.

Sau phần nghi thức khai mạc các em Gia Đình Phật Tử lên hợp

ca "Liên Khúc Khánh Đản." Tiếp theo Hòa Thượng Thích Thông Hải, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTNHH, Viện Chủ Tu Viện Chơn Không và An Lạc, Trưởng Ban Tổ Chức Lễ Hội Phật Đản lên đọc Diễn văn khai mạc. Trong đó có đoạn: "...Trên 25 thế kỷ qua, giáo pháp chuyển mê khai ngộ của đức Phật đã được truyền bá

khắp nơi trên thế giới. Ngày nay, nhân loại càng nhận thức rõ rằng đời sống trí tuệ, từ bi và lời dạy hữu ích của đức Phật là di sản văn hóa và tâm linh vô giá cho toàn thể loài người. Chính trong ý nghĩa đó, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua Nghị Quyết vào ngày 12 tháng 11 năm 1999 tuyên dương giáo pháp trí tuệ, từ bi và hòa bình của đức Phật như là phương thức kiến hiệu góp phần xây dựng thế giới hòa bình, và tổ chức Lễ Vesak vào mỗi năm..."

Tiếp theo là lời chào mừng và cảm ơn của Phó Trưởng Ban Lễ Hội Phật Đản do TT. Sutadhara Tapovanaye, thuộc Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Ventura.

Sau đó Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Quyền Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHH, tuyên đọc Thông Bạch Phật Đản của Hội Đồng Giáo Phẩm. Trong đó có đoạn: "... Trong những năm gần đây, có nhiều bài viết về Phật giáo, trong chủ ý muốn bóp méo lịch sử, đặc biệt sự hy sinh của Bồ

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Tất Thích Quảng Đức và nhiều cao tăng của Phật giáo chúng ta. Nhiều Tăng Ni, Cư Sĩ bức xúc trước sự nhục mạ ấy, nhưng xin quý vị cần bình tâm. Nếu có dính chính thì chỉ có trong cung cách khiêm cung và xác tín. Chúng ta quán chiếu rằng, đối lực sẽ tạo ra năng lực. Họ đã giúp năng lực cho Phật giáo Việt nam tại Hoa Kỳ. Trước hết là sự hiệp lực và kiên quyết Đi Tới của chúng ta. Người con Phật không thối chuyển tín tâm vì sự vu khống ấy. Không những vậy mà còn giúp chúng ta thực tập rằng, "hãy siết chặt tay nhau để bảo vệ Đạo pháp hồi những người con Phật" để chúng ta Đi Tới. Nếu không có ma quân làm sao biết được định lực, trí lực và chánh tín sâu dày của người đệ tử."

Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH ban đạo từ. Ngài nói rằng, "... Đệ tử Phật phải là những người tiên phong trên con đường hòa bình, bởi vì lý tưởng của chúng ta là giải thoát giác ngộ như Đức Phật. Thế giới

hòa bình chỉ là hệ quả tất yếu của lý tưởng ấy. Cúng dường và tưởng niệm ân sâu của Đức Thế Tôn trong ngày Vesak, không gì hơn mỗi người chúng ta phải ý thức trọn vẹn về khả tính thành Phật của mình, nỗ lực thực hành Chánh Pháp, và trải lòng thương đến tất cả chúng sanh..."

Tiếp theo Hòa Thượng Thích Nhật Quang thay mặt Đại Lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới (vì lý do sức khỏe không về tham dự được) đọc thư chúc mừng Lễ Hội Phật Đản trong thư có đoạn viết rằng "... Nay chúng ta nhớ ơn Ngài, làm lễ kỷ niệm ngài bằng những hình thức đơn sơ, trang trọng, nhưng quan trọng nhất là chúng ta phải thực hành theo lời ngài dạy, dứt bỏ tham, sân, si. Giữ thân, miệng, ý trong sạch để đem lại lợi lạc cho mình và cho người..."

Hòa Thượng Thích Nguyễn Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội PGVNTNKH, lên ngỏ lời cảm ơn

chính quyền Thành Phố Westminster đã tạo điều kiện thuận lợi để Giáo Hội có điều kiện tổ chức Lễ Hội Phật Đản, Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý vị dân cử, quý cơ quan truyền thông cùng toàn thể đồng hương Phật tử đã tham dự trong 3 ngày Lễ Hội Phật Đản 2012.

Sau đó là phần trao bằng tưởng lệ đến Giáo Hội và Ban Tổ Chức Lễ Hội Phật Đản của các vị dân cử trao đến Hòa Thượng Thích Nguyễn Trí, Hòa Thượng Thích Thông Hải.

Thượng Tọa Thích Như Minh, Phó Ban Tổ Chức Lễ Hội Phật Đản ngỏ lời cảm ơn đến quý vị dân cử cùng toàn thể quan khách đã đến tham dự ngày lễ hội Phật Đản 2012.

Chương trình tiếp tục với phần trình diễn văn nghệ qua các vũ khúc của các cộng đồng các quốc gia tham dự. Chương trình kéo dài với các buổi thuyết pháp và tối lại là chương trình Đại Nhạc Hội Mừng Phật Đản do các anh chị em nghệ sĩ Nam California trình diễn đến 10 giờ đêm mới kết thúc lễ hội.

